CHẶNG ĐƯỜNG DÀI TRANH CỬ BẦU CỬ Ở HOA KỲ NĂM 2008

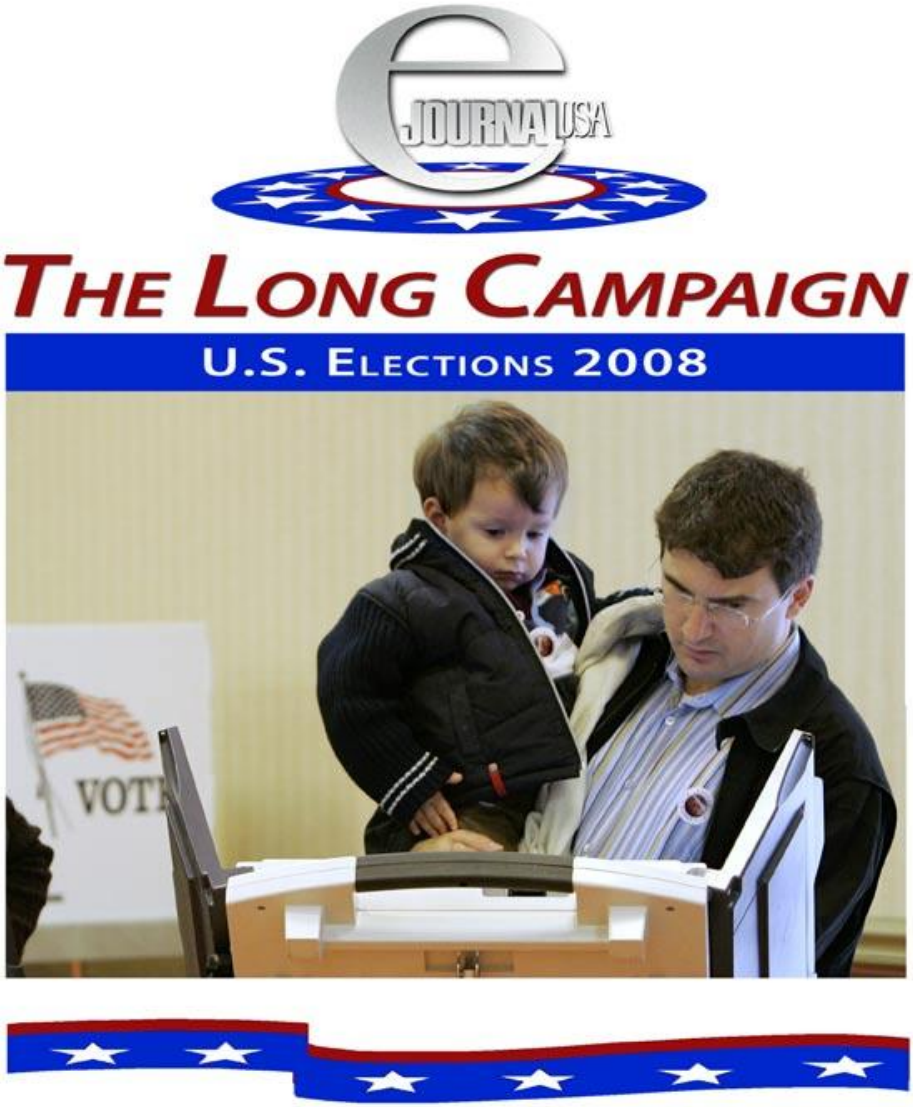

tháng 10, 2007

NỘI DUNG

Nội dung số báo này trang 4
Ban biên tập

Internet đang thay đổi sân chơi như thế nào
trang 6
Andy Carvin, Chiến lược gia Internet, Đài Phát thanh National Public Radio
Các ứng viên và công dân sử dụng công nghệ trực tuyến để gây ảnh hưởng tới cử tri một cách sáng tạo.

Công nghệ bỏ phiếu mới: Phiền toái hay giải pháp?
trang 12
Paul S. DeGregorio, Cựu Chủ tịch, Ủy ban Hỗ trợ Bầu cử Hoa Kỳ
Khi hệ thống bỏ phiếu điện tử trở thành xu thế chủ đạo trong tổ chức bầu cử, các nền dân chủ cần đảm bảo tất cả mọi công dân đều có thể bỏ phiếu tự do, dễ dàng và an toàn.

Lần đầu tiên bỏ phiếu
trang 17
Rebecca Zeifman, Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
Hai bạn trẻ người Mỹ nói về lần đầu tiên bỏ phiếu và ý nghĩa của việc bỏ phiếu đối với họ.

Bầu cử Quốc hội
trang 20
L. Sandy Maisel, Giáo sư nghiên cứu về chính phủ, Đại học Colby, Waterville, bang Maine
Là cơ quan lập pháp tại Hoa Kỳ, Quốc hội chia sẻ quyền ra quyết định với tổng thống, do đó kết quả bầu cử quốc hội có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hoạch định chính sách ở Hoa Kỳ.

Cử tri đang thay đổi ở Hoa Kỳ
trang 24
Daniel Gotoff, Đối tác của Viện Nghiên cứu Lake Research Partners, Washington, D.C.
Các cuộc điều tra dư luận gần đây đã cho thấy mối quan tâm, niềm tin và tình cảm của người dân Mỹ khi họ chuẩn bị bước sang cuộc bầu cử 2008, và các kết quả cho thấy người Mỹ đang mong chờ sự thay đổi.

Cử tri nữ ở Hoa Kỳ trang 29
Các cử tri nữ ở Hoa Kỳ
Kellyanne Conway, Chủ tịch và Giám đốc Điều hành, Công ty Thăm dò Dư luận TMInc., Washington, D.C. Chiếm hơn một nửa số cử tri ở Mỹ, phụ nữ có ảnh hưởng đáng kể tới kết quả bầu cử, và trái với một số ý kiến, các cuộc thăm dò cho thấy phụ nữ quan tâm tới nhiều vấn đề.

Đưa tin về chiến dịch tranh cử tổng thống: Quan điểm của giới báo chí
trang 36
Jim Dickenson, Phóng viên chính trị, Washington Post
Một nhà báo kỳ cựu kể lại kỷ niệm suốt một ngày cùng một ứng viên tổng thống, xuất phát từ 6 giờ sáng đến tận buổi tóm lược tin tức lúc 11 giờ đêm.

Các cuộc điều tra dư luận chính trị: Tại sao chúng ta không thể sống thiếu các cuộc điều tra như vậy
trang 42
John Zogby, Chủ tịch, Zogby International, Washington, D.C.
Các cuộc điều tra dư luận không chỉ cho thấy ứng viên nào sẽ dẫn đầu trong cuộc đua giành lá phiếu của cử tri. Các cuộc điều tra như vậy cũng thể hiện rõ những giá trị và mối quan tâm của cử tri về những vấn đề hiện tại.

Bước khởi đầu mới trang 48
Phỏng vấn Charlie Cook, Chủ báo kiêm biên tập viên của tờ Cook Political Report, và Jerry Hagstrom, Biên tập viên cộng tác của tờ National Journal
Hai chuyên gia chính trị đề cập tới những khía cạnh đặc thù của cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2008.

Cuộc bầu cử năm 2008 ở Hoa Kỳ sẽ được tài trợ như thế nào
trang 57
Jan Witold Baran, Đối tác của Wiley Rein LLP, Washington, D.C.
Ủy ban Bầu cử Liên bang quy định chặt chẽ việc quyên góp và sử dụng tiền trong các chiến dịch chính trị, do đó các ứng viên cần phải quyết định cách thức phân bổ tối ưu nguồn ngân quỹ sẵn có và liệu có nên chấp nhận tài trợ của công chúng hay không.

Liệu cử tri đoàn còn đảm bảo được tính hữu ích của mình không?
trang 62
Hai học giả đề cập tới những ưu và nhược điểm của cử tri đoàn – cơ chế lựa chọn tổng thống của Hoa Kỳ.

Nguồn tư liệu trên Internet trang 67

NỘI DUNG SỐ BÁO NÀY

Trong một nền dân chủ thực sự, người dân được tự do thể hiện sự bất đồng chính kiến. Khi chuẩn bị bước sang cuộc bầu cử năm 2008, chúng ta sẽ chứng kiến các ứng viên, cử tri, những người tiến hành điều tra dư luận và các học giả đồng ý và bất đồng gần như về tất cả mọi thứ. Liệu cử tri có chọn tổng thống căn cứ theo các vấn đề hay phẩm chất lãnh đạo? Liệu cử tri đoàn có hiệu quả hay hệ thống bầu cử cần phải thay đổi? Liệu các điều tra dư luận chính trị có ý nghĩa gì hay không trong nhiều tháng trước khi diễn ra bầu cử?

Chiến dịch tranh cử đã bắt đầu rất lâu trước khi diễn ra cuộc bầu cử năm 2008. Các ứng viên tổng thống đã tiến hành một số cuộc tranh luận, các quảng cáo tranh cử đã xuất hiện, đồng thời các cuộc điều tra dư luận thường xuyên được tổ chức. Trong các cuộc bầu cử năm 2008, cử tri Mỹ sẽ có cơ hội được bỏ phiếu bầu chọn tổng thống và phó tổng thống, các nghị sỹ, quan chức của tiểu bang và địa phương và các sáng kiến bỏ phiếu. Tuy nhiên, có rất nhiều điều rủi ro. Như một số tác giả chỉ ra trong số báo này, đây là cuộc bầu cử đầu tiên trong suốt 80 năm qua không có vị tổng thống hay phó tổng thống đương nhiệm nào ra tranh cử. Hai chuyên gia chính trị Charlie Cook và Jerry Hagstrom sẽ nêu bối cảnh tổng thể của cuộc bầu cử. Trong một sân chơi hoàn toàn rộng mở với sự tham gia của 18 ứng viên tính đến thời điểm xuất bản số báo này, không ai dám liều lĩnh dự đoán người sẽ đắc cử.

Cuộc bầu cử tổng thống mới chỉ là một phần của bức tranh. Trong hệ thống tam quyền phân lập ở Hoa Kỳ, kết quả bầu cử quốc hội sẽ quyết định vị tổng thống mới sẽ thành công tới đâu khi thực hiện chương trình nghị sự của mình. Giáo sư nghiên cứu chính phủ L. Sandy Maisel sẽ đề cập tới vai trò của Quốc hội và ảnh hưởng của các cuộc bầu cử quốc hội.

Daniel Gotoff, người tiến hành điều tra dư luận của Đảng Dân chủ, sẽ cho chúng ta thấy rõ các cuộc điều tra dư luận bộc lộ thái độ của cử tri với cuộc bầu cử năm 2008 và các vấn đề bức xúc hiện nay sẽ chi phối chu kỳ bầu cử như thế nào. Kellyanne Conway, người tiến hành điều tra dư luận của Đảng Cộng hòa, đề cập tới cử tri nữ, tầm quan trọng của lá phiếu của cử tri nữ trong cuộc bầu cử tới cũng như những vấn đề phụ nữ quan tâm.

Ba chuyên gia sẽ cùng chia sẻ quan điểm của họ về vai trò của phương tiện thông tin đại chúng trong các cuộc vận động tranh cử. Jim Dickenson, phóng viên chính trị, nhà báo kỳ cựu của tờ Washington Post, kể lại cuộc sống thực trong một ngày của một phóng viên đưa tin về bầu cử. Chuyên gia Internet Andy Carvin đề cập tới mức độ ảnh hưởng của báo chí cá nhân, nhật ký mạng, vận động gây quỹ qua Internet và các trang thông tin liên kết xã hội tới quy trình chính trị, và do đó không thể không tính tới trong kỳ bầu cử năm 2008. Nhà điều tra dư luận John Zogby bàn tới giá trị của thông tin có được qua các cuộc điều tra dư luận.

Cuối cùng, chúng ta sẽ xem xét quy trình bầu cử. Liệu hệ thống bầu cử của Mỹ có

hoàn hảo hay không? Lẽ dĩ nhiên là không – không có hệ thống nào là hoàn hảo. Jan Witold Baran đề cập tới đạo luật nhằm khắc phục những vấn đề về tài chính cho tranh cử. Cử tri đoàn, hệ thống bỏ phiếu theo tiểu bang để bầu chọn các vị tổng thống Hoa Kỳ vốn từ lâu đã là chủ đề gây tranh luận trong lịch sử; các chuyên gia Ross K. Baker và Jamie Raskin nêu những lập luận ủng hộ và phản đối tính hữu ích của hệ thống này. Paul S. DeGregorio, cựu Chủ tịch Hội đồng Hỗ trợ Bầu cử Hoa Kỳ, bàn tới những nỗ lực cải thiện quy trình bầu cử tại các tiểu bang.

Câu chuyện bầu cử năm 2008 sẽ diễn ra như thế nào? Cuộc bầu cử mới bước vào giai đoạn khởi đầu và là cơ hội cho cử tri tới các địa điểm bầu cử và bỏ phiếu theo niềm tin của họ. Hệ thống bầu cử vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, nhưng những người Mỹ quan tâm có thể và thực sự truy cập Internet, tổ chức và đăng ký bỏ phiếu, đóng góp tài chính cho ứng cử viên của họ, tổ chức các buổi gặp gỡ ứng cử viên, đóng vai trò là người giám sát các cuộc điều tra dư luận bầu cử, và tích cực tham gia theo nhiều hình thức khác nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.

Ban biên tập

INTERNET ĐANG THAY ĐỔI SÂN CHƠI NHƯ THẾ NÀO

Andy Carvin

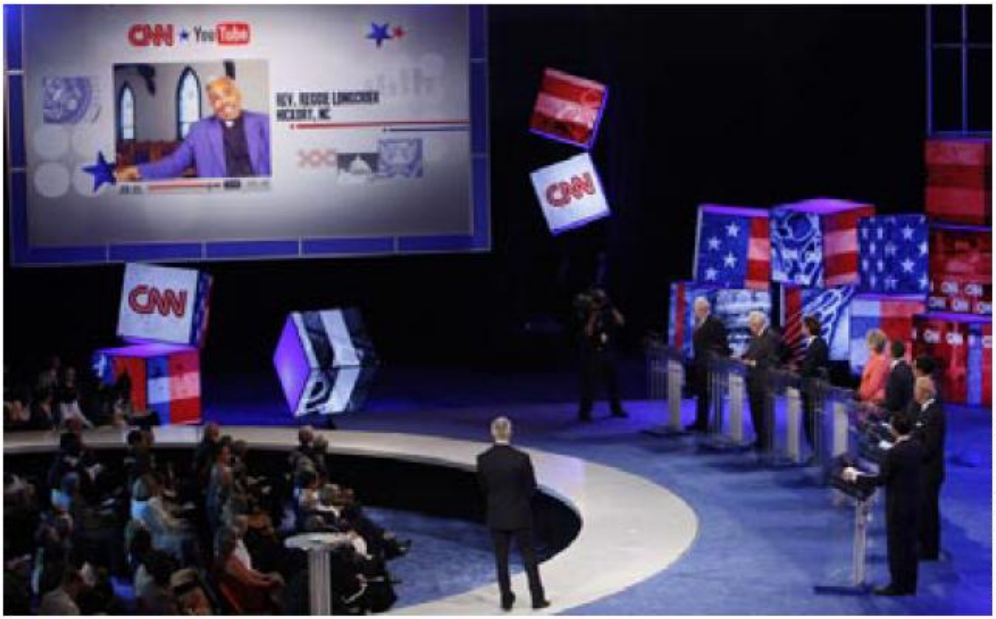

© AP Images/Charles Dharapak

Những ứng cử viên tổng thống tiềm năng của Đảng Dân chủ Mike Gravel, Chris Dodd, John Edwards, Hillary Clinton, Barack Obama, Bill Richardson, Joseph Biden, và Dennis Kucinich đang nghe câu hỏi của Đức cha Reggie Longcrier thuộc Hickory, Bắc Carolina, khi tham gia tranh luận do đài CNN, YouTube và Google tài trợ tại Đại học Quân sự Citadel ở Charleston, bang Nam Carolina tháng 7/2007. (© Ảnh AP/Charles Dharapak)

Internet đã tạo ra cuộc cách mạng trong truyền thông trong suốt thập niên vừa qua, gắn kết người dân theo bất kỳ mục đích nào mà chúng ta có thể tưởng tượng. Tác giả đề cập tới một số đổi mới sáng tạo trong công nghệ trực tuyến được áp dụng trên chính trường khi các ứng cử viên và người dân – thậm chí còn sáng tạo hơn – sử dụng công nghệ để gây ảnh hưởng tới cử tri. Andy Carvin là cựu Giám đốc mạng Digital Divide Network [http://www.digitaldivide.net] và viết nhật ký mạng mang tên Learning.now cho Public Broadcasting Service (Hệ thống Truyền thông Công cộng) [http://www.pbs.org].

Rõ ràng cuộc tổng tuyển cử ở Hoa Kỳ năm 2008 sẽ đánh dấu một năm có tính chất bước ngoặt trong lịch sử Hoa Kỳ, không phải do một chính sách hay một ứng cử viên đặc biệt nào đó. Cũng giống như nhiều kỳ bầu cử gần đây, Internet đã trở thành một công cụ chính trị quan trọng xét từ góc độ vận động, gây quỹ và thu hút sự tham gia của công chúng. Điều khiến cho kỳ bầu cử lần này trở nên thú vị chính là những đổi mới sáng tạo đang diễn ra hiện nay không phải xuất phát từ các chiến dịch vận động hay từ phía các chính trị gia, mà xuất phát từ người dân Hoa Kỳ.

Việc truy cập Internet không phải là hiện tượng mới ở Hoa Kỳ. Bắt đầu từ giữa thập niên 1990, hàng triệu người dân Mỹ đã có thể tiếp cận Internet và kỹ năng sử dụng công nghệ cho dù ở nhà, ở nơi làm việc hay ở trường học. Theo một báo cáo công bố tháng 6/2007 của dự án Pew Internet and American Life (Internet và cuộc sống của người Mỹ), 71% người lớn ở Mỹ truy cập Internet tại nhà, và khoảng 50% người lớn có đường truyền tốc độ cao.

Tương tự như vậy, đại đa số các trường học và thư viện công ở Hoa Kỳ đã có Internet. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách giữa khả năng tiếp cận và kỹ năng sử dụng trong số những người bị tước quyền bầu cử, đặc biệt khi xét từ góc độ trình độ giáo dục và mức thu nhập, cũng như trong nhóm người cao tuổi, người tàn tật và dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, xu hướng chung trong suốt thập niên vừa qua đã cho thấy tốc độ tăng trưởng rất nhanh của việc truy cập Internet.

Khi người dân Mỹ lần đầu tiên bắt đầu sử dụng công nghệ trực tuyến, phần lớn nội dung sẵn có trên Internet là do các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về công nghệ xây dựng. Xuất bản trực tuyến trước hết đòi hỏi phải có kỹ năng công nghệ và khả năng tạo ra lượng lớn nội dung được tinh chỉnh. Đặc biệt, hình ảnh và âm thanh trực tuyến thường được coi là lĩnh vực của các hãng truyền thông lớn.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Internet không có nội dung do công chúng xây dựng. Bắt đầu từ cuối thập niên 1990, số lượng người bắt đầu viết nhật ký mạng cá nhân về những điều đang diễn ra hàng ngày trong cuộc sống của họ đã tăng lên chưa từng thấy. Một số trang rất hay, và cũng rất nhiều trang không hay. Nhưng, ý tưởng viết nhật ký mạng (blog) đã thôi thúc một số chuyên gia phát triển công nghệ trực tuyến xây dựng những công cụ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho bất kỳ ai cũng có thể đưa nội dung văn bản trên mạng. Hiện tượng này nhanh chóng có hệ thống thuật ngữ riêng, trong đó "Web 2.0" và "truyền thông xã hội" đã trở thành một trong những phương thức phổ biến nhất để mô tả xu thế này.

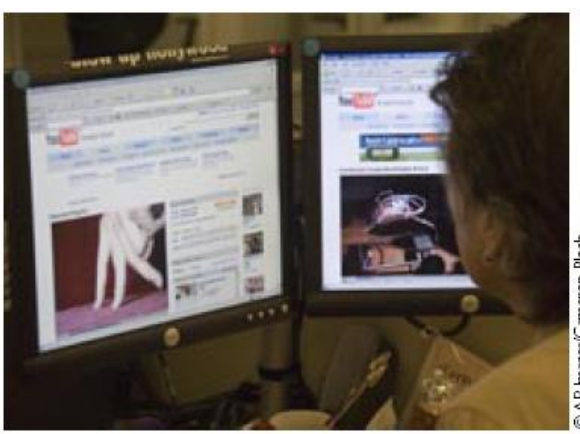

YouTube, dịch vụ chia sẻ video trên Internet, đang đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị Hoa Kỳ. (© Ảnh AP/ Cameron Bloch)

Cộng đồng ảo

Ngày càng có nhiều người sử dụng Internet bắt đầu tham gia cộng đồng trực tuyến. Xét dưới bất kỳ khía cạnh nào, các cộng đồng như vậy không phải là một hiện tượng mới – các nhóm sử dụng thư điện tử và các cộng đồng sử dụng bản tin trực tuyến đã xuất hiện từ thập niên 1970 — mà vì việc sử dụng

Internet ngày càng trở nên phổ biến và các hình thức nhóm được thành lập trực tuyến cũng trở thành xu thế chủ đạo. Không chịu sự chi phối của những nhóm có ưu thế về công nghệ, nhiều người đã bắt đầu thành lập cộng đồng trực tuyến theo khu vực địa lý, ví dụ các thị trấn hoặc khu dân cư, và theo cộng đồng cùng chung sở thích – ví dụ hội nghề nghiệp.

Đến đầu những năm 2000, việc viết nhật ký mạng đã thực sự khởi sắc, với hàng ngàn người tự lập blog của riêng họ. Chỉ trong một vài năm, hàng ngàn người đã nhân lên thành hàng triệu người. Đối với một số người, chỉ cần chút ít thời gian là có thể đưa những trang nhật ký về các vấn đề chính trị lên mạng. Chẳng bao lâu những người viết nhật ký mạng có thể tập hợp được lực lượng đông đảo những người cùng chí hướng chính trị hoặc ủng hộ ứng cử viên nào đó. Họ cũng bắt đầu sử dụng các công cụ cộng đồng trực tuyến để tăng cường liên lạc với nhau.

Một khu vực đặc biệt dành cho các blogger (người viết nhật ký mạng) đã được lập gần phương tiện phát thanh truyền hình chủ đạo và các phóng viên báo viết tại khu diễn ra các hoạt động tranh cử của Đảng Dân chủ. Lần đầu tiên "Blogger's Boulevard"(Đại lộ của những người viết nhật ký mạng) đưa tin trực tiếp về đại hội đảng toàn quốc năm 2004 tại Boston, Massachusetts. (© Ảnh AP/ Lauren Burke)

Một trong những ví dụ điển hình nhất về cộng đồng trực tuyến cấp cơ sở là chiến dịch tranh cử tổng thống của Howard Dean năm 2004. Trước đó, giới truyền thông và các chuyên gia chính trị đánh giá Dean là ứng cử viên hạng ba, song ông đã tập hợp được sự ủng hộ mạnh mẽ trên Internet bằng cách sử dụng nhật ký mạng, chiến dịch gửi thư điện tử và các cuộc thảo luận cộng đồng trực tuyến. Chẳng bao lâu, Dean đã được nhận được sự ủng hộ chính trị, trong đó hàng ngàn người khắp cả nước đã đóng góp cho chiến dịch tranh cử. Khi uy tín của ông trên mạng Internet tăng lên thì các hãng truyền thông lớn bắt đầu đưa tin về ông nhiều hơn, chú ý tới những thành công trong vận động gây quỹ và mức độ phổ biến trong cộng đồng trực tuyến cấp cơ sở của ông. Gần như từ một người không có tên tuổi, ông bỗng dưng trở thành lực lượng chính trị cần phải tính tới. Mặc dù cuối cùng ông không được Đảng Dân chủ đề cử, song những kỹ thuật tổ chức trực tuyến thành công của ông đã giúp tạo nền tảng cho các nhà hoạt động tự do chuẩn bị huy động sự ủng hộ cho các sự nghiệp khác.

Các chiến dịch cộng đồng trực tuyến cấp cơ sở khác đã diễn ra trước chiến dịch của Dean và còn tiếp tục đến tận ngày hôm nay. Ví dụ, năm 1997, những người sáng lập công ty phần mềm ở khu vực San Francisco đã bắt đầu lập nhóm bạn và đồng nghiệp sử dụng thư điện tử. Họ đã hối thúc các quan chức dân cử của họ chấm dứt quá trình luận tội Tổng thống lúc đó là Bill Clinton và "chuyển sang" các vấn đề chính sách khác. Chiến dịch sử dụng thư điện tử đã thành công tới mức những người bạn và đồng nghiệp của họ đã chuyển tiếp thư điện tử tới những người khác. Dần dần, chiến dịch quy mô nhỏ đó đã trở thành một tổ chức chính sách công tập trung vào những vấn đề tiến bộ, đặc biệt là đòi chấm dứt chiến tranh ở Iraq. MoveOn.org giờ đây là một trong những ủy ban hành động chính trị hùng mạnh nhất ở Hoa Kỳ, có hàng triệu người sử dụng Internet tham gia các chiến dịch chính trị thông qua sử dụng thư điện tử.

Trong năm 2003, Dan Bartlett, Giám đốc truyền thông lúc đó tại Nhà Trắng tham gia bàn tròn trực tuyến từ Nhà Trắng để đối thoại trực tiếp với người dân Hoa Kỳ. (© Ảnh AP/Charles Dharapak)

UGC (Nội dung do người sử dụng khởi tạo) và các mạng lưới xã hội

Tính đến cuộc bầu cử quốc hội năm 2006, đã có hai xu hướng Internet mới, minh chứng cho những điều sẽ diễn ra trong kỳ bầu cử năm 2008. Thứ nhất, chúng ta đã chứng kiến sự bùng nổ của UGC – như người ta hay gọi là "nội dung do người sử dụng khởi tạo". UGC về cơ bản là bất kỳ hình thức tài liệu trực tuyến nào do những người không chuyên tạo ra, ví dụ văn bản, hình ảnh, âm thanh, video. Một ví dụ nổi tiếng khắp thế giới về UGC là đoạn phim quay cảnh hành quyết cựu Tổng thống Saddam Hussein qua điện thoại di động. Trong khi Chính phủ Iraq công bố đoạn video tư liệu chính thức về việc chuẩn bị hành quyết thì chính nội dung do người sử dụng khởi tạo, do một người chứng kiến buổi hành quyết quay được, đã trở thành tâm điểm của báo chí trên toàn thế giới.

Trên mạng Internet không thiếu nội dung do người sử dụng khởi tạo, nhờ các trang web chuyên chia sẻ nội dung đa phương tiện, ví dụ YouTube (chia sẻ video) và Flickr (chia sẻ ảnh). Theo một nghiên cứu được *Dự án Internet và cuộc sống của người Mỹ* công bố năm 2006, đã có khoảng 40 triệu người Mỹ đã đưa lên mạng một số hình thức UGC trong khi cứ bảy người sử dụng Internet ở Mỹ thì có một người có nhật ký mạng.

Trong kỳ bầu cử năm 2006, không có sự kiện nào thể hiện sức mạnh của UGC bằng giây phút quay được hình ảnh "khỉ nâu".

Trong khi vận động để tái đắc cử, Thượng nghị sỹ Senator George Allen thuộc tiểu bang Virginia đã thường xuyên bị một thanh niên mang tên S.R. Sidarth theo sát – người đang làm việc cho chiến dịch tranh cử của Jim Webb, đối thủ của ông. Nhiệm vụ của Sidarth là ghi lại những hình ảnh trước công chúng của Allen để thu lại tất cả những gì ông phát biểu trước công chúng, trong trường hợp những nội dung đó có thể được chiến dịch tranh cử của Webb sử dụng. Trong chuyến đi vận động tranh cử vào tháng 8 của năm đó, Allen đã công khai thừa nhận sự hiện diện của Sidarth trước những người tham dự cuộc tuần hành, có hai lần gọi Sidarth là "khỉ nâu". Sidarth là người gốc thổ dân Da đỏ đã tung đoạn video với những lời nhận xét của Allen lên YouTube và các trang web khác. Ngay lập tức hàng trăm ngàn người sử dụng Internet đã xem được hình ảnh đó. Chẳng bao lâu sau, đoạn video đã trở thành vấn đề tranh cử lớn, khi Allen phải chống chọi với những lời cáo buộc cho rằng cụm từ "con khỉ nâu" – một loài có vú thông minh – đã bị sử dụng để lăng mạ. Allen đã xin lỗi và cho rằng cụm từ đó không có nghĩa xấu đối với cá nhân ông. Cuối tháng 11 năm đó, Allen đã không tái đắc cử trước số phiếu sít sao, đồng thời nhiều nhà bình luận đã dự đoán nội dung do người sử dụng khởi tạo do Sidarth quay được đã góp phần giúp Jim Webb đánh bại Allen.

Nội dung do người sử dụng khởi tạo lẽ ra không bao giờ có thể trở thành một thế lực hùng mạnh trong chính trị trực tuyến nếu không có xu hướng quan trọng thứ hai: tốc độ tăng trưởng của mạng xã hội trực tuyến. Các cộng đồng trực tuyến đã xuất hiện kể từ những ngày đầu tiên mới có Internet. Song trong một vài năm qua, số lượng và quy mô các cộng đồng trực tuyến đã tăng lên nhanh chóng do công nghệ được cải thiện và tạo điều kiện cho người sử dụng tải lên mạng những nội dung của riêng họ và trao đổi với nhau. Các trang web như MySpace và Facebook đã phát triển từ cộng đồng của riêng lứa tuổi vị thành niên để trở thành những đại gia trực tuyến với hàng chục triệu thành viên. Theo một báo cáo do Ipsos Inc. công bố tháng 7/2007, 24% số người sử dụng Internet ở Mỹ đã tham gia vào mạng lưới xã hội chỉ riêng trong tháng trước đó, trong khi 1/3 số người sử dụng Internet đã tải xuống các video. Các ứng cử viên trong cuộc đua năm 2006 đã tận dụng lợi thế của các xu hướng này bằng cách lập hồ sơ cá nhân trực tuyến trên các trang web của mạng xã hội lớn, trong khi một số ứng cử viên đã đưa lên mạng các mẩu quảng cáo tranh cử cũng như nhiều tài liệu truyền thông đa phương tiện khác.

Những đổi mới trong tranh cử trực tuyến năm 2008

Kỳ bầu cử năm 2006 mới chỉ là bước khởi đầu của những gì chúng ta có thể sẽ chứng kiến trong năm 2008. Kể từ chiến dịch tranh cử tổng thống trước đến nay, các ứng cử viên đã bắt đầu đẩy mạnh mạng lưới xã hội thêm một bước bằng cách xây dựng các mạng lưới xã hội chuyên phục vụ cho các chiến dịch tranh cử của họ. Đặc biệt, các ứng cử viên của Đảng Dân chủ Barack Obama và John Edwards đã vươn lên với những mạng lưới xã hội có quy mô lớn của họ, sử dụng những công cụ này để thu hút những người ủng hộ và lẽ dĩ nhiên kêu gọi ủng hộ cho ngân quỹ tranh cử của họ.

Các ứng cử viên của cả hai hai chính đảng lớn đều đã sử dụng video trực tuyến để giao

lưu với lực lượng cử tri ủng hộ họ. Thậm chí một số người trong số họ còn tuyên bố việc ứng cử của họ bằng cách sử dụng video trực tuyến.

Ngay khi các ứng cử viên bắt đầu xây dựng mạng lưới xã hội của riêng họ, chúng ta đã thấy một xu hướng mới trong đó nhiều người dân bình thường cũng xây dựng mạng lưới xã hội của riêng mình, tập hợp những người cùng chí hướng theo những lý tưởng chính trị chung. Thậm chí đến mùa thu năm 2006, người ta vẫn chưa biết tới những mạng lưới xã hội tự phục vụ, nhưng chỉ trong một thời gian rất ngắn kể từ đó đến nay, những công cụ trực tuyến như Ning.com hiện đã tạo điều kiện cho bất kỳ ai cũng có thể xây dựng được mạng lưới xã hội đặc thù của riêng mình. Hiện các cá nhân, cũng như các chiến dịch mới được thành lập với nguồn tài chính eo hẹp, có thể sử dụng những công cụ này để thúc đẩy mạng lưới cử tri ủng hộ cấp cơ sở.

Gần đây, các mạng lưới xã hội cũng phát triển nhằm mục tiêu cụ thể là vận động gây quỹ. Một trong những công cụ đó là trang web mang tên Change.org. Lúc đầu được thành lập để cho phép các cá nhân tập hợp lực lượng theo các mục tiêu từ thiện, mạng lưới xã hội để thiết kế lại cơ cấu tổ chức nhằm giúp người dân có thể tập hợp cùng nhau vì mục tiêu chính trị hoặc ứng cử viên nào đó. Ví dụ, nhóm các nhà hoạt động vì quyền được dùng súng có thể sử dụng trang web này để thành lập một ủy ban hành động chính trị không chính thức và vận động gây quỹ ủng hộ các ứng cử viên nhất trí với lập trường chính sách của họ. Nếu các ứng cử viên thực sự chưa được lựa chọn, Change.org sẽ giữ số tiền này cho đến khi đảng đề cử ứng cử viên đó. Khi một ứng cử viên chính thức nhận được số tiền quyên góp từ những nhà hoạt động trực tuyến như vậy, đối thủ của ông/bà ta sẽ nhận được một lá thư nêu rõ ứng cử viên kia đã đã nhận được tiền quyên góp của Change.org, nhằm thông báo cho đối thủ biết rằng người dân đang vận động gây quỹ để phản đối lập trường của đối thủ về vấn đề nào đó.

Nói tóm lại, mặc dù Chiến dịch tranh cử năm 2008 vẫn chưa bắt đầu, song đã có một điều chắc chắn. Internet đã mãi mãi thay đổi cách thức giao lưu và trao đổi giữa ứng cử viên và cử tri ở Hoa Kỳ. Sẽ có ít nhất một hoặc hai ứng cử viên hàng đầu có thể sẽ vận động gây quỹ thành công, và các ứng cử viên có thể sẽ không còn hoàn toàn kiểm soát thông điệp của họ nữa. Công chúng sử dụng các công cụ Web 2.0 để nói lên tiếng nói của họ; bao giờ vấn đề chỉ còn là các ứng cử viên sẽ lắng nghe những tâm tư nguyện vọng như vậy tới đâu mà thôi.

Các quan điểm trình bày trong bài viết này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

CÔNG NGHỆ BỎ PHIẾU MỚI: PHIỀN TOÁI HAY GIẢI PHÁP?

Paul S. DeGregorio

Ở Ấn Độ, một cán bộ phụ trách bầu cử kiểm tra các thiết bị bỏ phiếu trước khi diễn ra cuộc bầu cử tháng 5/2007. (© Ảnh AP/Rajesh Kumar Singh)

Cũng giống như nhiều nền dân chủ khác, Hoa Kỳ đang hoàn thiện quy trình bầu cử để đảm bảo tất cả mọi công dân đều có thể bỏ phiếu tự do, dễ dàng và an toàn. Chuyên gia bầu cử sẽ đề cập tới những biện pháp mà Chính phủ Hoa Kỳ đã tiến hành để tạo điều kiện cho việc bỏ phiếu khắp cả nước, và sau đó bàn tới những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống bỏ phiếu điện tử, khi công nghệ trở thành xu hướng chủ đạo trong việc tổ chức và điều hành bầu cử. Paul S. DeGregorio là cựu Chủ tịch Ủy ban Hỗ trợ Bầu cử Hoa kỳ, và đã làm chuyên gia về bầu cử trong suốt 22 năm ở hơn 20 quốc gia.

Trong thập niên vừa qua, quy trình bỏ phiếu ngày càng được quan tâm trên thế giới. Nhiều quốc gia – cả giàu lẫn nghèo, phát triển và chưa phát triển, đang sử dụng những công nghệ mới để bầu chọn các nhà lãnh đạo của họ. Cử tri ở Ấn Độ – nền dân chủ lớn nhất thế giới – đã sử dụng công nghệ nhấn nút điện tử để bỏ phiếu trong khi cử tri ở Haiti, quốc gia nghèo nhất phía Tây Bán cầu, xuất trình chứng minh thư kèm theo ảnh và vân tay khi nhận phiếu bầu. Ở Estonia (bây giờ đã nổi tiếng với tên gọi E-stonia hay

Stonia điện tử) cử tri giờ đây có thể sử dụng thẻ thông minh để bỏ phiếu qua mạng Internet từ bất kỳ nơi nào trên thế giới.
Ở Hoa Kỳ, trên 90% số phiếu bầu được bỏ hoặc kiểm bằng hệ thống điện tử. Theo luật định, tất cả mọi địa điểm bầu cử đều phải có một thiết bị bỏ phiếu để cho phép người tàn tật có thể bỏ phiếu kín và độc lập. Do đó, cử tri bị mù lòa có thể đeo tai nghe và nhấn vào màn hình hoặc các nút để bỏ phiếu kín. Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất trên thế giới có quy định như vậy theo luật.

Cử tri có nhu cầu đặc biệt khác, ví dụ đối với những người mà tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ thì cũng được hỗ trợ bằng công nghệ mới này. Ở Los Angeles, bang California, các lá phiếu được in bằng 8 thứ tiếng. Rõ ràng, công nghệ mới tạo điều kiện thuận lợi hơn cho những cử tri gặp khó khăn về ngôn ngữ hoặc những người khuyết tật.

Phần lớn những công nghệ mới như vậy đã được áp dụng trong vòng 10 năm trở lại đây. Mỗi năm, lại càng có thêm nhiều quốc gia sử dụng các phương pháp mới để giúp cho tất cả mọi tầng lớp trong xã hội có thể tham gia bỏ phiếu.

Liệu những công nghệ mới như vậy có giúp tăng cường khả năng tiếp cận của cử tri và hạn chế tỷ lệ đi bỏ phiếu thấp hay không? Liệu các công nghệ đó được tất cả các tầng lớp trong xã hội tin tưởng hay không? Hay những công nghệ này lại đặt ra nhiều khó khăn mới và tạo ra lợi thế bất bình đẳng cho một số cử tri nào đó? Đây là những vấn đề quan trọng đang được tranh luận trong phạm vi từng quốc gia cũng như trong cộng đồng quốc tế.

Cải tiến quy trình bầu cử ở Hoa Kỳ

Ở Hoa Kỳ, quy trình bầu cử được công chúng ở trong nước và quốc tế hết sức quan tâm sau cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 khi – trong suốt sáu tuần lễ – không một ai có thể biết chắc ai đắc cử tổng thống. Những cụm từ như "phiếu treo", "phiếu không thủng" và "phiếu bấm lõm" đã trở thành ngôn từ phổ biến trên thế giới. Việc tổ chức điều hành bầu cử ở Hoa Kỳ kể từ sự kiện mang tính bước ngoặt như vậy đã đạt được những bước tiến dài. Năm 2002, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật mang tính lịch sử nhằm giúp đỡ những người bỏ phiếu ở Hoa Kỳ, gọi tắt là HAVA, lần đầu tiên quy định liên bang sẽ hỗ trợ 50 tiểu bang, Quận Columbia, và

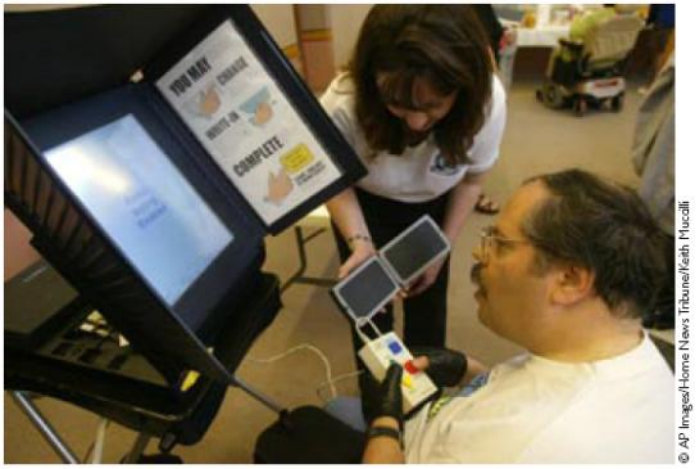

© AP Images/Home News Tribune/Keith Muccilli

Theo quy định của Đạo luật Hỗ trợ người bỏ phiếu ở Hoa Kỳ, công nghệ mới sẽ giúp cử tri tàn tật bỏ phiếu. (© Ảnh AP/Home News Tribune/Keith Muccilli)

các lãnh thổ của Hoa Kỳ để cải thiện quy trình bầu cử. Trên thực tế, trong suốt bảy năm qua, số lượng các luật và quy định về bầu cử ở Hoa Kỳ đã được ban hành nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào trong suốt 200 năm lịch sử của nước này.

Cũng giống như Hà Lan, Anh Quốc, Nhật Bản và một số quốc gia khác, tất cả các cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ đều mang tính địa phương; tức là các cuộc bầu cử này do các lãnh đạo địa phương tổ chức điều hành. Họ ra hầu hết các quyết định về phương thức bỏ phiếu sẽ được sử dụng trong phạm vi địa giới hành chính của mình. HAVA tăng thẩm quyền giám sát và quy định các chủ thể ở địa phương cho các quan chức bầu cử ở tiểu bang. Ở hầu hết các tiểu bang, quốc vụ khanh – một quan chức của tiểu bang được bầu chọn từ các đảng – là chủ tịch hội đồng bầu cử của tiểu bang. Ở một số bang khác, trong đó có New York và Illinois, một hội đồng bầu cử gồm đại diện của hai đảng sẽ giám sát quy trình bầu cử. Hoa Kỳ là quốc gia rất đặc biệt vì hơn 70% các quan chức bầu cử địa phương được bầu chọn từ các đảng, với các chức danh như thư ký bầu cử của hạt, thanh tra bầu cử hạt và giám sát viên bầu cử. Các quan chức này chịu trách nhiệm trước cử tri theo nhiệm kỳ bốn năm.

Đạo luật giúp đỡ người bỏ phiếu ở Hoa Kỳ (HAVA) đã lập Hội đồng Hỗ trợ Bầu cử Hoa Kỳ cấp liên bang (EAC), để thống nhất đầu mối tổ chức điều hành bầu cử ở trong nước. Lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, hơn 3 tỷ đô-la từ ngân sách của liên bang đã được chuẩn chi nhằm cải thiện quy trình bỏ phiếu. EAC [http://www.eac.gov], bắt đầu đi vào hoạt động cuối năm 2003, là cơ quan gồm bốn ủy viên – hai ủy viên Đảng Dân chủ và hai ủy viên Đảng Cộng hòa – do tổng thống bổ nhiệm và được Thượng viện phê chuẩn. Tôi là một trong những người đầu tiên được bổ nhiệm vào EAC và làm Chủ tịch Hội đồng năm 2006.

Ngoài việc phân bổ ngân quỹ, EAC còn đề ra các tiêu chuẩn mới về việc sử dụng công nghệ trong bỏ phiếu, tức là các chuẩn mực đang được các quốc gia khác trên thế giới theo dõi sít sao. Phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ Quốc gia [http://www.vote.nist.gov], EAC đã ban hành các văn bản hướng dẫn hệ thống bỏ phiếu mới, quan trọng, chú trọng tới các yếu tố an ninh và con người. Các văn bản hướng dẫn này giúp các tiểu bang đảm bảo độ tương thích và khả năng sử dụng các thiết bị điện tử cho hàng triệu cử tri trong tất cả các cuộc bầu cử. Ngoài ra, EAC còn chú trọng tới việc quản lý công nghệ bầu cử và đang ban hành nhiều văn bản quan trọng để giúp các quan chức bầu cử quản lý các yếu tố cốt lõi của hệ thống bỏ phiếu điện tử, bao gồm thử tính lô-gíc và độ chính xác. Trong những năm gần đây, Hội đồng Châu Âu [http://www.coe.int] đã thực hiện một dự án nhằm ban hành những tiêu chuẩn tương tự cho hệ thống bỏ phiếu điện tử, vì nhiều quốc gia châu Âu đang chuyển sang sử dụng thiết bị bỏ phiếu điện tử.

Có lẽ một trong những thách thức lớn nhất đối với tất cả các quan chức bầu cử là tập huấn cho các cán bộ phụ trách bầu cử và cử tri về công nghệ bỏ phiếu mới mẻ này. Ở Hoa Kỳ, các cán bộ phụ trách bầu cử có độ tuổi trung bình là 72, do đó việc áp dụng các thiết bị điện tử có thẻ nhớ cần phải được kiểm tra và chuyển vị trí đã dẫn tới tình trạng thiếu khoảng 1,3 triệu cán bộ phụ trách bầu cử để tổ chức bầu cử khắp toàn quốc. Có lẽ, Hoa Kỳ cần học tập kinh nghiệm của Bỉ, nơi thanh niên 18 tuổi được triệu tập nhập ngũ để phục vụ các cuộc bầu cử.

Liệu bỏ phiếu qua Internet có là tương lai của chúng ta?

© AP Images/Paul Sakuma

Tại San Jose, California, các biển hiệu bằng tiếng Anh, Tây Ban Nha, Trung Quốc và tiếng Việt tại các địa điểm bầu cử tuân thủ quy định Đạo luật Quyền bỏ phiếu. (© Ảnh AP/Paul Sakuma)

Khi Internet ngày càng trở nên phổ biến trên khắp thế giới và chắc chắn ở nhiều quốc gia, khái niệm dân chủ điện tử bắt đầu được nhiều người biết tới và phổ biến nhanh chóng. Cũng giống như khu vực tư nhân, các ứng cử viên, các đảng phái chính trị và các chính phủ đều sử dụng Internet để chuyển tải thông điệp của họ tới công chúng – và kêu gọi công chúng hưởng ứng. Một số quốc gia, trong đó có Estonia, Hà Lan và Anh Quốc, hiện đã cho phép người dân bỏ phiếu qua Internet. Trong các cuộc bầu cử địa phương được tổ chức tháng 5/2007 ở Swindon, Anh Quốc, sử dụng công nghệ an toàn do Everyone Counts phát triển [http://www.everyonecounts.com], cử tri có thể bỏ phiếu qua điện thoại, qua Internet, ở các thư viện công cộng, qua thư, bỏ phiếu trực tiếp bằng giấy, hoặc sử dụng một trong bất kỳ 300 máy tính xách tay nào được đặt ở 65 địa điểm ở Swindon. Đây chính là một trong những dự án bỏ phiếu thí điểm có tham vọng lớn nhất – và thành công nhất do Chính phủ Anh tài trợ.

Trong một xã hội toàn cầu và chuyển động, công dân của bất kỳ quốc gia nào đang sinh sống ở nước ngoài cũng có thể gặp khó khăn khi tham gia các cuộc bầu cử. Trong mùa thu này, để khắc phục khó khăn đó, các cử tri trong lực lượng quân đội của Australia sẽ có thể bỏ phiếu trong cuộc bầu cử quốc hội qua Internet. Ước tính khoảng 6 triệu công dân Mỹ đang ở nước ngoài đã gặp khó khăn khi bỏ phiếu. Hầu hết những người này đã phải sử dụng quy trình gửi phiếu qua bưu điện đầy phức tạp để thực hiện quyền bỏ phiếu của mình. Quỹ Bỏ phiếu Hải ngoại [http://www.overseasvotefoundation.org] và EAC đã ước tính cứ 4 người trong số đó sẽ có khoảng 1 người có phiếu bầu không được tính. Gần đây, Chương trình Hỗ trợ Bỏ phiếu Liên bang Hoa Kỳ [http://www.fvap.gov] đã có nhiều nỗ lực nhằm cải thiện quy trình nêu trên, song một báo cáo gần đây của Tổng Kiểm toán Hoa Kỳ [http://www.gao.gov] đã cho thấy vẫn còn rất nhiều việc cần phải được hoàn thiện.

Với chương trình truyền hình có nhiều người xem nhất ở Hoa Kỳ, American Idol, có thể kiểm nhiều phiếu hơn trong vòng bốn tiếng đồng hồ (73 triệu phiếu) so với số phiếu bầu cho người đắc cử trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2004 (62 triệu phiếu), có thể sẽ không khó khi dự đoán những cử tri trẻ tuổi trong tương lai sẽ đòi hỏi áp dụng công

nghệ di động nào đó khi họ đã đến tuổi bỏ phiếu bầu tổng thống.

Cùng với việc tăng cường sử dụng công nghệ trong các cuộc bầu cử thì việc giám sát và hoài nghi về bỏ phiếu điện tử cũng tăng lên. Mặc dù người Mỹ đã sử dụng các công cụ bỏ phiếu điện tử từ cuối thập niên 1980, song mãi đến khi đạo luật HAVA và bỏ phiếu điện tử phổ biến khắp nước Mỹ và trên thế giới nhiều nhóm đã tổ chức để đặt câu hỏi hoặc thậm chí phản đối việc sử dụng các thiết bị bỏ phiếu điện tử, đặc biệt những thiết bị không có bất kỳ bằng chứng nào trên giấy tờ [http://www.verifiedvoting.com]. Tại Ireland, nơi việc kiểm phiếu bằng tay những lá phiếu ưu tiên có thể kéo dài tới một tuần, việc cố gắng áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử nhằm đẩy nhanh tốc độ quy trình này đã kết thúc trong thất bại.

Phu nhân Thống đốc tiểu bang Texas Anita Perry bỏ phiếu sớm tại tòa nhà của chính quyền Hạt Travis ở Austin tháng 11/2006. (© Ảnh AP/ Harry Cabluck)

Các định chế quốc tế và nhiều tổ chức khác tham gia giám sát và đánh giá các cuộc bầu cử, ví dụ Văn phòng Sáng kiến Dân chủ và Nhân quyền của Tổ chức An ninh và Hợp tác Châu Âu [http://www.osce.org]; IFES, trước đây là Quỹ Hệ thống Bầu cử Quốc tế [http://www.ifes.org]; Trung tâm Carter [http://www.cartercenter.org]; Electionline [http://www.electionline.org], đã phải xây dựng các phương pháp mới để xác định liệu các cuộc bầu cử với việc bỏ phiếu điện tử có tự do và bình đẳng hay không. Việc giám sát kiểm phiếu bằng tay là một chuyện; nhưng giám sát việc thống kê lá phiếu điện tử lại hoàn toàn là một chuyện khác.

Công nghệ bầu cử mới đã nhanh chóng phổ biến ở các nền dân chủ của chúng ta, chắc chắn đã tăng quyền năng cho cử tri, thúc đẩy sự tham gia của người dân, và trong nhiều trường hợp, đã tăng cường tính minh bạch thông qua việc thông báo kết quả trước khi những kết quả như vậy có thể bị thay đổi. Tuy nhiên, liệu điều đó có tăng mức đáng tin của kết quả? Đó vẫn là một câu hỏi cần phải được trả lời vì việc cải cách bầu cử và sử dụng công nghệ mới vẫn tiếp tục là chủ đề tranh luận trên khắp thế giới. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là công nghệ sẽ tiếp tục cải thiện cách thức bỏ phiếu của chúng ta – cũng tương tự như công nghệ vẫn tiếp tục cải thiện cuộc sống hàng ngày của mỗi người.

Các quan điểm trình bày trong bài viết này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

LẦN ĐẦU TIÊN BỎ PHIẾU
Rebecca Zeifman

Hai bạn trẻ người Mỹ nêu tầm quan trọng của việc bỏ phiếu và cảm xúc lần đầu tiên họ được bỏ phiếu. Rebecca Zeifman là người chuyên viết bài cho Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Quyền bầu cử là một trong những quyền cơ bản nhất trong một nền dân chủ. Ở Hoa Kỳ, bất kỳ ai là công dân Mỹ từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử.

Đối với những cử tri lần đầu tiên được thực hiện quyền đó, lần đầu tiên bỏ phiếu là kỷ niệm thật đặc biệt. Đó là dịp họ được thực hiện quyền hiến định và tham gia vào quá trình ra quyết định chính trị.

Hai cử tri dưới đây – một sinh viên vừa đến tuổi bầu cử và một công dân mới được nhập quốc tịch Hoa Kỳ – kể lại những kỷ niệm lần đầu tiên được đi bỏ phiếu.

Joanna Fisher, năm nay 20 tuổi, là sinh viên quê ở Charlotte, Bắc Carolina, mới nhập trường được chín tháng tại một trường đại học ở Waterville, Maine. Cô đi bỏ phiếu lần đầu tiên năm 2005 trong các cuộc bầu cử tại tiểu bang Maine.

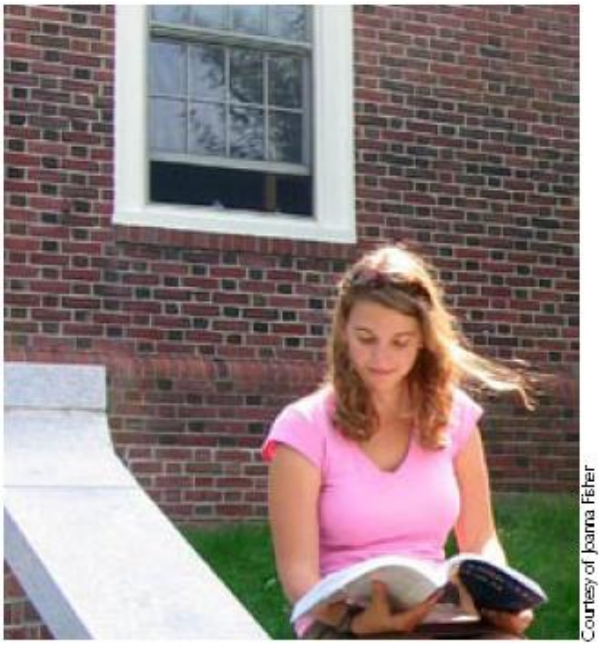

Joanna Fisher, cử tri lần đầu tiên ở Charlotte, Bắc Carolina, đang ở ngoài ký túc xá. (Courtesy of Joanna Fisher)

Đối với Fisher, có một điều rõ ràng là cô sẽ được bỏ phiếu trong thời gian sớm nhất. Fisher kể: "Tôi luôn biết sẽ được đăng ký đi bầu cử ngay sau khi có một cuộc bầu cử và tôi đủ tuổi đi bỏ phiếu. Thực ra tôi đã sinh ra và lớn lên trong gia đình rất quan tâm đến chính trị và quan tâm đến những gì đang diễn ra xung quanh mình".

Thậm chí ngay cả khi chưa đủ tuổi đi bỏ phiếu, Fisher đã tham gia vào quá trình chính trị. Trong kỳ bầu cử tổng thống năm 2004, cô mới 17 tuổi — chỉ còn thiếu một năm là đủ tuổi đi bỏ phiếu theo luật định. Trong thời gian đó, Fisher đã làm việc cho ứng cử viên Thượng viện Hoa Kỳ Erskine Bowles, đi phát tờ rơi tới từng nhà ở thị trấn Charlotte. Cô cũng tham gia tình nguyện tại trường, giúp các bạn cùng trường lớn tuổi hơn đăng ký bầu cử. Cô kể lại: "Cuộc bầu cử đó thực sự rất quan trọng với em. Cho dù em không tham gia bỏ phiếu nhưng em vẫn làm được rất nhiều việc".

Khi tròn 18 tuổi, Fisher đã tự đi đăng ký bầu cử. "Bố mẹ em thậm chí không cần phải nhắc 'Con phải đi đăng ký bầu cử đấy nhé'. Việc làm đó thực sự rất quan trọng đối với em".

Do đó, vào ngày 8/11/2005, Joanna đã đi đăng ký và bỏ phiếu lần đầu tiên. Cô kể lại: "Đó chỉ là cuộc bầu cử của Waterville thôi. Cuộc bầu cử để lựa chọn thị trưởng, chỉ mang tính địa phương. Em đã xuất trình bằng lái xe được cấp ở Bắc Carolina, và mọi thủ tục chỉ mất ba phút, sau đó em bỏ phiếu".

Malavika Jagannathan, phóng viên tờ Công báo Green Bay, một công dân mới và là tân cử tri, đang làm việc tại phòng tin tức. (Ảnh của Malavika Jagannathan)

Kể từ cuộc bầu cử đầu tiên đó, Fisher đã bỏ phiếu tiếp lần nữa, trong kỳ bầu cử chọn thống đốc bang tháng 11/2006. Còn bây giờ cô đang mong chờ cuộc bầu cử năm 2008. Cô nói: "Em rất muốn đi bỏ phiếu vì đó là cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên em được tham gia. Cuộc bầu cử này cứ bốn năm mới có một lần và là niềm tự hào của cả dân tộc, đối với cả chúng ta và nhiều quốc gia khác".

Malavika Jagannathan, năm nay 23 tuổi, cũng rất mong chờ lần đầu tiên được đi bỏ phiếu. Là phóng viên cho tờ Công báo Green Bay ở Green Bay, bang Wisconsin, Jagannathan cảm thấy rất buồn khi đưa tin về bầu cử mà bản thân cô lại không được tham gia.

Năm 1995, Jagannathan đã cùng gia đình di cư sang Mỹ từ Bangalore, quê hương của cô ở Ấn Độ, và định cư tại College Station, bang Texas. Từ khi còn nhỏ, gia đình cô đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tham gia vào chính trị. Jagannathan kể: "Mẹ em luôn dặn cho dù có mang hộ chiếu của một nước khác thì con cũng phải tích cực tham gia vào bất kỳ xã hội nào nơi con đang sinh sống nhé".

Cũng giống như Fisher, Jagannathan đã tham gia vào chính trị từ rất sớm, trước khi cô đủ tuổi đi bỏ phiếu. Khi học phổ thông trung học, cô đã tham gia tình nguyện cho Đảng Dân chủ và Đảng Xanh, phát tờ rơi và tổ chức các hoạt động đăng ký cử tri ở trường học. Cô nói: "Em đã dựng những lều nhỏ này, nhưng bản thân em thì lại không thể đăng ký cho các bạn khác được vì em chưa đăng ký đi bầu cử".

Jagannathan nói rằng khi chưa trở thành công dân Hoa Kỳ, điều đó thực sự càng thôi thúc cô tích cực tham gia vào chính trị hơn. "Em biết em chưa thể đi bầu cử, nhưng em vẫn có thể đóng góp bằng nhiều cách khác, chứ không chỉ duy nhất qua lá phiếu.

Sinh viên khai trương một biểu ngữ của trường Cao đẳng Republicans tại Đại học Tổng hợp West Virginia, ở Morgantown. (© Ảnh AP/Lingbing Hang)

Đấy chính là lý do tại sao em rất thích chính trị".

Jagannathan đã trở thành công dân Hoa Kỳ ngày 14/12/2006. Ngày hôm sau, cô đã đến thăm Tòa thị chính Green Bay và đánh dấu "Có" vào câu hỏi "Bạn có phải là công dân Hoa Kỳ?" trên tờ đăng ký cử tri.

Cho dù còn phải chờ gần hai tháng nữa mới đến cuộc bầu cử kế tiếp, song Jagannathan rất muốn đi đăng ký. "Thực ra em đã nói về bỏ phiếu từ lâu lắm rồi, nhưng điều đầu tiên em cần phải làm là đi đăng ký cử tri".

Hai tháng sau, Jagannathan đã bỏ phiếu trong cuộc bầu cử sơ bộ tại địa phương về một số sáng kiến cần lá phiếu cử tri. Cô kể lại: "Em vui lắm. Địa điểm bỏ phiếu của em nằm trong một nhà thờ ở cuối phố gần nơi em ở. Địa điểm bỏ phiếu do mấy bác lớn tuổi điều hành. Em nói với các bác ấy đây là lần đầu tiên em được đi bỏ phiếu và tất cả các bác ấy cũng rất vui".

Sau khi đưa tin về một số cuộc bầu cử với vai trò là một phóng viên và tham gia tình nguyện giúp một đảng, cuối cùng thì cô đã thở phào nhẹ nhõm khi được tham gia với tư cách là cử tri. "Thực ra em đã chuẩn bị từ lâu rồi, nhất là sau cuộc bầu cử tháng 11/2006 khi em ngồi đây để đưa tin về bầu cử mà lòng cứ bồn chồn vì chưa thể tham gia. Nhưng bây giờ thì mọi chuyện đã tốt rồi", cô kể lại như vậy.

Cho dù không phải tất cả những ứng cử viên mà cô ủng hộ đều đắc cử ngày hôm đó, song Jagannathan đã thề với gia đình và bạn bè rằng sau này cô sẽ cố gắng đi bỏ phiếu trong tất cả các cuộc bầu cử. "Em có cảm giác có một điều gì đó rất đặc biệt. Cũng vì mong chờ từ lâu quá rồi nên em thấy đạt được mong ước ấy rất quan trọng".

Theo Jagannathan, những công dân mới có thể trân trọng quyền bầu cử thậm chí còn nhiều hơn cả những công dân sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ. "Em nghĩ khi sinh ra đã có những quyền như vậy thì có thể mình sẽ không quan tâm nhiều đến chúng. Nhưng khi mình sống mà chưa có những quyền như vậy, và khi đã có rồi thì điều đó có ý nghĩa quan trọng hơn rất nhiều".

BẦU CỬ QUỐC HỘI
L. Sandy Maisel

Sau khi trở về từ chuyến thăm Iraq tháng 6/2006, các nghị sỹ này đã tiếp các phóng viên sau cuộc họp với Tổng thống Bush tại Nhà Trắng (© Ảnh AP/Lawrence Jackson)

Đối với người dân Hoa Kỳ, việc bầu chọn các nghị sỹ cũng có ý nghĩa quan trọng như bầu chọn tổng thống. Bài viết dưới đây sẽ đề cập tới cơ cấu tổ chức của Quốc hội Hoa Kỳ, những nhân tố quan trọng trong các cuộc bầu cử Quốc hội, và dự kiến tác động của cuộc bầu cử năm 2008 đối với chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ. L. Sandy Maisel là Giáo sư nghiên cứu chính phủ tại Đại học Colby ở Waterville, bang Maine.

Khi người dân Hoa Kỳ đi bỏ phiếu vào ngày 4/11/2008, họ sẽ không chỉ lựa chọn một vị tổng thống mà còn bầu chọn tất cả 435 hạ nghị sỹ và một phần ba số thượng nghị sỹ tại Quốc hội Hoa Kỳ. Người ta sẽ không chỉ quan tâm tới cuộc bầu cử tổng thống mà còn cả các cuộc bầu cử quốc hội nữa.

Theo quy định của Hiến pháp Hoa Kỳ, ngành hành pháp và lập pháp chia sẻ quyền ra quyết định. Tam quyền phân lập có thể sẽ không còn ý nghĩa nếu một đảng luôn luôn nắm giữ chức tổng thống và kiểm soát Quốc hội và nếu tất cả các đảng viên phải nhất nhất tuân theo những người lãnh đạo của họ. Nhưng cả hai trường hợp đó đều không xảy ra ở Hoa Kỳ. Quyền lãnh đạo không chỉ được phân lập từ góc độ hai nhánh của Chính phủ Liên bang được bầu chọn với

các nhân tố khác nhau – tức là không có thượng nghị sỹ hay hạ nghị sỹ nào có thể đồng thời phục vụ trong ngành hành pháp – mà còn từ góc độ những người nắm giữ những chức vụ như vậy được bầu chọn trong các cuộc bầu cử khác nhau, mặc dù các cuộc bầu cử này được tổ chức trong cùng một ngày. Người dân có quyền bầu chọn tổng thống từ một đảng, thượng nghị sỹ từ một đảng khác, và hạ nghị sỹ từ một trong hai đảng đó hoặc từ đảng thứ ba. Trên thực tế, việc một đảng kiểm soát Nhà Trắng còn đảng khác thì kiểm soát một hoặc cả viện của Quốc hội là chuyện hoàn toàn có thể xảy ra, và xảy ra rất phổ biến. Tình huống như vậy được gọi là "chính phủ bị chia rẽ". Hơn nữa, các thượng nghị sỹ và hạ nghị sỹ có thể tái đắc cử và không phụ thuộc vào các nhà lãnh đạo của đảng. Các nghị sỹ thường xuyên thể hiện sự độc lập như vậy bằng cách bỏ phiếu vì lợi ích của cử tri của họ, ngay cả khi điều đó khác với lập trường của đảng.

Cơ cấu tổ chức của Quốc hội

Quốc hội gồm Hạ viện và Thượng viện. Hạ viện là cơ quan gần gũi với cử tri nhất, được bầu chọn qua phổ thông đầu phiếu từ các quận tương đối nhỏ qua các cuộc bầu cử thường xuyên được tổ chức (hai năm một lần). Hiện nay ở California, bang đông dân nhất, có 53 ghế tại Hạ viện. Bảy tiểu bang có dân số ít nhất, mỗi tiểu bang đều có hai đại diện tại Hạ viện.

Kathy Roseth, một công dân có tinh thần trách nhiệm tại Seattle, Washington, đang tập hợp chữ ký kêu gọi bỏ phiếu về một sáng kiến giáo dục. (© Ảnh AP/ Elaine Thompson)

Thượng viện được xây dựng để phản ánh lợi ích của tiểu bang. Mỗi tiểu bang, bất kể quy mô dân số, đều có hai thượng nghị sỹ. Các thượng nghị sỹ có nhiệm kỳ sáu năm, được bầu so le để cứ hai năm một lần, một phần ba thượng nghị sỹ sẽ phải ra tái tranh cử. Ngay từ đầu, các thượng nghị sỹ được cơ quan lập pháp của tiểu bang lựa chọn, song kể từ năm 1913 họ được bầu chọn qua phổ thông đầu phiếu. Những người lập quốc cho rằng các thượng nghị sỹ có thể sẽ tránh được những dư luận nhất thời của cử tri bởi vì họ gián tiếp được bầu với nhiệm kỳ dài hơn; song nhiều người đặt câu hỏi liệu điều đó giờ đây còn đúng hay không.

Mặc dù Thượng viện và Hạ viện có quyền lực ngang nhau, song nắm giữ một ghế tại Thượng viện nhìn chung được coi là danh giá hơn nắm giữ một ghế tại Hạ viện: Khu vực cử tri rộng lớn hơn (ngoại trừ bảy bang nhỏ nhất, ở đó khu vực cử tri là bằng nhau); nhiệm kỳ dài hơn, và các thượng nghị sỹ được cả nước quan tâm hơn vì số lượng thượng nghị sỹ ít hơn.

Hạ viện và Thượng viện đều hoạt động theo các quy định chung, chỉ khác biệt một chút theo tiểu bang. Đảng Dân chủ và Cộng hòa và các đảng khác đang hoạt động tại một tiểu bang sẽ

đề cử ứng viên thông qua các cuộc bầu cử sơ bộ; các ứng cử viên độc lập sẽ xuất hiện trên lá phiếu thông qua đơn thỉnh cầu. Người thắng cuộc trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11 sẽ là ứng cử viên giành được hầu hết lá phiếu; không cần phải chiếm đa số.

Các yếu tố trong bầu chọn nghị sỹ

Có ba nhân tố cơ bản quyết định các cuộc bầu cử quốc hội: tinh thần đảng phái tại địa phương, có hay không một ứng viên đang đương chức, và vấn đề bức xúc đang đặt ra tại thời điểm đó. Hệ thống chính trị của Hoa Kỳ được coi là hệ thống có sự cạnh tranh giữa hai đảng. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa đã chi phối chính trị Hoa Kỳ từ giữa thế kỷ XIX. Hơn 99% số đại biểu được bầu tại Quốc hội trong những năm gần đây thuộc về một trong hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Một hệ thống với mỗi quận một đại biểu duy nhất và người chiến thắng được đa số ủng hộ đã tạo điều kiện cho sự phát triển của hệ thống hai đảng. Các ứng cử viên của đảng thứ ba hoặc độc lập có thể được hưởng lợi trong chế độ đại diện theo tỷ lệ phiếu, nhưng lại không được hưởng lợi trong một cuộc bầu cử có kết quả sít sao.

Tại Philadelphia, Pennsylvania, cựu binh trong chiến tranh Iraq Patrick Murphy đang vận động tranh cử tại Quốc hội trong kỳ bầu cử giữa kỳ năm 2006. (© Ảnh AP/H. Rumph, Jr.)

Việc cạnh tranh kiểm soát Quốc hội ngày càng trở nên căng thẳng trong những thập niên gần đây – tương tự như đối với bầu cử tổng thống. Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh đó không căng thẳng ở cấp quận và ở các tiểu bang. Một số quận và thậm chí một số tiểu bang lại dựa hẳn vào đảng này hay đảng khác. Ví dụ, Đảng Dân chủ thường giành phần thắng ở Massachusetts; còn Đảng Cộng hòa lại hay giành phần thắng ở Wyoming. Nhưng cũng có ngoại lệ, tuy nhiên không có ứng cử viên nào bước vào cuộc bầu cử quốc hội năm 2008 mà không biết tới tinh thần đảng phái thông thường của cử tri tại quận hoặc tiểu bang.

Kết quả bầu cử có thể được lý giải bằng sự hiện diện hay vắng mặt của một ứng cử viên đương chức. Hơn ba thập niên vừa qua, hơn 95% hạ nghị sỹ đang đương chức đã tìm cách tái tranh cử và đã thành công. Các thượng nghị sỹ đương chức cũng thành công khi tái tranh cử. Thậm chí trong các cuộc bầu cử trong đó nhiều ghế sẽ được hoán vị giữa các đảng, số cử tri có tinh thần đảng phái sẽ đi bầu cử cao hơn khi không có ứng cử viên đương chức nào tranh cử. Tác động của những nhân tố đó sẽ được thực hiện khi chúng ta đánh giá các ứng cử viên tiềm năng đang vận động được đảng đề cử để ra tranh cử tại Hạ viện và Thượng viện. Ở những vị trí có thể sẽ có sự cạnh tranh gay gắt – tức là những ghế không có ứng viên đương chức nào ra tranh cử ở quận có số lượng cử tri theo đảng Dân chủ và Cộng hòa gần ngang nhau – thì có thể sẽ có nhiều ứng cử viên cùng ra tranh cử trong cuộc bầu cử sơ bộ của mỗi đảng. Nếu vị trí đó vẫn để ngỏ nhưng một đảng chi phối ở một quận thì cuộc bầu cử sơ bộ của đảng đó có thể sẽ chứng kiến cuộc cạnh tranh quyết liệt, nhưng ở các đảng khác có thể sẽ có rất ít hoặc không có sự cạnh tranh. Cuối cùng, nếu một người đang đương chức ra tranh cử, thì ông ta hoặc bà ta có thể sẽ không phải đương đầu với sự cạnh tranh quyết liệt nào, và trong trường

hợp đó lãnh đạo của các đảng khác sẽ rất khó tìm người ra tranh cử. Những nét đặc trưng nêu trên đúng với Hạ viện hơn là Thượng viện, vì các ghế trong Thượng viện được coi là danh giá hơn, do đó khó có thể dự đoán trước được kết quả bầu cử hơn.

Trong năm 2008 sẽ có một vị tân tổng thống được bầu chọn, và các vấn đề hệ trọng của quốc gia – cuộc chiến ở Iraq, khủng bố, chính sách nhập cư, sự phụ thuộc vào năng lượng – sẽ chi phối toàn bộ bức tranh bầu cử. Nếu tỷ lệ ủng hộ của cử tri dành cho Tổng thống Bush vẫn thấp và các vấn đề nêu trên vẫn chưa được giải quyết tại thời điểm bầu cử tháng 11 thì Đảng Dân chủ có thể có lợi thế trong cuộc đua quyết liệt.

Những hàm ý với quản trị và điều hành

Sau cuộc bầu cử quốc hội năm 2006, Washington đã chứng kiến tình trạng chính phủ bị chia rẽ, trong đó Đảng Cộng hòa chi phối Nhà Trắng và ngành hành pháp, còn Đảng Dân chủ kiểm soát cả hai viện của Quốc hội, cho dù với tỷ lệ rất sít sao tại Thượng viện.

Đảng Cộng hòa hiện nắm giữ 22 trong tổng số 34 ghế tại Thượng viện dự kiến sẽ được đua tranh trong năm 2008. Ngay cả khi Đảng Dân chủ chiếm một chút lợi thế thì đảng này cũng sẽ giành được vị trí đa số áp đảo trong Thượng viện. Thượng viện yêu cầu phải có 60 phiếu thuận mới có thể thông qua được một quyết định lớn; Đảng Dân chủ sẽ không thể đạt được con số đó.

Đảng Dân chủ hiện nắm giữ nhiều hơn Đảng Cộng hòa khoảng 30 ghế tại Hạ viện. Mặc dù nhiều ứng cử viên đương chức có kế hoạch tái tranh cử, song vẫn có khoảng 25 hạ nghị sỹ sẽ thôi nắm giữ chức vụ sau khóa này của Quốc hội. Phần lớn các ghế đó – và thêm khoảng 25 ghế nữa, phần lớn là của Đảng Dân chủ sau khi tiếp quản vị trí của Đảng Cộng hòa năm 2006 – sẽ được cạnh tranh quyết liệt trong năm 2008. Đảng Dân chủ dường như có một chút lợi thế trong cuộc chạy đua này và có thể sẽ thêm một số ghế vào vị trí đa số của họ, nhưng vẫn không đủ để rành tay tùy ý quyết định.

Trên cơ sở cuộc bầu cử quốc hội sắp tới, nếu một ứng viên của Đảng Cộng hòa đắc cử tổng thống trong năm 2008, vị tổng thống đó có thể sẽ đối mặt với lực lượng đối lập đông đảo kiểm soát cả hai viện của Quốc hội. Nếu một ứng viên của Đảng Dân chủ giành thắng lợi thì vị tổng thống đó có thể sẽ lãnh đạo với Quốc hội nằm trong sự chi phối của đảng mình. Tuy nhiên, đó sẽ là một quốc hội mà ở đó Đảng Cộng hòa vẫn duy trì đủ sức mạnh để cản trở những sáng kiến chính sách lớn.

Một hệ thống quản trị và điều hành đất nước tam quyền phân lập, với nguyên tắc kiểm soát và cân bằng và phần lớn kết quả bầu cử quốc hội tùy thuộc vào thế mạnh của ứng viên đương chức, chứ không phải các xu hướng ở trong nước, sẽ thúc đẩy những thay đổi chậm chạp về chính sách đối nội. Đây chính là điều mà những người xây dựng Hiến pháp mong muốn. Sẽ có nhiều vấn đề hệ trọng chi phối cuộc bầu cử năm 2008. Mặc dù vị tổng thống mới có thể hành động trong một số vấn đề nào đó mà không cần sự đồng thuận của quốc hội, song trong nhiều khía cạnh khác nữa, các chính sách của chính phủ Hoa Kỳ cũng sẽ chỉ thay đổi rất ít mà thôi - nếu không phải là nói quá.

Các quan điểm trình bày trong bài viết này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

CỬ TRI MỸ ĐANG THAY ĐỔI

Daniel Gotoff

Các cuộc thăm dò dư luận về bầu cử mới đây cho thấy sự lo ngại, niềm tin và tình cảm của công dân Mỹ khi họ chuẩn bị bỏ phiếu bầu tổng thống năm 2008. Cử tri đang bày tỏ sự lo ngại về mối đe dọa khủng bố, sự bi quan về các vấn đề trong nước, và quan tâm tới việc cải tổ chính phủ. Một chuyên gia thăm dò ý kiến của Đảng Dân chủ kết luận rằng "cử tri Mỹ - những người vốn ít lên tiếng đòi hỏi phải có sự thay đổi cơ bản - giờ đây lại tỏ ra lo ngại hơn nếu đường hướng cũ vẫn được duy trì". Daniel Gotoff là cộng tác viên của Công ty thăm dò dư luận Lake Research Partners tại Washington, D.C.

Nhà hoạt động chính trị này hy vọng đổ tiền vào nỗ lực đăng ký cử tri của nhóm người nói tiếng Tây Ban Nha và thu về phiếu bầu. (© AP Images/Ed Andreski)

Khi cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 tới gần, cử tri Mỹ thấy họ đang trong một tình huống có một không hai và rất hỗn độn. Các cuộc thăm dò ý kiến cho thấy đất nước đã sa lầy trong một cuộc chiến mà đại đa số người Mỹ đang phản đối. Gần sáu năm sau sự kiện 11/9/2001, nỗi sợ hãi về một cuộc tấn công khủng bố khác vẫn đeo đẳng trong tâm trí người dân. Cái nhìn bi quan của cử tri trước hàng loạt vấn đề trong nước được củng cố thêm bởi những mối quan ngại ngày càng gia tăng. Tâm lý bất mãn của công chúng tăng lên trong bối cảnh các nhà lãnh đạo được bầu lên của chúng ta bị chỉ trích nhiều. Tuy nhiên, tâm lý bất mãn đó lại bị đối trọng bởi nhận thức cho rằng chỉ có thể chế mạnh như Chính phủ Mỹ mới được trang bị đầy đủ để giúp đất nước vượt qua những thử thách mà nó đang phải đối mặt. Những làn sóng chính trị đang thay đổi trong vài năm qua chứng tỏ một điều rằng không chính đảng nào có thể tự cao tự đại về tính đa số của đảng mình. Hơn thế nữa, lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ không có tổng thống hay phó tổng thống đương nhiệm nào ra tranh cử vào chức vụ cao nhất của đất nước.

Trong tình trạng lộn xộn đó, cử tri Mỹ - những người vốn ít đòi hỏi về sự thay đổi cơ bản - giờ đây lại tỏ ra lo lắng hơn nếu duy trì nguyên trạng. Hiện nay, các cuộc thăm dò ý

kiến cho thấy chỉ 19% người Mỹ cho rằng đất nước đang đi đúng hướng – con số thấp nhất trong vòng một thập kỷ. (Tháng 7/1997, 44% người Mỹ cho rằng đất nước đang đi đúng hướng và chỉ 40% cho rằng đất nước đang đi chệch hướng). Còn hiện nay, 68% cho rằng đất nước đang bị chệch hướng.
Tâm lý bất mãn lan tràn trong cử tri làm gia tăng đòi hỏi phải thay đổi ở nước Mỹ trên ba lĩnh vực: tăng cường an ninh trong nước và nước ngoài; chia sẻ sự thịnh vượng về kinh tế trong nước; và trách nhiệm lớn hơn của chính phủ đối với người dân.

Lo ngại của dân chúng về khủng bố và an ninh

Mặc dù tâm trạng của cử tri đã thay đổi sâu sắc trong những tháng vừa qua, nhưng có một số thực tiễn chính trị sẽ không thay đổi trong năm 2008. Nổi bật nhất, các cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9 và hậu quả của chúng sẽ vẫn chi phối phần lớn thời đại và nền chính trị của chúng ta. Sự lo ngại theo bản năng của cử tri có nghĩa là ba cuộc bầu cử Liên bang kể từ ngày 11/9 về cơ bản, nếu không phải hoàn toàn, đều tập trung vào các vấn đề an ninh.

Theo thăm dò dư luận các cử tri sau khi bỏ phiếu trong hai cuộc bầu cử vừa qua, lo ngại về khủng bố vẫn là vấn đề chủ đạo. Năm 2004, 19% cử tri cho rằng khủng bố là mối lo ngại hàng đầu của họ (thứ hai sau kinh tế với 20%). Tương tự, năm 2006, 72% cử tri Mỹ coi khủng bố là một vấn đề quan trọng trong quyết định bỏ phiếu của họ. Gần đây, tháng 9/2006 lần cuối cùng Hãng tin ABC News đưa ra câu hỏi này, gần ¾ người Mỹ (74%) cho biết họ lo ngại về khả năng sẽ có thêm nhiều cuộc tấn công khủng bố lớn nữa ở nước Mỹ, trong đó có 29% nói họ rất lo ngại. Mặc dù tâm lý lo sợ này đã giảm bớt phần nào trong những năm sau sự kiện 11/9, nhưng về tổng thể thì mức độ lo ngại hầu như không giảm bớt. Tháng 10/2001, chưa đầy một tháng sau vụ tấn công, 81% người Mỹ lo ngại về khả năng xảy ra các cuộc tấn công khủng bố khác trên đất Mỹ (41% rất lo ngại).

Kể từ khi chiếm Iraq và dư luận phản đối cuộc chiến ngày càng gia tăng, những khía cạnh của an ninh và vấn đề khủng bố càng trở nên phức tạp hơn và càng khó nắm bắt hơn từ góc độ chính trị. Tháng 10/2002 người Mỹ cho rằng Đảng Cộng hòa có khả năng giải quyết vấn đề khủng bố hiệu quả hơn Đảng Dân chủ với 47% so với 24%, tức là chênh 23 điểm. Tuy nhiên, tháng 10/2006, quan điểm về vấn đề chủ chốt này đã thay đổi mạnh mẽ, nghiêng về Đảng Dân chủ với 44% so với 37% cho Đảng Cộng hòa.

Năm 2008, cử tri Mỹ sẽ lựa chọn ứng cử viên mà họ tin tưởng nhất, người có thể đảm bảo vị thế của Mỹ trên thế giới.

Tâm lý bi quan tăng lên về các vấn đề trong nước

Mặc dù Iraq và khủng bố là những vấn đề quan tâm hàng đầu, song những lo ngại của cử tri về các vấn đề trong nước cũng căng thẳng không kém. Trên thực tế, các cuộc thăm dò ý kiến cử tri sau khi bỏ phiếu năm 2006 cho thấy lo ngại về kinh tế đi cùng với lo ngại về an ninh quốc gia, vấn đề Iraq và đạo đức. Khi được hỏi về tầm quan trọng của nhiều vấn đề khi quyết định bỏ phiếu bầu Quốc hội, 82% người Mỹ nói rằng kinh tế là cực kỳ quan trọng (39%) hoặc rất quan trọng (43%). Trong khi đó, 74% coi tham nhũng và đạo đức là quan trọng (41% cho là "cực kỳ" quan trọng), 67% coi vấn đề Iraq là quan trọng (35% cho là "cực kỳ" quan trọng), và 72% coi khủng bố là quan trọng (39% cho là "cực kỳ" quan trọng).

© AP Images/Mike Carlson

Tổng thống Bush nói về cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu tại cảng Tampa, Florida, tháng 2/2006 (© AP Images/Mike Carlson)

Kể từ cuộc bầu cử năm 2006, lo ngại của cử tri về nền kinh tế ngày càng gia tăng. 2/3 (66%) người Mỹ cho rằng điều kiện kinh tế của đất nước là tốt (43%) hoặc tồi tệ (23%). Chỉ có 5% cho rằng nền kinh tế là ngoạn mục và 29% cho rằng nền kinh tế vận hành tốt. Hơn thế nữa, đa số 55% người Mỹ cho rằng nền kinh tế quốc gia đang xuống dốc. 28% khác cho rằng nền kinh tế vẫn vậy – nhưng không phải là dấu hiệu tích cực – và chỉ 16% cho rằng nền kinh tế đang phát triển tốt hơn.

Lo ngại về kinh tế của người Mỹ thay đổi theo thời gian. Lương cao, việc làm ổn định vẫn là những vấn đề chủ chốt. Tuy nhiên, trong một môi trường nơi mà công nhân Mỹ cảm thấy ngày càng khó để có thể theo kịp với chi phí đời sống, thì chăm sóc y tế giờ đây trở thành mối quan ngại kinh tế hàng đầu của cử tri. Khi được hỏi vấn đề kinh tế nào mà cử tri lo ngại nhất, 29% đa số cử tri cho rằng vấn đề họ lo ngại nhất là chi phí y tế tăng lên, con số này cao hơn số cử tri chọn vấn đề thuế cao hơn (24%), chế độ hưu trí đảm bảo (16%), mất việc làm (11%), hoặc các chi phí khác như gửi trẻ và học phí (10%). Mặc dù coi vấn đề chăm sóc y tế là một trong những trụ cột của Giấc mơ Mỹ, nhưng người Mỹ giờ đây là coi chi phí y tế tăng lên là một thách thức trực tiếp đối với khả năng duy trì mức sống trung lưu của các gia đình và thực hiện giấc mơ đó. Cử tri cũng cho

rằng chi phí y tế là một cản trở lớn khi khởi động công việc kinh doanh. Thăm dò một hiệp hội thầu khoán cho thấy con số đáng kể 48% muốn khởi động công việc kinh doanh.

Hơn thế nữa, sức ép của quá trình toàn cầu hóa buộc công nhân Mỹ phải cạnh tranh với công nhân được trả lương thấp ở các nước không bảo vệ các quyền cơ bản của người lao động, khiến họ hoài nghi về lợi ích của quá trình này. 65% người Mỹ cho rằng thương mại gia tăng giữa Mỹ và các nước khác chỉ gây tổn hại cho công nhân Mỹ mà thôi. Thực tế này cho thấy đã có sự chuyển đổi trong quan điểm so với cuối thập kỷ trước. Nếu ở thời điểm đó đa số 56% cho rằng thương mại gia tăng làm lợi cho các công ty Mỹ, thì hiện nay nửa số dân Mỹ (50%) cho rằng thương mại đang làm tổn hại công nhân Mỹ.

Quan trọng hơn, trong dân chúng ngày càng có tâm lý cho rằng tầng lớp trung lưu không còn được hưởng lợi từ sự thịnh vượng của đất nước. Trái lại, họ đang mất đi chỗ dựa vì những lợi nhuận khổng lồ chỉ rơi vào tay một số ít người. Chính những cuộc thăm dò dư luận cử tri sau khi bỏ phiếu cho thấy rõ sự suy giảm lòng tin của cử tri về Giấc mơ Mỹ trong thế kỷ XXI. Một nửa số cử tri cho rằng họ có thể xoay sở, còn 17% khác nói họ đang bị tụt lại đằng sau. Chưa đầy 1/3 số cử tri (31%) nói họ chủ động về tài chính. Ngạc nhiên hơn là mức độ bi quan gia tăng của người Mỹ về tương lai của con cái họ. Đa số 40% cho rằng cuộc sống của thế hệ người Mỹ tiếp theo sẽ khó khăn hơn hiện nay, 28% cho rằng không có gì thay đổi, chỉ có 30% cho rằng thế hệ người Mỹ tiếp theo sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn hôm nay. Năm 2008, cử tri Mỹ sẽ lựa chọn ứng cử viên mà họ tin tưởng nhất có thể đảm bảo việc thực hiện Giấc mơ Mỹ, đó là thịnh vượng kinh tế và cơ hội cho người lao động để họ có điều kiện chăm sóc con cái tốt hơn.

Khuy cài áo kêu gọi các cựu chiến binh bỏ phiếu được trưng bày tại hội thảo của các lãnh đạo Hội cựu chiến binh Việt Nam tại Nashville, bang Tennessee. (© AP Images/Mark Humphrey)

Yêu cầu phải thay đổi và tính trách nhiệm ngày càng tăng

Sự lo lắng của dân chúng về các vấn đề đối ngoại và đối nội như cơn bão tích tụ hối thúc Chính phủ Mỹ phải tiến hành cải tổ cơ bản. Cuộc bầu cử năm 2006 là một trong những cách thức dân chúng đòi chính phủ phải có trách nhiệm hơn. Ba phần tư (3/4) số cử tri coi tham nhũng và đạo đức là những vấn đề quan trọng khi bỏ phiếu bầu Quốc hội, và

một số lượng cử tri đáng kể (41%) coi đó là những vấn đề cực kỳ quan trọng.

Mặc dù cuộc chiến Iraq có thể giúp giải thích tỷ lệ ủng hộ tổng thống thấp, nhưng nó không giải thích được tại sao Quốc hội mới do đảng đối lập kiểm soát cũng không được cử tri ủng hộ. Tỷ lệ ủng hộ Tổng thống Bush chỉ là 31%, nhưng tỷ lệ ủng hộ Quốc hội lại còn thấp hơn chỉ 21%. Tóm lại, dân chúng đang đòi hỏi phải có sự thay đổi và buộc tất cả các nhà lãnh đạo được bầu lên phải có trách nhiệm tác động tới thay đổi đó. Điều đó có nghĩa là đa số 56% người Mỹ hiện nay nhất trí cho rằng "chính phủ liên bang cần phải được cải tổ, tức là phải thực hiện những thay đổi lớn và cơ bản". Trong khi đó, chỉ có 3% cho rằng "chính phủ liên bang không cần phải thực hiện bất cứ thay đổi nào".

Bất chấp niềm tin đối với chính phủ suy giảm, hơn nửa số người Mỹ vẫn muốn chính phủ gia tăng vai trò giải quyết những thách thức mà đất nước đang phải đối mặt. 52% cho rằng "chính phủ phải làm nhiều hơn nữa để giải quyết các vấn đề và giúp đáp ứng nhu cầu của người dân. Trong khi đó, chỉ 40% cho rằng "chính phủ đang ôm đồm quá nhiều việc lẽ ra thuộc về doanh nghiệp và các cá nhân". Đáng lưu ý là những con số này phản ánh xu hướng ngược lại so với gần một thập kỷ trước đây khi 41% dân chúng Mỹ cho rằng "chính phủ phải làm nhiều hơn" và 51% cho rằng "chính phủ đang ôm đồm quá nhiều việc".

Kết luận là cử tri Mỹ đang thực sự thay đổi, họ trở nên hoài nghi, lo lắng và cảm thấy bất an hơn. Họ cũng hy vọng về tương lai, nhưng thận trọng. Cử tri Mỹ muốn một nhà lãnh đạo thể hiện được khả năng nhận thức và giải quyết những thách thức mà nước Mỹ đang phải đối mặt trong thế kỷ XXI để đảm bảo vị thế của Mỹ trên thế giới. Ngược lại với xu hướng muốn có một nhà lãnh đạo có kinh nghiệm và vững vàng, cử tri Mỹ thực sự muốn có một nhà lãnh đạo đại diện cho sự thay đổi mà phần lớn người dân Mỹ đang đòi hỏi. Ứng cử viên nào có thể dung hòa một cách thuyết phục những khía cạnh có vẻ đầy mâu thuẫn này của sự lãnh đạo sẽ giành được chức tổng thống năm 2008 và sẽ có khả năng làm đất nước chuyển mình trong con mắt người dân Mỹ và cả thế giới.

Những quan điểm trình bày trong bài viết này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Mỹ.

CỬ TRI NỮ Ở MỸ

Kellyanne Conway

Nữ giới chiếm hơn một nửa số cử tri Mỹ và có ảnh hưởng đến kết quả bầu cử hơn 40 năm qua. Một chuyên gia thăm dò dư luận của Đảng Cộng hòa nghiên cứu cách phụ nữ bỏ phiếu, bàn về những vấn đề quan trọng đối với họ, và phân loại một số nhóm cử tri nữ để theo dõi trong năm 2008. Kellayanne Conway là Chủ tịch và Giám đốc Điều hành của công ty thăm dò dư luận ™ inc tại Washington, D.C. WomentTrend là một đơn vị thuộc công ty.

Ở Mỹ, phụ nữ bắt đầu một ngày mới với vô số trách nhiệm, sự hiếu kỳ và các mối quan tâm. Mặc dù bản thân những vấn đề đó không mang tính chính trị, nhưng lại chịu tác động từ các hoạt động chính trị và từ chính phủ. Những vấn đề này có thể là: Con tôi sẽ học ở trường này chứ? Khu vực này có an toàn không? Nếu thay đổi công việc, tôi có bị mất bảo hiểm y tế không? Tiền hỗ trợ An sinh Xã hội có đủ cho cha mẹ tôi thuê nhà không hay họ phải dùng đến tiền tiết kiệm?

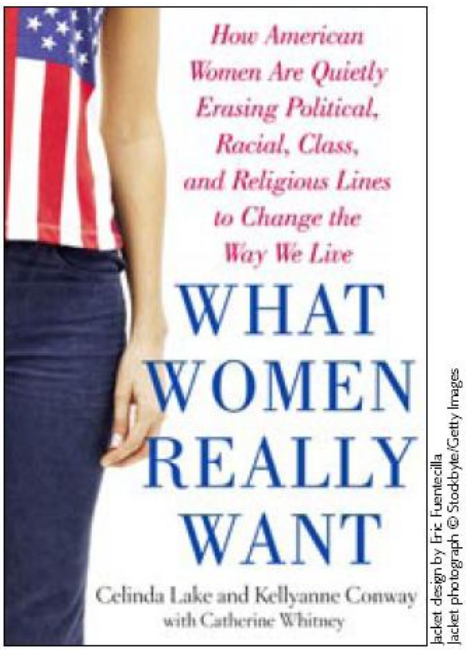

Bìa cuốn sách Phụ nữ thực sự mong muốn điều gì, của tác giả Kellyanne Conway, 2005. (Trình bày bìa: Eric Fuentecilla Jacket photograph © Stockbyte/Getty Images)

Nhìn lại lịch sử

Từ năm 1964, phụ nữ đã chiếm phần lớn trong số cử tri đủ điều kiện, nhưng phải đến năm 1980 tỷ lệ phụ nữ thực sự đủ điều kiện bỏ phiếu mới vượt qua tỷ lệ nam giới đủ điều kiện bỏ phiếu, như trong Bảng 1. Mặc dù ở Mỹ rất ít phụ nữ muốn tranh cử hoặc nắm giữ chức vụ qua bầu cử (và thực tế là chưa có người phụ nữ nào được bầu làm tổng thống), nhưng trong suốt tám thập kỷ qua cử tri nữ luôn có ảnh hưởng đến kết quả bầu cử, quyết định đến việc bầu chọn tổng thống và tạo ra những tiền lệ giúp trực tiếp và nhanh chóng định hình chính sách công.

Phụ nữ có xu hướng ủng hộ những người đương nhiệm, đặc biệt là tổng thống. Họ thường gắn bó với một nhãn mác đã có uy tín trên giá hàng hóa, chứ ít khi thử một nhãn hiệu mới và chưa được biết đến. Trên thực tế, ba tổng thống Mỹ tái đắc cử gần đây nhất đều gia tăng được tỷ lệ phụ nữ ủng hộ họ ở lần tranh cử sau. Phụ nữ cũng thường ủng hộ những

người đương nhiệm trong các cuộc bầu cử Quốc hội. Cách bỏ phiếu cho thấy họ kiên định hơn nam giới. Tuy nhiên, chính xu hướng thiên về tái bầu những người đương nhiệm lại là nguyên nhân khiến nhiều phụ nữ ra tranh cử với tư cách đối lập bị thất bại.

Bảng 1 - Tư cách bỏ phiếu của phụ nữ		
	% trong tỷ lệ phụ nữ đủ điều kiện bỏ phiếu	Tỷ lệ nam giới đủ điều kiện bỏ phiếu
1980	59,4%	59,1%
1992	62,3%	60,2%
1996	55,5%	52,8%
2000	56,2%	53,1%
2004	60,1%	56,3%

Bảng 2 - Các cuộc điều tra sau bầu cử năm 2004 và 2006 do công ty điều tra TMinc thực hiện

Khi quyết định bầu chọn tổng thống trong cuộc bầu cử hôm nay, những vấn đề nào sau đây là quan trọng nhất đối với bạn?

Số nữ cử tri thực tế trong đêm bầu cử

2006	2004	
22%	16%	Tình hình tại Iraq
15%	23%	Cuộc chiến chống khủng bố
11%	17%	Đạo đức/Giá trị gia đình
11%	16%	Việc làm/Vấn đề kinh tế
6%	3%	Giáo dục
6%	7%	Chăm sóc y tế/ Chăm sóc sức khỏe người già/ Thuốc được kê đơn
5%	3%	Thuế
5%	N/A	Nạo phá thai
4%	N/A	Vấn đề nhập cư
2%	2%	Môi trường

Phụ nữ không phải là cử tri bị các chính trị gia, các đảng chính trị, các chuyên gia và cố vấn chuyên nghiệp phớt lờ vì họ chỉ quan tâm tới các cử tri "chắc chắn" sẽ bỏ phiếu hoặc "còn đang do dự"có bỏ phiếu hay không. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, hơn một nửa số phụ nữ (54%) trong độ tuổi 18-24 không đi bỏ phiếu. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi này đi bầu cử cao hơn nam giới cùng độ tuổi, chỉ 40%. Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi cao nhất 65-74 không đi bỏ phiếu là 29% so với con số 26,1% của nam giới cùng tuổi. Những lý do chính giải thích việc không đi bầu cử là "bệnh tật/ốm yếu" (19,8%), "quá bận rộn/công việc chồng chéo" (17,4%), "không quan tâm" (10,7%) và "không thích các ứng cử viên hoặc các vấn đề vận động tranh cử" (9,7%). Ngoại trừ hai lý do cuối, cần lưu ý là có tới 9 trong số 10 phụ nữ không tham gia không vì lý do nào khác ngoài cảm giác thiếu sự gắn kết.

© AP Images/Ted S. Warren

Học sinh lứa tuổi 12 chuyển các thùng đơn lên xe buýt. Bọn trẻ hy vọng sẽ có một cuộc trưng cầu dân ý về việc bỏ phiếu tăng thêm ngân sách cho giáo dục ở Seattle, bang Washington. (© AP Images/Ted S. Warren)

Cử tri nữ thực sự mong muốn điều gì?

Từ trước tới nay phụ nữ thường được cho là thiên về các vấn đề "SHE", tức là An sinh Xã hội, chăm sóc y tế, và giáo dục. Trong khi đó nam giới thường quan tâm hơn tới các vấn đề "WE", chiến tranh và nền kinh tế. Ba cuộc bầu cử gần đây nhất (2002, 2004 và 2006) cho thấy những đánh giá này không còn đúng nữa.

Trong các cuộc bầu cử năm 2004 và 2006, khi trả lời những người thăm dò dư luận, phụ nữ đều nói những vấn đề để họ quyết định đi bầu và bầu cho ai là "những vấn đề phi truyền thống" của phụ nữ. Theo một bản điều tra với 10 lựa chọn có sẵn, thì tình hình Iraq là mối quan ngại hàng đầu (22%), tiếp đến là cuộc chiến chống khủng bố (15%). Trong khi đó vấn đề đạo đức/các giá trị gia đình và việc làm/các vấn đề kinh tế đều chiếm 11%. Còn mức độ quan tâm đối với sáu lựa chọn còn lại chỉ dừng lại ở mức một con số, thể hiện ở Bảng 2.

Trong ấn phẩm *Điều phụ nữ thực sự mong muốn: Phụ nữ Mỹ đang âm thầm xóa bỏ những rào cản về chính trị, chủng tộc, giai cấp và tôn giáo để thay đổi cách sống của chúng ta (Free Press, 2005),* tôi và đồng tác giả Clinda Lake - người thăm dò dư luận thuộc đảng Cộng hòa, đều nhất trí cho rằng phụ nữ Mỹ không phải là những cử tri chỉ quan tâm riêng tới một vấn đề. Trái lại, họ cân nhắc một loạt ý tưởng, các vấn đề, các cá nhân, những cảm nhận, và cả những hệ tư tưởng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Sự tập trung của truyền thông vào những vấn đề dễ gây tranh cãi khiến người ta có cảm tưởng là phụ nữ chỉ quan tâm đến một vấn đề trong Ngày Bầu cử mà thôi và truyền thông dành sự chú ý đặc biệt vào vấn đề đó để khuyến khích phụ nữ đi bỏ phiếu. Trên thực tế, cách phụ nữ bỏ phiếu cho thấy điều ngược lại.

Không thể bỏ phụ nữ vào cùng một "rọ"

Phụ nữ không có quan điểm cứng nhắc về hệ thống chính trị hoặc những lá phiếu trong hệ thống chính trị đó. Khi đi bỏ phiếu, người này có thể bỏ phiếu bầu cho tất cả các ứng cử viên của Đảng Dân chủ, trong khi đó người khác lại có thể bỏ phiếu cho mọi ứng cử viên của Đảng Cộng hòa, còn người thứ ba thì dùng phương pháp "quầy salad" (salad-bar) để lựa chọn ứng cử viên và vấn đề mà họ cho là phù hợp nhất. Cuối cùng cử tri nữ tự trả lời hai câu hỏi quan trọng nhất khi quyết định bầu ai làm tổng thống: "Mình có thích người đó không?" và "Người đó có giống mình không?". Câu hỏi thứ nhất là bài kiểm tra "phòng khách" cổ điển: Bạn có thích nhìn thấy ứng cử viên đó trên TV trong phòng khách nhà bạn trong bốn hoặc tám năm tới không? Câu hỏi thứ hai phức tạp hơn nhằm thăm dò liệu phụ nữ có tin là ứng cử viên đó sẽ quan tâm, coi trọng, đối phó và lo lắng về những vấn đề giống với các vấn đề họ quan tâm hay không.

Không thể phân chia kinh nghiệm sống và thái độ của phụ nữ Mỹ thành hai nhóm Cộng hòa và Dân chủ. Khi phụ nữ đi bỏ phiếu không chỉ vì hệ tư tưởng chính trị của họ, thì các chính trị gia phải nhận thức được các giai đoạn cuộc sống cũng như những nhóm nhân khẩu học có phụ nữ. Khái niệm mà chúng tôi hay sử dụng ở bộ phận WomenTrend (Xu hướng của cử tri nữ) thuộc công ty ™inc là "Ba diện mạo của Ê-va". Khái niệm này được minh họa bởi ba cuộc đời khác nhau mà một phụ nữ Mỹ ở tuổi 48 có thể trải qua. Người phụ nữ ấy có thể là một người bà làm công việc chân tay, một chuyên viên chưa lập gia đình và chưa có con, hay một người mẹ của hai đứa trẻ. Về mặt kỹ thuật, cả ba người đều có thể cùng độ tuổi và thuộc một nhóm nhân khẩu học phân theo giới tính, nhưng kinh nghiệm sống của họ lại rất khác nhau, dẫn đến những quan điểm khác nhau về thực tại. Đối với phụ nữ, chính trị không phải là một lĩnh vực biệt lập. Trái lại, chính trị là lĩnh vực rộng lớn bao trùm tất cả vấn đề khác mà qua đó phụ nữ thể hiện kinh

nghiệm sống, nhu cầu và những kỳ vọng của mình.

Một số nhóm phụ nữ cần theo dõi trong năm 2008 bao gồm:

Nữ doanh nhân: Ở Mỹ, phụ nữ sở hữu khoảng 10,4 triệu công ty và sử dụng hơn 12,8 triệu lao động người Mỹ. Mặc dù 75% tất cả các công ty Mỹ không có người làm công, thì đáng chú ý là có tới 81% các công ty do phụ nữ sở hữu hoạt động chỉ với một người hoặc là các công ty gia đình. Tốc độ tăng trưởng của các công ty do phụ nữ sở hữu liên tục cao gấp hai lần tốc độ tăng trưởng của tất cả các công ty.

Phụ nữ chưa lập gia đình: Phụ nữ Mỹ lập gia đình muộn không phải do không có lựa chọn, mà đơn giản là vì họ có nhiều cơ hội. Hiện nay, 49% phụ nữ trên 15 tuổi chưa lập gia đình, trong đó hơn một nửa (54%) ở độ tuổi từ 25-64.

Nhóm phụ nữ đã lập gia đình nhưng chưa có con: Với việc ngày càng nhiều phụ nữ tham gia lực lượng lao động và số phụ nữ có con ngoài độ tuổi sinh con truyền thống tăng lên chưa từng có, thì số phụ nữ trong độ tuổi cuối 20, đầu 30 lập gia đình và sinh con ngày càng ít đi.

Nhóm phụ nữ trung niên: Phụ nữ độ tuổi 54-60, nhiều người còn đang phải nuôi con, mong có nhiều quyền lợi và kéo dài thời gian (tìm cơ hội cải thiện cuộc sống), tìm kiếm các giải pháp.

Phụ nữ thuộc nhóm người thiểu số: Người thiểu số hiện chiếm 1/3 dân số Mỹ và hiện có bốn bang có đa số dân là người thuộc các nhóm thiểu số, và dự kiến đến năm 2015 sẽ có thêm 5 bang nữa. Nhóm người nói tiếng Tây Ban Nha có tác động lớn nhất đến dân số Mỹ. Tuy nhiên, sự gia tăng của cử tri Mỹ gốc châu Á cũng là một xu hướng cần theo dõi.

Lớp phụ nữ thế hệ trẻ: Theo Bảng 3, một cuộc khảo sát do công ty thăm dò dư luận™inc và công ty Lake Research Partners thực hiện cho Đài truyền hình Lifetime Television, phần lớn (54%) phụ nữ thế hệ trẻ (những người sinh từ năm 1979) cho rằng cách tốt nhất để tạo ra sự khác biệt trong nền chính trị nước Mỹ là bỏ phiếu. Ngoài chính trị, gần một nửa (42%) phụ nữ thế hệ trẻ cho rằng cách tốt nhất để tạo ra sự khác biệt trên thế giới là "giúp những người kém may mắn hơn chúng ta, giúp họ về thời gian hoặc tài chính". Trong số sáu lựa chọn được đưa ra, chỉ có 2% cho rằng cách tốt nhất để thực hiện điều đó là giữ một "vai trò tích cực trong nền chính trị". Sau việc giúp đỡ những

người khó khăn là "hãy trở thành một người tốt" (chiếm 16%), "giúp chấm dứt bạo lực và xâm hại tình dục đối với phụ nữ" (9%), "giúp bảo vệ môi trường" (8%), và "bảo vệ đất nước bằng cách phục vụ trong quân đội" (4%).

Nếu một phụ nữ hét lên giận giữ "tôi ghét chính trị", thì có nghĩa họ không quan tâm đến việc ai quản lý các trường công và người ta dạy gì ở đó; không quan tâm tới cách tiếp cận, cách thực hiện và chi phí dành cho dịch vụ chăm sóc y tế; hay liệu nước Mỹ có an toàn, thịnh vượng và có sức cạnh tranh trên toàn cầu hay không. Tuy nhiên, rõ ràng là người phụ nữ này không có ý như vậy. Chính trị và quản lý là những phương tiện, mà qua đó sự thay đổi trong những lĩnh vực này được thực hiện. Tuy nhiên, chính trị và quản lý lại không nhất thiết phải là lăng kính qua đó phụ nữ tác động tới những lĩnh vực này.

Hướng đến năm 2008

Bảng 3 - Theo bạn điều gì sau đây là cách tốt nhất để tạo ra sự khác biệt trong nền chính trị nước Mỹ

(chấp nhận một phương án)

54%	Bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử
9%	Làm tình nguyện viên cho một chiến dịch chính trị
8%	Cống hiến cho một sự nghiệp
7%	Viết thư hoặc gửi thư điện tử cho một quan chức được bầu
7%	Phát động mạng lưới xã hội gồm bạn bè và gia đình
4%	Chạy đua vào một chức vụ
3%	Quyên góp tiền cho một chiến dịch vận động

Các ứng cử viên tranh chức tổng thống năm 2008 muốn gì từ cử tri nữ? Biến số trong cuộc bầu cử tổng thống lần này có thể là một ứng cử viên nữ, khiến cho cuộc tranh cãi bắt đầu bằng vấn đề "khi nào" chứ không phải "liệu có hay không". Cuộc tranh luận đã chuyển từ việc bàn về một nữ tổng thống trong giả thuyết sang một nữ tổng thống tên là Hillary Rodham Clinton.

Tuy nhiên, thông lệ trước đây cho thấy phụ nữ không nhất thiết phải bỏ phiếu cho những phụ nữ khác. Nếu làm như vậy, Thượng Nghị sĩ Elizabeth Dole hay Carol Moseley-Braun có lẽ đã giành được đề cử ứng cử viên tổng thống của đảng họ khi tìm kiếm sự

ủng hộ trong đảng trong các cuộc bầu cử năm 2000 và 2004 với suy nghĩ đơn giản là phụ nữ chiếm đa số cử tri. Cuộc chạy đua vào chức tổng thống năm 2008 khác với những cuộc bầu cử trước đây ở chỗ đây là cuộc bầu cử của nhiều ứng cử viên mới lần đầu ra tranh cử. Một phụ nữ, một người Mỹ gốc Phi, một người theo giáo phái Mormon, và một người thiểu số nói tiếng Tây Ban Nha, tất cả đều sẵn sàng nhận được sự đề cử của các đảng chính trị.

Lòng trung thành với đảng quan trọng hơn giới tính. Đó là kết quả của cuộc điều tra hồi tháng 7/2007 do báo Newsweek thực hiên, trong đó 88% nam giới và 85% phụ nữ cho biết nếu đảng của họ chỉ định một ứng cử viên nữ thì họ sẽ bỏ phiếu ủng hộ nếu ứng cử viên đó đủ điều kiện đảm nhận chức vụ. Tuy nhiên, người Mỹ không hào hứng lắm khi bàn về "nhân tố nữ", đặc biệt qua cách thức họ đánh giá người khác: Chỉ có 60% nam giới và 56% phụ nữ cho rằng nước Mỹ đã sẵn sàng chào đón một nữ tổng thống. Còn về cuộc chạy đua giành chức tổng thống, cử tri không mấy do dự bỏ phiếu cho ứng cử viên người Mỹ gốc Phi có đủ phẩm chất của đảng mình, trong khi 92 % người Mỹ da trắng và 93% người da màu cho biết họ ủng hộ ứng cử viên đó.

Giống với vấn đề giới tính, không có nhiều cử tri thắc mắc việc liệu nước Mỹ đã sẵn sàng chào đón một tổng thống người Mỹ gốc Phi chưa: Chỉ có 59% cử tri da trắng và 58% cử tri da màu cho rằng nước Mỹ sẽ bầu lên một tổng thống da đen. Khi trả lời các cuộc thăm dò dư luận, cử tri đôi khi có thể thay đổi thái độ và thông qua bạn bè, gia đình, và các thành viên trong cộng đồng để khẳng định lại quan điểm của mình, đồng thời che giấu quan điểm mà họ cho là "không thể chấp nhận được" hoặc "không phù hợp". Điều đó cho thấy một dự báo trước rằng quan điểm của các cử tri có thể bị tác động bởi sự xuất hiện của một ứng cử viên người Mỹ gốc Phi và một ứng cử viên nữ nổi bật trong năm 2007. Bất kỳ sự phản đối nào đối với một "người Mỹ gốc Phi" hay một "phụ nữ" đều có nghĩa là ứng cử viên đó không được ưa thích.

Mặc dù cuộc chạy đua giành chức tổng thống lần này là cuộc chạy đua mở rộng nhất trong nhiều thập kỷ qua (lần đầu tiên trong 80 năm không một tổng thống hoặc phó tổng thống đương nhiệm nào ra tranh cử), nhưng có một điều chắc chắn là, phụ nữ sẽ vẫn chiếm đa số cử tri, như từ năm 1980, và họ sẽ quyết định ai là chủ nhân tiếp theo của Phòng Bầu dục trong Nhà Trắng.

Những quan điểm trình bày trong bài viết này không nhất thiết phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Chính phủ Mỹ.

ĐƯA TIN VỀ CHIẾN DỊCH TRANH CỬ TỔNG THỐNG: QUAN ĐIỂM CỦA GIỚI BÁO CHÍ

Jim Dickenson

Thành viên của giới truyền thông ghi hình, chụp ảnh và phỏng vấn ứng cử viên trên xe dành cho báo chí trong chuyến vận động tranh cử bằng xe buýt tại bang Iowa tháng 1/2004. (© Reuters/Jim Bourg)

Một nhà báo chính trị kỳ cựu chia sẻ câu chuyện về lần sát cánh với một ứng cử viên tổng thống và bàn về vai trò của phóng viên trong việc truyền tải thông điệp của ứng cử viên tới người dân Mỹ. Những ngày đó thật dài và đầy ắp các sự kiện. Các thành viên và cố vấn cho chiến dịch vận động là những nguồn thông tin quý giá nếu biết cách khai thác. Trong khi đã quen thuộc với các điểm dừng chân của chiến dịch, thì các nhà báo chuyên nghiệp luôn phải sẵn sàng xử lý những sự kiện bất ngờ và các tin tức nóng hổi. Jim Dickenson là phóng viên chính trị đã nghỉ hưu của tờ Washington Post.

Việc làm cuối cùng sau một ngày dài vận động là chuyển lịch làm việc dài không kém của ngày hôm sau, hay như người ta vẫn gọi là "cẩm nang", cho tất cả mọi người, giới báo chí, nhân viên và các cố vấn, và cho cả chúng tôi khi xuống máy bay hoặc khi đã về phòng khách sạn. Một ngày thông thường bắt đầu với những công việc như:

6:15 sáng: Hành lý sẵn sàng ngoài tiền sảnh.
7:15 sáng: Ứng cử viên và nhóm báo chí rời khách sạn tới đài truyền hình KXYZ -TV.
7:30 sáng: Nhân viên và nhóm báo chí lên xe buýt đến Nhà hàng Palm ăn sáng với Phòng Thương mại và Câu lạc bộ Nghề nghiệp lúc 8 giờ sáng.
7:45 sáng: Cuộc phỏng vấn 5 phút giữa ứng cử viên với người đưa tin buổi sáng Joe Smith của đài KXYZ.
7:50 sáng: Rời đài truyền hình KXYZ đến Nhà hàng Palm.
9:00 sáng: Rời Nhà hàng Palm ra sân bay Avery Houston.

Và cứ tiếp tục như vậy – hàng loạt sự kiện và di chuyển trong ngày. Ít ra thì cuộc gặp với Phòng Thương mại/ Câu lạc bộ Nghề nghiệp có nghĩa là chúng tôi không phải băn khoăn liệu có thời gian ăn sáng tại quầy cà phê trong khách sạn hay không. (Một nguyên tắc cốt lõi đối với chiến dịch vận động là ăn bất cứ lúc nào có thể, vì lịch hoạt động có thể khiến bạn phải bỏ bữa). Và nhóm báo chí cho đài KXYZ sẽ cung cấp cho chúng tôi một "thông báo" viết tay hoặc báo cáo về những điều đã được trình bày hoặc đã được thực hiện ở đó. Nhóm báo chí luôn sẵn sàng cho các sự kiện mà ở đó thời gian, không gian, và những vấn đề khác không buộc cả nhóm phải có mặt. Nhóm này thường bao gồm một phóng viên nhật báo, phóng viên truyền hình, phóng viên tạp chí tin tức, và phóng viên báo điện tử (AP hoặc Reuters), và tất cả chúng tôi trong nhóm đều được phân công công việc.

© AP Images/Robert E Bukaty

Người quay phim truyền hình ghi hình chiếc xe buýt dành cho chiến dịch vận động tranh cử đang tới Davenport, bang Iowa tháng 10/2004 (©AP Images/Stephan Savoia)

Cẩm nang là một tài liệu vô cùng chi tiết do các nhân viên của chiến dịch vận động biên soạn giúp mọi thành viên lên kế hoạch cho từng ngày; mỗi phóng viên đều có những ưu tiên và phần việc riêng cần làm. Sự kiện nào sẽ là sự kiện chính, nguồn tin nào là nguồn tin chính trong ngày? Liệu "thời gian sắp xếp tư liệu" để viết và truyền đi các tin tức có được đưa vào lịch trình, và vào thời điểm thích hợp không? Hầu hết chúng tôi đều có thời hạn hoàn tất công việc khác nhau do khoảng cách địa lý và lịch sản xuất của tổ chức cho các cá nhân. Liệu có sự kiện nào mà tôi có thể bỏ qua để "chộp" những người giúp việc của ứng cử viên tổng thống nhằm trao đổi việc phân tích tin mà tôi đang thực hiện không.

Chiến dịch tranh cử tổng thống Mỹ là quá trình rất rắc rối, phức tạp, liên quan đến nhiều

người. Với bất kỳ ai có liên quan, đó còn là một quá trình dài, mệt mỏi và thậm chí kiệt sức. Ví dụ, một ứng cử viên đang chạy đua vòng ba, bốn, năm trong các cuộc bầu cử sơ bộ, sẽ cố gắng tổ chức thật nhiều sự kiện trong cùng một ngày, đặc biệt ở những bang nhỏ nhưng quan trọng như Iowa và New Hampshire, nơi "hoạt động chính trị đối thoại" – tiếp xúc trực tiếp với cử tri – không những là cần thiết mà còn được mong đợi.

© AP Images/Stephan Savoia

Thượng nghị sỹ John MacCain đi cùng vợ và các nhân viên trên xe buýt từ Portsmouth đến Concord, New Hampshire, sau khi tuyên bố tranh cử vào tháng 4, 2007

Chuẩn bị cho chiến dịch vận động

Từ lâu trước khi tham gia chiến dịch vận động, tôi đã nghiên cứu các thành viên trong nhóm vận động. Có phải họ là các cố vấn, chuyên gia truyền thông và người thăm dò dư luận được trả lương không? Ai là những cố vấn không chính thức và không được trả lương nhưng lại là người có ảnh hưởng lớn, chẳng hạn như những người từng giữ các chức vụ, các nhà hoạt động, hay các chuyên gia về chính sách được kính trọng?

Tôi cũng đã nội bộ hóa chiến lược vận động. Sẽ phải nỗ lực như thế nào ở những bang có truyền thống bầu cử sơ bộ sớm như Iowa, New Hampshire và South Carolina? Chiến dịch tranh cử sẽ xử lý như thế nào "cuộc siêu bầu cử sơ bộ" được tổ chức vào ngày 5/1/2008 cùng lúc ở rất nhiều bang – trong đó có những bang quan trọng như New York, California và Florida – mà từ đó có thể xác định ứng cử viên tổng thống của từng đảng ngay trong ngày và chín tháng trước Ngày Bầu cử? Ở bang nào các ứng cử viên chiếm ưu thế hoặc không chiếm ưu thế. Trong từng bang, khu vực nào các ứng cử viên chiếm ưu thế hoặc không chiếm ưu thế. Tất cả những chi tiết này sẽ tạo thành cơ sở để người dân Mỹ đưa ra quyết định chính trị quan trọng nhất, đó là bầu Tổng thống.

Chúng tôi trong nhóm báo chí là một nhân tố quan trọng trong quá trình bầu cử. Do sự suy yếu của các đảng chính trị, và tầm quan trọng của các cuộc bầu cử sơ bộ thì tăng lên, nên giới truyền thông đã trở thành người sàng lọc sớm các ứng cử viên. Chức năng của chúng tôi là đánh giá chính sách của các ứng cử viên, đặc điểm của họ như trí thông minh,

khí chất, tính trung thực, khả năng phán đoán, năng lực tổ chức, tính thuyết phục; và sự phù hợp với cương vị tổng thống, nhằm giúp các cử tri đưa ra những quyết định đúng đắn về vấn đề quan trọng sống còn này. Chúng tôi đã thực hiện nghiêm túc vai trò này kể từ khi xuất bản cuốn *Con đường trở thành tổng thống (The Making of the President 1960)* - cuốn sách bán chạy nhất của Theodore White về chiến dịch vận động tranh cử thắng lợi của John F. Kennedy trước Richard Nixon.

Hợp tác với các nguồn tin

Khai thác tin từ nhân viên và các cố vấn - những người có thể là nguồn tin tốt – là ưu tiên hàng đầu của các phóng viên chính trị. Đây chính là bài thực hành liên tục về đánh giá tính cách, quá trình phát triển và tài ngoại giao của ứng cử viên. Điều quan trọng là xác định các nguồn tin, những người thực sự biết những gì đang diễn ra trong chiến dịch vận động và là những người sẽ chia sẻ thông tin đó cho bạn. Đó là sự kết hợp hiếm hoi trong chiến dịch vận động và tại Phòng Bầu dục. Để làm được điều này thì nên tìm tới các cố vấn chuyên nghiệp bên ngoài hơn là những cộng sự trung thành bấy lâu bởi những người này biết họ chắc chắn còn được mời trong các chiến dịch vận động sau này, cũng như tôi vậy, và chúng tôi cần đến nhau.

Tác giả Jim Dickenson (bên trái) với phóng viên Lionel Linder tại National Observer (Trung tâm Người quan sát Quốc gia), 1972. (ảnh của của Jim Dickenson).

Tôi cũng đánh giá cao các cố vấn làm việc không cần trả lương. Họ là những người quan tâm tới nền chính trị đất nước chứ không phải vì sự nghiệp hay đầu tư cá nhân cho chiến dịch vận động. Trong một chiến dịch vận động tranh cử tổng thống của Đảng Dân chủ, tôi đã kết bạn với một nhà hoạt động chính trị ôn hòa và là người kỳ cựu trong chiến dịch vận động tranh cử của Tổng thống Kennedy. Trên đường làm nhiệm vụ có vài lần chúng tôi cùng ăn tối và thi thoảng cũng đi uống ở quán bar. Đã có lúc anh quyết định là không thể tiếp tục tuân theo những điều sai lầm và những tính toán sai của các chiến dịch vận động tranh cử. Cho rằng có thể tin cậy tôi sẽ

đưa tin đúng và có thể bảo vệ danh tính của mình, nên anh đã cung cấp cho tôi những thông tin "hậu trường" của chiến dịch vận động. Điều đó có nghĩa là tôi có thể sử dụng thông tin nhưng không trích dẫn danh tính của anh. Kết quả là tôi có được một trong những bản phân tích tốt nhất về các chiến dịch vận động.
Năm 1988 tôi làm cho tờ Washington Post và đưa tin về Thượng nghị sĩ Al Gore tại cái gọi là cuộc Siêu bầu cử sơ bộ ngày Thứ 3, trong đó một số bang miền nam cũng tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ cùng ngày nhằm gia tăng ảnh hưởng của khu vực đối với việc chỉ định ứng cử viên tổng thống. (Gore đã đạt kết quả tốt ở đó nhưng không có nguồn lực để tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ tiếp theo tại các bang miền bắc). Gore chọn điểm dừng chân tại bang Tennessee quê nhà, tới một bệnh viện có tòa nhà mới xây hiện đại dành cho khoa nhi. Tại đó chúng tôi đã được gặp Bill Clinton, lúc đó là Thống đốc bang Arkansas, và tôi quyết định bỏ chuyến thăm bệnh viện để phỏng vấn Clinton. Qua những cuộc đối thoại trước đây, tôi thấy ông ta là một nhà phân tích chính trị giỏi và dễ tiếp cận, và cuộc phỏng vấn đã cực kỳ hiệu quả. Bản thân tôi đã thỏa thuận với một đồng nghiệp của tờ báo không cạnh tranh ở miền Trung Tây là sẽ cung cấp cho anh ta thông tin về Clinton, đổi lại anh ta sẽ cung cấp cho tôi thông tin về chuyến thăm ở bệnh viện.

Mong đợi những sự kiện bất ngờ

Cẩm nang vạch ra những sự việc đã được sắp đặt, nhưng nó không tiên liệu được một nghìn lẻ một những sự kiện bất ngờ lúc nào cũng có thể xảy ra. Tôi lúc nào cũng phải sẵn sàng ứng biến trước những sự kiện bất ngờ, bởi chúng là cốt lõi của ngành kinh doanh tin tức. Những diễn biến mới tại Iraq, những động thái mới tại Quốc hội về vấn đề nhập cư hay chăm sóc y tế, rồi một ứng cử viên bị loại khỏi cuộc bầu cử sơ bộ của đảng mình do gặp khó khăn về gây quỹ và nhiều sự kiện khác nữa.

Những diễn biến trên thường không được hào hứng chào đón do cả phóng viên và biên tập viên đã trở nên chán ngán với những bài diễn thuyết, chiến dịch vận động khuôn mẫu của ứng cử viên. Nó được lặp đi lặp lại hết sự kiện này đến sự kiện khác nhằm thu hút khán giả mới nhưng lại khiến cánh phóng viên chúng tôi luôn phải tìm kiếm các đầu mối tin mới cho chuyên mục và các bài phân tích tin. Tuy nhiên, trong một chiến dịch vận động, tôi đã tập hợp và soạn thảo những gì mà tôi cho là một bản tin tuyệt vời, theo đó các sự kiện lớn trong ngày của chiến dịch vận động tranh cử đã minh họa sống động quan điểm của ứng cử viên về ba vấn đề cơ bản mà ứng cử viên đó đưa ra. Tôi rất tự hào về bản tin đó và gửi đi sớm trước hạn chót. Tuy nhiên, tại sự kiện tiếp theo, ứng cử viên tôi theo dõi chỉ ra rằng đối thủ của ông đã mở rộng chuyến vận động tranh cử mới đây của ông bằng lời khẳng định đầy nghi ngờ rằng carbon dioxit thải ra từ lá cây chính là nguyên nhân gây ra cháy rừng và sương mù ở một rặng núi phía đông nước Mỹ, làm dấy lên một cuộc tranh

luận gay gắt về chính sách môi trường của ông ta. Suốt mấy ngày sau chúng tôi tranh nhau đưa tin về sự kiện đó. Như vậy có nghĩa là bao nhiêu nỗ lực viết lách của tôi từ những ngày trước đó đã trở nên vô ích bởi vấn đề mà tôi cho là không có ý nghĩa gì.

Với công nghệ mới hơn của máy tính xách tay, Blackberries, điện thoại di động và những thiết bị tương tự, chúng tôi có điều kiện để tiên liệu các diễn biến ngay cả khi đang trên đường. Chúng tôi có thể kiểm soát dịch vụ có dây và các trang tin của các cơ quan thông tấn khác. Chúng tôi không còn phải chạy theo nhân viên và các cố vấn trong chiến dịch tranh cử để có được thông tin phản hồi trước các sự kiện nóng hổi, vì họ cung cấp những thông tin đó cho chúng tôi qua thư điện tử. Thời kỳ trước khi có máy tính và modem, việc gửi tin bài khi đi trên đường để kịp hạn chót có thể rất khó khăn. Nhưng giờ đây việc liên lạc với tòa soạn nói chung là thường xuyên và nhanh chóng với điện thoại di động, truy cập Internet không dây, modem băng thông rộng và tốc độ cao phục vụ việc chuyển và nhận tin bài, báo cáo, và các tài liệu cơ bản lưu trong máy tính xách tay. Công nghệ mới, kể cả vệ tinh, rõ ràng cũng đã làm đội ngũ làm truyền hình giảm bớt gánh nặng vì đối với họ trước đây khâu hậu cần ghi băng hình rồi chuyển về trụ sở chính để kịp phát bản tin buổi tối là cơn ác mộng thường ngày.

Tuy nhiên, công nghệ mới cũng có nghĩa là thêm nhiều việc hơn, bởi phóng viên các hãng thông tấn có trang tin điện tử và đài phát thanh được trông đợi cập nhật những tin tức nóng hổi trong suốt cả ngày. Về các lý do kỹ thuật mà không ai trong chúng tôi hiểu được, hạn chót để ra ấn bản đầu tiên của hai tờ nhật báo lớn nơi tôi đã làm việc là Washington Star và Washingtion Post, được rời lên sớm hơn một giờ, tức 7 giờ chứ không phải 8 giờ tối, sau khi phòng tin đã lên chế bản. Điều đó cũng có nghĩa là tòa soạn có thể dễ dàng liên hệ với bạn đôi khi với những ý tưởng hết sức ngớ ngẩn về tin bài.

Cuộc sống thật tuyệt diệu nếu bạn không ốm yếu. Đó là một cuộc sống dành cho người trẻ khỏe, có thể làm việc 16 tiếng một ngày và lùi bữa tối đến 11 giờ đêm. Khi tôi còn trẻ và coi mình là đấng nam nhi (đến tận tuổi 50), tôi coi đó là một thách thức tiếp thêm động lực cho mình.

Khi biết tôi làm nghề kinh doanh tin tức, mọi người thường hay nhận xét là: "Nghề đó thú vị đấy. Chắc ngày nào anh cũng phải biết vài thông tin mới. Tôi trả lời "Đúng vậy", nhưng trong bụng thì nhủ thầm "Còn các anh thì chẳng có ý tưởng gì cả".

Các ý kiến trình bày trong bài này không nhất thiết phản ánh các quan điểm hay chính sách của Chính phủ Mỹ.

THĂM DÒ DƯ LUẬN CHÍNH TRỊ: VÌ SAO CHÚNG TA KHÔNG THỂ SỐNG THIẾU CHÚNG?

John Zogby

Alfonso Marktinez đăng ký bầu cử khi bơm ga tại Santa Fe, New Mexico. (© AP Images/Jeff Geissler)

Từ thập niên 60, số lượng các cuộc thăm dò dư luận công chúng tăng lên nhanh chóng. Trong bài viết này, chuyên gia thăm dò dư luận John Zogby bàn về tầm quan trọng của các cuộc thăm dò dư luận, không chỉ nhằm đánh giá thái độ của công chúng đối với các ứng cử viên tranh cử, mà còn khám phá các giá trị của cử tri và cảm nhận của họ về các vấn đề có tính thời sự. Tác giả là Chủ tịch tổ chức Zogby International có trụ sở tại Utica, bang New York, với các văn phòng tại Washington, Miami và Dubai. Các văn phòng này đã theo dõi công luận từ năm 1984 tại các khu vực Bắc Mỹ, Mỹ Latinh, Trung Đông và châu Âu.

Tôi mưu sinh bằng cách đặt ra các câu hỏi và dưới đây là một vài ví dụ: Các cuộc thăm dò dư luận sớm có ý nghĩa gì từ nhiều tháng trước khi bầu cử? Chúng có thể tiên đoán hay chỉ đơn giản là những số ghi khí áp? Khi đề cập đến việc trái đất ấm lên, người Mỹ (và những người theo dõi bầu cử tại Mỹ) có phải là nạn nhân của "tình trạng ô nhiễm do có quá nhiều cuộc thăm dò dư luận" gây ra không? Ví dụ, có quá nhiều cuộc thăm dò dư luận trong công chúng đúng không? Liệu chúng ta có thể tiên đoán mà không cần các cuộc thăm dò dư luận công chúng không? Tôi sẽ cố gắng trả lời từng câu hỏi.

Bỏ phiếu sớm có ý nghĩa gì nhiều tháng trước cuộc bầu cử? Chúng có thể đưa ra dự đoán không hay chúng đơn giản chỉ là những số ghi khí áp?

Để đánh giá giá trị của các cuộc thăm dò dư luận sớm ta nên hình dung về một người định ra mục tiêu giảm cân vào tháng 12/2008. Tôi cho rằng đây là phép ẩn dụ phù hợp nhất. Người đó nên tránh việc kiểm tra cân nặng trong vài tháng hay tháng nào cũng kiểm tra trọng lượng để đánh giá tiến bộ? Hầu hết những người cố giảm cân đều giống các chính trị gia chuyên nghiệp hoặc những kẻ nghiện xì ke ma túy. Lúc nào họ cũng muốn có thông tin. Lẽ dĩ nhiên lúc này những người đang ăn kiêng không thể đảm bảo rằng mình sẽ đạt được mục tiêu vào ngày đã định, nhưng các báo cáo về tiến triển của tình hình mà cuộc thăm dò dư luận cho thấy sẽ mang đến những lời khuyên là nên cố gắng hơn nữa hoặc bớt ăn sôcôla.

Các cuộc thăm dò dư luận sớm có thể cung cấp kho dữ liệu phong phú chứ không dừng lại ở việc cho biết ứng cử viên nào đang dẫn đầu cuộc đua. Ở một thời điểm nhất định thì vấn đề nào là vấn đề nổi cộm? Liệu những vấn đề nổi cộm này có thay đổi và sẽ phải được giải quyết không? Các cuộc thăm dò dư luận sớm cũng cho thấy tâm trạng chung của công chúng. Họ có hài lòng với chiều hướng đất nước đang vận hành không hay như khi chúng tôi đặt vấn đề với họ là "liệu có phải mọi thứ đã bị chệch hướng không?" Đó là những vấn đề rất quan trọng. Và các cuộc thăm dò dư luận hiếm khi đưa khoa học vào những gì mà các ứng cử viên nhìn nhận và những gì công chúng cảm nhận - sự thỏa mãn, oán ghét, giận dữ, tuyệt vọng, tự tin – hay thậm chí thất vọng.

Các bạn cần phải hiểu là những người làm công việc thăm dò dư luận như chúng tôi không chỉ thăm dò cảm xúc một chiều hay chớp lấy những ý kiến về các vấn đề mà cử tri thậm chí có thể không hiểu. Một cuộc thăm dò dư luận tốt sẽ cố gắng xác định những giá trị mà cử tri gắn với các vấn đề cụ thể. Các giá trị không mất đi mà là bất di bất dịch và gắn chặt vào từng vấn đề. Và người dân có thể xung đột với các giá trị của chính mình. Một cử tri có thể cảm thấy cuộc chiến tại Iraq đang trở nên tồi tệ bởi nó hủy hoại và gây ra những cái chết vô ích. Nhưng chính cử tri ấy lại cũng quan tâm sâu sắc về danh dự và sự toàn vẹn của nước Mỹ có thể bị tổn hại. Trách nhiệm của các ứng cử viên và các cố vấn chuyên nghiệp của họ là tạo ra những biểu tượng và các thông điệp đúng đắn nhằm thuyết phục cử tri giải quyết những xung đột nội tại của riêng họ. Điều đó giải thích tại sao việc thăm dò dư luận lại có giá trị giúp quyết định thông điệp và chủ đề truyền thông tối ưu nhất mà các ứng cử viên cần nhấn mạnh.

Với lối tư duy như vậy, trong ba thập kỷ là người hành nghề thăm dò dư luận tôi đã hiểu được là phái đa số thường coi trọng mức độ cảm xúc đối với các vấn đề chủ chốt hơn là các chiến dịch vận động chính trị. Hãy xem xét các vấn đề nổi bật ngay trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 này. Vấn đề bao trùm hàng đầu là cuộc chiến Iraq. Cứ ba trong số năm cử tri coi cuộc chiến này là vấn đề quan tâm hàng

đầu của họ. Mặc dù năm 2004 phong trào phản đối cuộc chiến xuất phát chủ yếu từ các thành viên Đảng Dân chủ (hơn 80%) và nhiều thành viên độc lập (chiếm hơn 60%), song sự ủng hộ đối với Đảng Cộng hòa lúc đó cũng mạnh mẽ chẳng kém sự phản đối từ Đảng Dân chủ. Do vậy, Tổng thống Bush nhận thấy rằng cuộc chiến đã không gây tổn hại gì khi ông gắn nó với cuộc chiến chống khủng bố - vấn đề mà hầu hết cử tri đều cho rằng Bush là người có khả năng giải quyết tốt hơn so với đối thủ của ông thuộc Đảng Dân chủ, Thượng nghị sĩ John Kerry. Nhưng đến năm 2005, sự ủng hộ của phe bảo thủ trong Đảng Cộng hòa đối với cuộc chiến không chỉ giảm đi, mà phe thiểu số của phái Tự do và các thành viên ôn hòa trong Đảng Cộng hòa đã quay ra phản đối Tổng thống.

Cuộc chiến chống khủng bố là vấn đề thứ hai và là vấn đề hữu ích để xem xét chiều hướng của công luận. Khi Bush tái đắc cử năm 2004, ông ta được ủng hộ vì được cho là người có khả năng giải quyết vấn đề này tốt hơn. Ông giành được 67% số phiếu bầu so với 24% của Kerry. Đến năm 2005, quan điểm của công chúng cho rằng cả Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa có khả năng chống khủng bố ngang nhau. Nhưng khi chúng ta bước sang năm 2008, Đảng Dân chủ khó có thể giành chiến thắng trước Đảng Cộng hòa trong vấn đề này bởi cử tri không dành cho Đảng Dân chủ sự ủng hộ cao để có thể giúp họ chiến thắng, ít nhất là chưa thể.

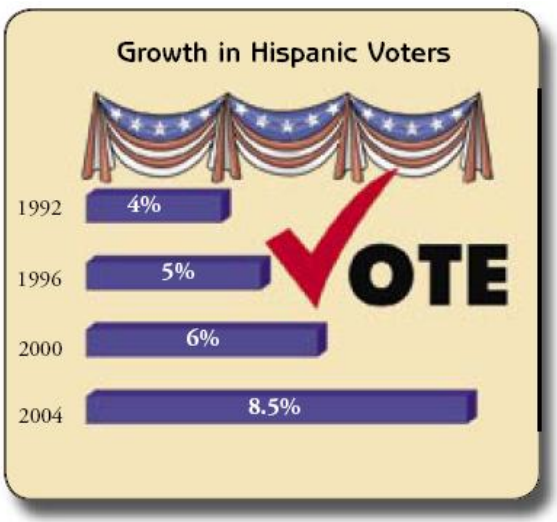

Trong một số vòng bầu cử trước đây, những vấn đề được quan tâm cao độ là "Chúa, súng đạn, và giới đồng tính". Nhưng Đảng Cộng hòa có thể mất đi lợi thế vì cử tri đang chuyển hướng sang các vấn đề khác như Iraq và chăm sóc y tế, vì những vấn đề này dẫn đến tình trạng mất an ninh, giận dữ và tuyệt vọng - những phản ứng thể hiện trạng thái cảm xúc rất mạnh.

Nhập cư là vấn đề căng thẳng trong năm 2008. Với vấn đề này thì việc thăm dò dư luận có tính chất định hướng. Người Mỹ phản đối nhập cư bất hợp pháp, nhưng họ cho rằng sẽ là công bằng nếu cho những người đã sống tại Mỹ cơ hội được trở thành công dân. Họ muốn kiểm soát biên giới chặt chẽ hơn, nhưng lại phản đối việc chi hàng trăm triệu đô-la để xây dựng một hàng rào giữa Mỹ và Mê-hi-cô. Tuy nhiên, cũng như cuộc chiến Iraq, vấn đề này chưa bị tác động nhiều bởi phái đa số ủng hộ hay phản đối các biện pháp trên. Trái lại, vấn đề này bị ảnh hưởng bởi mức độ ủng hộ hoặc phản đối từ một số ít cử tri. Đảng Cộng hòa một lần nữa lại rơi vào tình thế khó khăn khi phải đối mặt với vấn đề này.

Các ứng cử viên tổng thống và Quốc hội thuộc Đảng Cộng hòa bị kẹt giữa thành phần bảo thủ nhất và to tiếng nhất. Những thành phần này phản đối bất cứ nỗ lực nào nhằm hợp pháp hóa những người đang sống bất hợp pháp trên đất Mỹ và số lượng cử tri nói tiếng Tây Ban Nha ngày càng lớn mạnh bị xa lánh do những nỗ lực xây dựng một bức tường dọc biên giới phía nam. Hãy xem xét những con số sau: nhóm người nói tiếng Tây Ban Nha chiếm 4% trong tổng số 92 triệu cử tri trong cuộc bầu cử năm 1992, 5% trong số 95 triệu cử tri năm 1996, 6% trong số 105 triệu cử tri năm 2000, và 8,5% trong số 122 triệu cử tri năm 2004. Là một lực lượng trong bộ phận cử tri Mỹ, nhóm này tiếp tục lớn mạnh nhanh hơn tốc độ tăng của tổng dân số. Khi Tổng thống Bush giành được 40% số phiếu bầu của cử tri nói tiếng Tây Ban Nha năm 2004 (tăng 5 điểm so với năm 2000), ông đã giành được phần lớn hơn của chiếc bánh lớn hơn. Với kết quả giành được chủ yếu nhờ vào vấn đề nhập cư (cùng với vấn đề Iraq và nền kinh tế), số phiếu phe Cộng hòa giành được trong tổng số phiếu bầu trong các cuộc bầu cử Quốc hội năm 2006 đã giảm xuống 28% và Đảng Cộng hòa bị thất bại nặng nề. Các cuộc thăm dò dư luận sớm trong vòng bầu cử 2008 cho thấy họ đang gặp khó khăn từ nhóm cử tri nói tiếng Tây Ban Nha. Đảng Cộng hòa phải đối mặt với sự lựa chọn khó khăn trong vấn đề nhập cư.

Có tình trạng ô nhiễm thăm dò dư luận không?

Vào thập niên 60, đã có những tổ chức thăm dò dư luận Harris và Gallop. Đến thập niên 70, các mạng truyền hình lớn đã hợp sức với các tờ báo lớn. Vào năm 1922, vẫn chỉ có một vài cuộc thăm dò dư luận chính. Lý do dẫn đến sự ra đời của các cuộc thăm dò dư luận độc lập và của giới truyền thông là rất rõ ràng. Các cuộc thăm dò dư luận đóng vai trò kiểm tra chống lại sự lạm dụng của các ứng cử viên xảo quyệt, những người khẳng định họ có thể làm tốt hơn chỉ bằng cách đơn giản là tung ra các bản thăm dò dư luận giả để đánh lừa công chúng và những người đóng góp tiềm năng bằng cách lập hồ sơ công khai các kết quả điều

Chuyên gia thăm dò dư luận John Zogby trình bày trước cử tọa tại thành phố Oklahoma, mô tả vai trò quan trọng ngày càng gia tăng của cử tri nói tiếng Tây Ban Nha trong cuộc bầu cử 2008. (© AP Images).

tra do các nguồn tin độc lập và đáng tin cậy thực hiện.

Với sự bùng nổ của mạng lưới tin tức cáp và các phương tiện truyền thông khác, thăm dò dư luận cũng phát triển mạnh. Năm 2006 có ít nhất 20 cuộc thăm dò dư luận độc lập trong công chúng và con số này đang tiếp tục gia tăng. Vì vậy, một câu hỏi thực sự được đặt ra là có phải có quá nhiều hãng tin và quá nhiều cuộc thăm dò dư luận hay không? Gần đây, người Mỹ dường như thích cả hai, thêm kênh thông tin và thêm các cuộc thăm dò dư luận. Người Mỹ muốn có được cảm giác gắn kết, để biết quan điểm của họ thuộc trào lưu chính hay chỉ ngoài rìa, và xem ứng cử viên của họ hoạt động ra sao trong cộng đồng lớn hơn - vượt ra khỏi thế giới thân thiết của họ, những nhân viên quầy bar, người cắt tóc, các cửa hàng tạp phẩm, gia đình và hàng xóm.

Tuy nhiên, do số lượng các cuộc thăm dò dư luận lớn hơn nên những người làm công việc thăm dò ý kiến, công chúng và giới truyền thông phải gánh vác thêm trách nhiệm. Chúng tôi những người làm việc trong lĩnh vực này có bổn phận nhắc nhở người Mỹ về những gì các cuộc thăm dò dư luận có thể đem lại và những gì chúng không làm được. Lúc nào chúng tôi cũng lắng nghe xem chúng tôi đang đưa ra các dự đoán như thế nào mỗi khi xuất bản các nghiên cứu điều tra của mình, khi mà trong thực tế chúng tôi chỉ đang nắm bắt nhanh một khoảnh khắc của thời gian, đưa ra một bản đo lường, tìm ra những tiến triển lên một phạm vi. Bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra giữa thời điểm một cuộc thăm dò dư luận đang được thực hiện và một cuộc bầu cử đang được tổ chức, ngay cả khi cuộc thăm dò dư luận được được thực hiện trong ngày trước khi diễn ra cuộc bầu cử.

Các cuộc thăm dò dư luận cũng không hoàn hảo. Chúng tôi không trao đổi với từng cá nhân trong toàn bộ dân số, mà trái lại chúng tôi chọn một mẫu trong đó. Do vậy, luôn có sai số từ khi xây dựng mẫu (dù các nhân tố khác cũng có thể gây ra sai số). Hầu hết sai số dao động trong khoảng "cộng, trừ 3" trong các cuộc thăm dò dư luận cấp quốc gia, do vậy có thể có dao động tới 6 điểm. Nếu ứng cử viên A đang giành được 53% số phiếu bầu trong cuộc thăm dò như vậy và ứng cử viên B giành được 47%, khi đó ứng cử viên A có thể giành được mức phiếu bầu cao đến 56% hoặc thấp hơn là 50%, trong khi đó ứng cử viên B có thể giành được cao là 50% số phiếu hoặc thấp hơn là 44%. Nói cách khác, số phiếu các ứng cử viên giành được có thể là ngang bằng nhau. Chúng tôi có thể nói cuộc bầu cử là sít sao hay không sít sao, nhưng chúng tôi không thể dự đoán được kết quả, ngoại trừ thông qua linh cảm và phân tích các số liệu. Và việc đó chủ yếu là nhằm mục đích giải trí chứ không phải là tiên đoán.

Công chúng nên có thái độ hoài nghi lành mạnh về các cuộc thăm dò dư luận. Chúng là những công cụ rất hữu ích để hiểu diễn biến của một cuộc bầu cử, vì vậy không nên loại bỏ chúng. Và nhìn chung, sản phẩm của chúng tôi là rất chính xác. Tuy nhiên, năm 2000, khi các cuộc thăm dò dư luận do tôi thực hiện (cùng với các cuộc thăm dò của hãng truyền thông CBS), về số phiếu bầu phổ thông thì Phó Tổng

thống Al Gore ít có khả năng chiến thắng, còn theo một số cuộc thăm dò khác thì Thống đốc George W.Bush dẫn trước 2 hoặc 3 điểm. Như vậy là về cơ bản chúng tôi cùng đưa ra nhận định giống nhau.

Cuối cùng, giới truyền thông - đặc biệt là phát thanh truyền hình - phải thực hiện tốt hơn việc giải thích các sai sót mẫu điều tra, cách đặt câu hỏi, và các nguyên nhân khác gây ra hạn chế trong các cuộc thăm dò, đồng thời thông tin về kết quả trong bối cảnh phù hợp hơn, ví dụ các sự kiện, các bài phát biểu, và các nhân tố khác có thể đã ảnh hưởng tới kết quả trong khi cuộc thăm dò đang diễn ra.
Chúng ta có thể dự đoán được không nếu không có các cuộc thăm dò dư luận ?

Ồ, tôi chắc chắn là không. Rõ ràng, cả các chính trị gia chuyên nghiệp và các quan sát viên chính trị đều không làm được. Các cuộc thăm dò dư luận có chức năng quan trọng là khám phá ra những tư tưởng sâu sắc nhất, những cảm xúc, định kiến, các giá trị và thái độ của toàn bộ nền chính trị. Sau nhiều năm tôi đã nhận ra rằng cá nhân người Mỹ có thể không được thông tin tốt, bàng quan, và đơn giản là sai lầm, nhưng nhân dân Mỹ nói chung luôn được cung cấp thông tin đầy đủ và hiếm khi sai khi được thăm dò ý kiến - hoặc cuối cùng là bỏ phiếu.

Các ý kiến trình bày trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Mỹ.

SỰ KHỞI ĐẦU MỚI MẺ

Cuộc phỏng vấn với Charlie Cook và Jerry Hagstrom

Cử tri xếp hàng bỏ phiếu tại cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2006 tại Alexandria, bang Virginia, thứ ba, ngày 7 tháng 11 năm 2006. (© Corbis/epa/Shawn Thew)

Cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2008 có điểm đặc biệt là cả Tổng thống và Phó Tổng thống đương nhiệm đều không chạy đua vào vị trí đứng đầu Nhà Trắng. Trong một cuộc phỏng vấn với Michelle Austein – phóng viên của Văn phòng các Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ – hai chuyên gia đã tranh luận về vấn đề này và cùng đưa ra nhận định của mình về mùa bầu cử 2008 sắp diễn ra. Charlie Cook là nhà biên tập và chủ báo Cook Political Report, còn Jerry Hagstrom là cộng tác viên biên tập cho tờ National Journal.

Hỏi: Các ông có thể nói cho chúng tôi biết tại sao người dân Mỹ và công chúng quốc tế lại rất chú ý tới cuộc chạy đua giành chiếc ghế tổng thống trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới đây? Tại sao cuộc bầu cử lần này lại có vẻ khác so với những cuộc chạy đua đã có từ trước tới nay?

Cook: Đây thực sự là lần đầu tiên trong 80 năm qua cả tổng thống và phó tổng thống đương nhiệm đều không chạy đua giành chiếc ghế tổng thống. Một cuộc chạy đua mở rộng cho cả hai đảng quả là một sự

kiện đặc biệt.

Thông thường, một bên sẽ chỉ có tổng thống hoặc phó tổng thống tham gia tranh cử và sẽ dễ dàng dành được sự đề cử của đảng mình, hay chỉ có hai người chạy đua vào chiếc ghế tổng thống, còn phía bên kia là rất nhiều ứng cử viên khác. Lần này, cuộc chạy đua khốc liệt diễn ra ở cả hai đảng. Đây quả thực là một vòng tranh cử vô cùng đặc biệt mà chúng tôi chưa từng thấy trước đây.

Hagstrom: Tôi nghĩ rằng đây là cuộc chạy đua kỳ thú giữa hai đảng và là một cuộc đua quan trọng thu hút sự chú ý của dân chúng tại các quốc gia khác. Cần theo dõi cuộc bầu cử này ngay từ đầu vì đến nay vẫn chưa rõ ai sẽ là ứng cử viên và tất nhiên cũng chưa biết ai là người sẽ đắc cử.

Hỏi: Các ứng cử viên đã bắt đầu huy động tiền dành cho chiến dịch tranh cử sớm hơn các cuộc tuyển cử trước đây. Một phần lý do là không có ứng cử viên đương nhiệm. Còn có lý do nào khác không?

Cook: Ngày càng khó tiếp cận với cử tri so với trước kia. Hai mươi hoặc ba mươi năm trước, bạn chỉ có 3 mạng truyền hình và bạn hầu như có thể tiếp xúc được với tất cả mọi người thông qua con đường đó. Ngày nay, với truyền hình cáp và vệ tinh với hàng trăm kênh truyền hình khác nhau và rất nhiều trò giải trí khác, thật khó có thể tiếp cận với đông đảo cử tri, khó có thể truyền đạt một thông điệp đến với đa số dân chúng.

Hagstrom: Nhiều năm trước đây, mọi người tiến hành chiến dịch tranh cử trong các sự kiện lớn hoặc tại các nhà máy lớn, và họ thu được nhiều sự chú ý. Ngày nay, bạn không thể làm như vậy. Bạn phải nhớ rằng người dân Mỹ đang làm việc ở công sở. Họ thực sự không có thời gian để chú ý đến các sự kiện lớn. Vì vậy, phải tiếp xúc với cử tri thông qua đài phát thanh và truyền hình, điều đó đòi hỏi phải có rất nhiều tiền để mua thời gian quảng cáo.

Cook: Ở Mỹ, dân chúng bỏ phiếu cho người ứng cử - cá nhân người ứng cử - chứ không bỏ phiếu cho đảng mà người đó đại diện. Điều này đòi hỏi phải chi tiêu nhiều hơn so với trường hợp bầu theo hình thức chính quyền đại nghị.

Hagstrom: Bởi vì chúng ta sử dụng hệ thống tuyển lựa để chọn ra các ứng viên, có nghĩa là một ứng viên không nhất thiết phải đến từ một đảng nào. Ứng cử viên đó không cần phải có một lịch sử lâu dài gắn bó với đảng thì mới được đề cử. Nhưng điều này cũng có nghĩa là phải có nhiều tiền, nhiều thời gian và nhiều người để tiếp xúc với các đảng viên trước khi tuyển chọn.

Hỏi: Các ứng viên năm nay có vẻ đa dạng nhất so với các cuộc bầu cử khác trong lịch sử Mỹ. Ông có

nghĩ là vì sao lại như vậy và liệu điều đó có tạo ra một tiền lệ nào cho các cuộc bầu cử trong tương lai không?

Hagstrom: Tôi nghĩ rằng có một lý do là xã hội đã phát triển, xã hội thực sự đã đa dạng hơn và dễ dàng chấp nhận sự đa dạng. Hai mươi hoặc ba mươi năm trước thật khó để các ứng viên có thể được nhìn nhận một cách nghiêm túc như bây giờ.

Cook: Đầu năm nay, Tạp chí Gallup đã chỉ ra rằng có 94% dân chúng Mỹ có thể bỏ phiếu cho một ứng viên sáng giá dù anh ta là một người Mỹ gốc Phi. 88% nói rằng họ có thể bỏ phiếu cho một ứng viên sáng giá là phụ nữ. Không thể có các con số này vào 8 hoặc 12 hoặc 16 hoặc 20 năm trước. Đất nước của chúng ta đã thay đổi rất nhiều so với trước đây. Dân chúng đã chấp nhận sự khác biệt về sắc tộc dễ dàng hơn so với trước kia. Vâng, trước kia, chúng ta đã có các ứng cử viên là phụ nữ, đã có các ứng cử viên là người Mỹ gốc Phi tranh cử chức tổng thống, song họ chưa bao giờ thực sự có cơ hội. Trong cuộc tuyển cử lần này, họ cũng đang chạy đua và họ có cơ hội thực sự. Điều đó đã đủ để nói lên rằng người dân Mỹ đã thay đổi đến mức nào.

Các thượng nghị sĩ hứa hẹn đắc cử tổng thống của Đảng Dân chủ, Barack Obama và Hillary Clinton trong cuộc tranh luận lần đầu của Đảng Dân chủ ở Coral Gables, bang Florida, tháng 9 năm 2007. (© AP Images/Alan Diaz)

Hỏi: Nhiều người dân Mỹ cho rằng vấn đề Iraq sẽ là tiêu điểm của các chiến dịch tranh cử. Liệu còn có vấn đề nào khác được đưa vào các chiến dịch này hay không?

Cook: Tôi nghĩ Iraq sẽ là chủ đề lớn nhưng tôi không chắc chắn về điều này - chúng ta chưa biết tình hình sẽ xoay chuyển thế nào vào mùa thu năm 2008. Vấn đề phát triển kinh tế cũng có thể là một tiêu điểm đáng quan tâm. Vấn đề môi trường và sự nóng lên của trái đất cũng là một vấn đề nóng hổi. Đây là vấn đề mà nhiều người đã làm trong 20, thậm chí 30 năm để giải quyết vấn đề này. Nhưng cho tới nay, phần lớn các cử tri vẫn đang đánh giá về các ứng cử viên chứ chưa xem xét các vấn đề này.

Hagstrom: Cuối cùng thì vấn đề quan trọng nhất trong một cuộc bầu cử tổng thống vẫn là tính cách.Vấn đề là bạn tin tưởng ai.

Hỏi: Nhiều bang đã khởi động cuộc bầu cử phổ thông sớm hơn lịch trình. Dường như phần lớn các bang đều bắt đầu vòng bầu cử vào ngày 5 tháng 2 năm 2008. Điều này tác động thế nào tới mùa tranh cử?

Cook: Nhiều bang đã bắt đầu khởi động cho vòng bầu cử phổ thông vào ngày 5 tháng 2 năm 2008, vì thế, họ có thể có vai trò nào đó trong mùa tranh cử. Hiện nay, quá nhiều việc phải làm trong khi phần lớn các bang này và người dân chưa thực sự có nhiều điều để nói. Khi bạn có 21, 22 hoặc 23 trong số 50 bang, trong đó có một số bang lớn nhất của nước Mỹ, tất cả lại cùng bầu phiếu trong một ngày thì thật khó mà một bang riêng rẽ nào có thể thu hút được sự chú ý riêng. Quan điểm của tôi là chúng ta sẽ biết ai là ứng cử viên nếu không phải sau ngày 5 tháng 2 thì có thể là sau một tuần hoặc hơn một tuần sau đó.

Sau đó, chúng ta sẽ có một thời gian thư giãn giữa các chiến dịch tranh cử và dân chúng sẽ tập trung vào các vấn đề khác trong khoảng từ hai đến ba tháng. Các cuộc tranh cử sẽ đi vào hồi kết và trở lại cao trào vào đợt tổng tuyển cử tháng 11.

Hagstrom: Có vẻ như hai bang Iowa và New Hampshire sẽ tiến hành bầu cử phổ thông trước ngày 5 tháng 2. Sự mở màn này cũng có tầm quan trọng nào đó vì nó cho thấy dấu hiệu về nhân vật mà người dân Mỹ yêu thích.

Hỏi: Các cử tri do dự đang trông đợi điều gì và chúng ta có đoán biết được điều họ đang trông đợi ở mùa bầu cử này hay không?

Cook: Họ đang tìm kiếm một tính cách vượt trội hoặc sự thoải mái. Giống như là anh đang cố quyết định xem ai là người anh muốn mời vào phòng khách và sẽ xuất hiện trên chương trình ti-vi mà anh muốn xem trong 4 năm tới. Các cử tri hiểu rằng họ thậm chí không nhận thức được nhiều vấn đề mà tổng thống phải đối mặt. Họ sẽ chọn người mà họ thấy thoải mái nhất, người sẽ thay họ quyết định về những vấn đề mà thậm chí họ còn không biết đến sự tồn tại của nó.

Hagstrom: Tôi nghĩ rằng các cử tri sẽ quan tâm đến vấn đề chiến tranh Iraq khi các chiến dịch tranh cử thực sự bắt đầu. Đây có thể là vấn đề nổi trội hoặc một vấn đề nào đó khác sẽ là tiêu điểm trong các chiến dịch tranh cử.

Hỏi: Cuộc đua tranh cử năm 2008 sẽ ảnh hưởng như thế nào tới chính sách đối ngoại của nước Mỹ?

Hagstrom: Tất cả các ứng cử viên đảng Dân chủ đều đã phát biểu rằng họ sẽ thực hiện cải cách trong chính sách ở Iraq, trong khi các ứng cử viên đảng Cộng hòa lại có dự định không giống nhau trong việc có tiếp tục theo đuổi chính sách của Tổng thống Bush hay không, thậm chí họ cũng có những quan điểm khác nhau về các cải cách mà họ muốn thực hiện.

Cook: Tôi nghĩ tổng thống Hoa Kỳ là người đại diện cho nước Mỹ trước phần còn lại của thế giới. Đây là cơ hội để thực hiện một sự khởi đầu mới.

Hỏi: Ông có thể dự báo được mức độ quan tâm của dân chúng đối với cuộc tuyển cử hay không? Mối quan tâm này có xu hướng tăng lên hay không?

Cook: Hiện nay, chúng ta có thể thấy mối quan tâm của dân chúng Mỹ đối với các chiến dịch tranh cử đang tăng lên rõ rệt so với 6 hoặc 8 năm trước đây; hiện tượng này có hai nguyên nhân. Chúng ta vẫn thường nghe mọi người nói "Tôi không quan tâm đến việc ai sẽ thắng cử". Bây giờ, bạn không còn nghe thấy câu nói này nữa vì tôi nghĩ rằng dân chúng đã có hiểu biết về nạn khủng bố, về chiến tranh, nghèo đói hoặc trận bão Katrina, dân chúng tin rằng việc ai là Tổng thống Mỹ có can dự rất nhiều tới cuộc sống của họ.

> [A candidate] does not have to have a long history within the party in order to get a nomination.

Một vài so sánh khác đã được thực hiện về mức độ quan tâm của dân chúng Mỹ đối với tuyển cử. Tuy nhiên, các so sánh đó tỏ ra không công bằng. Bạn nhìn vào nước Mỹ và bạn nghĩ rằng các cuộc bầu cử cấp thành phố, cấp tỉnh, cấp bang, cấp liên bang, các cuộc bầu cử phổ thông, các cuộc tổng tuyển cử, và trong các trường hợp không phân thắng bại thì còn có các cuộc tuyển cử đặc biệt được tổ chức. Người Mỹ chỉ đơn giản là phải bỏ phiếu thường xuyên hơn so với người dân tại các quốc gia khác. Tôi nghĩ rằng có hơn 600.000 vị trí cần được bầu thông qua bỏ phiếu tại Mỹ. Đây thực sự là một sự so sánh không công bằng vì người Mỹ phải bỏ phiếu nhiều hơn bất kỳ người dân nào khác trên thế giới. Vấn đề chỉ là họ phân tán sự chú ý của mình cho nhiều cuộc bầu cử khác nhau mà thôi.

Hagstrom: Dân chúng phải thừa nhận rằng việc ai là người thắng cử rất có ý nghĩa đối với họ và vì vậy, cử tri thường có động cơ tương đối lớn để giành sự chú ý của mình cho các cuộc tuyển cử, nhưng điều này cũng có thể phụ thuộc vào việc ai là ứng cử viên và họ do đảng chính trị nào bổ nhiệm.

Hỏi: Chúng ta thấy rằng công nghệ đang đóng vai trò quan trọng trong việc các ứng cử viên sẽ tranh luận như thế nào, đặc biệt là trên trang Web. Ông có nghĩ rằng công nghệ sẽ ảnh hưởng tới cách thức tranh cử của các ứng viên hay không?

Cook: Tôi nghĩ nếu bạn quan sát ngân sách dành cho tranh cử thì bạn sẽ thấy một phần lớn hơn, nhưng vẫn còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ, trong ngân sách tranh cử của ứng cử viên được dành cho công nghệ mới.

Hagstrom: Internet là một công cụ rất tốt để tổ chức những người ủng hộ, rất tốt để làm tăng số tiền dành cho tranh cử nhưng không tốt để thuyết phục. Trường hợp ngoại lệ là sự phát triển của YouTube, một công cụ nghe nhìn trên Internet.

Hiện nay, tất cả các chiến dịch tranh cử đều có một vài người trẻ tuổi được trang bị camera luôn kè kè bên ứng cử viên của đảng đối lập. Quay trở lại vấn đề về phẩm chất của các ứng viên. Người dân Mỹ muốn nhìn thấy ai là người có những giây phút không cẩn trọng và nhiều thời khắc thiếu cẩn trọng này sẽ bộc lộ khi ứng cử viên nói chuyện trong một khán phòng thân mật. Vì vậy, việc quay phim tất cả các ứng viên, tại mọi thời điểm rồi đưa bất kỳ một sơ xuất nào của họ lên YouTube là một công cụ rất hữu ích. Tôi không nghĩ cử tri sẽ chỉ nhìn vào mặt này hoặc mặt khác của ứng cử viên, nhưng việc nhìn rõ các sơ xuất của họ đã trở thành một phần quan trọng trong các chiến dịch tranh cử.

Charlie Cook (phải) và Jerry Hagstrom tại Bộ Ngoại giao Mỹ ở Washington, D.C., tháng 6, 2007.

Hỏi: Trong các cuộc tuyển cử ở Hoa Kỳ, kết quả của cuộc chạy đua giành chiếc ghế tổng thống thường phụ thuộc vào kết quả bầu phiếu ở các bang lớn và chúng ta thường thấy rằng chỉ có một số ít bang được chú ý vì họ có thể bỏ phiếu cho cả đảng Dân chủ hoặc đảng Cộng hòa. Điều này có tiếp tục xảy ra ở lần bầu cử này hay không, có bang nào mới không?

Cook: Các bang lớn vẫn đóng vai trò quan trọng. Nếu bạn nhìn vào cuộc đua George W. Bush-Al Gore năm 2000 và cuộc đua George W. Bush-John Kerry năm 2004, bạn có thể thấy rằng chỉ có ba bang

trong toàn thể liên bang có sự tráo đổi giữa cuộc đua này với cuộc đua khác. Gore đã thắng ở cả hai bang New Mexico và Iowa nhưng lại thua ở New Hampshire, và Kerry đã thắng ở New Hampshire nhưng đã thua ở New Mexico và Iowa. Tôi nghĩ rằng cuộc bầu cử lần này cũng có diễn biến tương tự nhưng chúng ta thấy rằng Đảng Dân chủ đang chuyển hướng tranh cử về một số bang miền tây nam. Chúng ta sẽ thấy New Hampshire - một bang thủ cựu và là bang tín hữu của đảng Cộng hòa - trở nên ít thủ cựu hơn và thân Đảng Dân chủ hơn. Nhưng chúng ta cũng thấy hiện tượng tương tự diễn ra ở một vài bang khác: trở nên ít thân Đảng Dân chủ và gần Đảng Cộng hòa hơn. Ví dụ như bang Louisiana. Bang Tây Virgina là nơi chúng ta có thể quan sát thấy tỷ lệ phiếu ủng hộ đã thay đổi và gây khó khăn cho Đảng Dân chủ, trong khi từ trước tới nay, bang này vẫn là một địa hạt an toàn đối với Đảng Dân chủ.

Các ứng cử viên sáng giá (từ trái qua) Tom Tancredo, Ron Paul, Mike Huckabee, Rudy Giuliani, Mitt Romney, John McCain, Sam Brownback, và Duncan Hunter tới trường đại học ở New Hampshire tại Durham cho cuộc tranh luận của đảng cộng hoà, tháng 9, 2007.

Hagstrom: Điều mà tôi dự báo trong cuộc tổng tuyển cử lần này là có nhiều cuộc tranh đấu cho cử tri nông thôn. Người dân Mỹ sống ở các vùng nông thôn thường vẫn được coi là lãnh địa của Đảng Cộng hòa nhưng không phải luôn là ứng cử viên Đảng Cộng hòa mà ứng viên Đảng Dân chủ đã có số phiếu bầu tương đối lớn trong cuộc bầu cử quốc hội năm 2006.

Hỏi: Các bang đã dành rất nhiều thời gian và tiền bạc từ năm 2000 để tìm cách tiến hành tuyển cử. Ông có nghĩ rằng điều này sẽ tác động tới sự chú ý của cử tri hay không?

Cook: Sự chú ý của cử tri đã tăng lên so với năm 2000. Trong hai cuộc tuyển cử giữa nhiệm kỳ gần đây, mức độ chú ý của cử tri đã tiếp tục tăng lên dù không phải bang nào cũng chi nhiều tiền cho việc thu hút sự quan tâm của cử tri và chúng ta có một hệ thống bầu cử có nhiều nhược điểm. Tuy nhiên, hệ

thống này không gian lận như nhiều người vẫn nghĩ.

© AP Images/Shane Macomber

At a Republican election party in Vail, Colorado, a joyful reaction to an Electoral College update during the vote counting in November 2004.

Nếu người dân Mỹ tiêu nhiều tiền hơn cho các chiến dịch bầu cử và các công việc hành chính của tiến trình tuyển cử, thì họ đã có một hệ thống tốt hơn rất nhiều; nhưng người Mỹ lại muốn dành nhiều tiền hơn cho giáo dục và y tế, cho trách nhiệm của chúng ta trên khắp thế giới dưới hình thức viện trợ nước ngoài. Trong hàng loạt vấn đề lớn như vậy thì việc có một khoản tiền lớn dành cho các cuộc tuyển cử chưa bao giờ thực sự là một ưu tiên lớn của dân chúng trong việc phân bổ sử dụng tiền của họ.

Hagstrom: Một trong các lý do khiến bạn thấy có nhiều câu chuyện xoay xung quanh sự khác biệt về số tiền được sử dụng để tiến hành tuyển cử là do các cuộc tuyển cử của chúng ta được thực hiện bởi chính quyền bang. Chính quyền liên bang chỉ tham gia khi có vấn đề nghiêm trọng. Vì vậy, bạn thấy có sự khác biệt lớn giữa bang này với bang khác, giữa tỉnh này với tỉnh khác.

Một nhân tố khác là chúng ta đã từng có luật không cho phép người Mỹ gốc Phi tại các bang miền Nam có quyền bỏ phiếu. Và không ai muốn quay trở lại hệ thống mà trong đó chúng ta đã ngăn cấm quyền bỏ phiếu của người khác. Bạn hẳn sẽ kháng cự mạnh mẽ nếu bị ai đó cấm không cho bỏ phiếu. Đây chính là vấn đề vô cùng quan trọng tại một quốc gia có thành phần dân cư phong phú như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Các chức vụ được bầu cử

Đây là điều mà người dân Mỹ hay nói: “Ông ta không được chọn làm dogcatcher" - có nghĩa là ứng cử viên này không thể được bầu cử. Đây chỉ đơn giản là một cách nói ẩn dụ vì ở Mỹ, tổng trấn là một trong số ít các chức vụ tại địa phương được chỉ định không cần thông qua bầu cử. Thực vậy, các quan chức đắc cử ở địa phương có quyền thuê tổng trấn và cử tri có nghĩa vụ kiểm tra phẩm chất của vị tổng trấn tiềm năng. Nhưng có nhiều cơ hội để cử tri cân nhắc các vị trí bầu cử theo sự mến mộ của họ.

Trong khi Hoa Kỳ chỉ có một chính phủ liên bang duy nhất, thì trên toàn lãnh thổ lại có 50 chính quyền các bang, hơn 300.000 vị trí bầu cử ở các chính quyền địa phương (hạt, thành phố, thị trấn) và gần 200.000 khu vực bầu cử đặc biệt, ví dụ như địa phận trường học và địa hạt cấp nước. Vì vậy, cử tri Mỹ thường phải bỏ phiếu cho không chỉ vị trí tổng thống và đại biểu quốc hội mà còn phải bỏ phiếu cho hàng ngàn vị trí quan chức chính quyền bang và địa phương, bao gồm cả các đại biểu lập pháp của bang, thống đốc bang, phó thống đốc bang, kiểm toán bang, đại biểu chính quyền trung ương ở địa phương, thị trưởng các thành phố và thị trấn, ủy viên hội đồng thành phố, thẩm phán, cảnh sát, quan tòa, quận trưởng cảnh sát, chánh án, các thành viên của hội đồng nhà trường, hội đồng trường trung học, hội đồng phụ trách các công trình công ích và các vị trí được công chúng tín nhiệm khác.

Một số các vị trí đặc biệt được bầu cử nhất là điều tra viên, thành viên ban quản lý hệ thống thủy lợi, thành viên ủy ban nghĩa trang thành phố, người trông nom cây cối và người làm nhiệm vụ theo dõi việc di dời cây cối gây nguy hiểm tới tài sản của thành phố.

Các ý kiến bày tỏ trong cuộc phỏng vấn này không phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

CUỘC BẦU CỬ NĂM 2008 Ở HOA KỲ ĐƯỢC TÀI TRỢ NHƯ THẾ NÀO

Jan Witold Baran

Cuộc chạy đua vào các vị trí bầu cử liên bang Hoa Kỳ đòi hỏi các ứng cử viên phải chi một số tiền khổng lồ để tổ chức các chiến dịch tranh cử. Số tiền mà mỗi ứng cử viên bỏ ra và chi tiêu cho các chiến dịch tranh cử này được Chính phủ Mỹ quy định. Chuyên gia về luật bầu cử Jan Witold Baran giải thích về các quy định pháp luật liên quan đến khoản tiền đóng góp của cá nhân và tổ chức cho các chiến dịch tranh cử. Ông cũng mô tả cách thức xác định số tiền cần chi tiêu cho các chiến dịch đó và giới thiệu về các nguồn vốn tư nhân và nhà nước dùng cho cuộc bầu cử tổng thống.

© AP Images/Kiichiro Sato

Chiến dịch tranh cử ở Mount Gilead, Ohio, ứng cử viên tranh cử vào Thượng viện Sharrod Brown trò chuyện với cử tri tại một quán cà phê vào tháng 8/2006. (© AP Images/Kiichiro Sato)

Từ mùa hè năm 2007, hầu như cả 12 ứng cử viên tổng thống đã bắt đầu khởi động các chiến dịch tranh cử của mình để trở thành vị tổng thống tiếp theo của nước Mỹ. Cuộc tổng tuyển cử mãi đến ngày 4/11/2008 mới diễn ra, song các ứng cử viên này đã sẵn sàng bắt đầu chiến dịch tranh cử để có được sự đề cử của đảng chính trị tương ứng - Đảng Cộng hòa hoặc Đảng Dân chủ. Các đảng này chính thức lựa chọn ứng cử viên cho chức tổng thống vào kỳ đại hội đảng mùa hè năm 2008, nhưng các ứng viên phải bắt đầu tham gia tranh cử trong cuộc bầu phiếu phổ thông sẽ bắt đầu vào tháng 1/2008. Quá trình tranh cử lâu dài và khốc liệt này đòi hỏi các ứng viên phải có kỹ năng, sự kiên định và không mệt mỏi. Nó cũng đòi hỏi họ phải bỏ ra rất nhiều tiền.

Vị trí tổng thống, thượng nghị sĩ và đại biểu hạ viện là những vị trí được bầu thông qua cuộc tổng tuyển cử liên bang; qua đó, người dân Mỹ sẽ chọn ra các thành viên của Nhà Trắng, Thượng viện và Hạ viện Hoa Kỳ ở Washington, D.C. Chiến dịch tranh cử cho các vị trí này được luật liên bang quy định, trong đó chỉ rõ cách thức tìm kiếm nguồn vốn cho các chiến dịch tranh cử, tìm kiếm nguồn vốn này từ ai và bao nhiêu. Các bộ luật tài chính chiến dịch tranh cử liên bang tồn tại hoàn toàn độc lập với các bộ luật của bang là những quy định điều tiết các cuộc tuyển cử cho những vị trí công tác cấp địa phương hoặc cấp bang, ví dụ như thống đốc, thị trưởng và thành viên của cơ quan lập pháp bang. Vì vậy, một ứng

viên cho vị trí cấp liên bang phải tuân thủ luật liên bang - thường là những bộ luật phức tạp và khắt khe hơn. Các ứng cử viên chức tổng thống phải chi hàng trăm triệu đô-la cho chiến dịch tranh cử trực tiếp tại một quốc gia có hơn 100 triệu cử tri nhưng con đường để họ tìm kiếm được và chi tiêu nguồn vốn này lại bị quản lý rất chặt chẽ.

Tổ chức chiến dịch tranh cử

Một ứng viên chức tổng thống phải thành lập một tổ chức có nhiệm vụ tiến hành chiến dịch tranh cử, gọi là ủy ban chính trị. ủy ban chính trị này phải có một thủ quỹ và phải đăng ký với Ủy ban Bầu cử Liên bang (FEC). Mặc dù có tên là ủy ban bầu cử liên bang song ủy ban này chỉ giám sát và cưỡng chế thi hành các luật tài chính của chiến dịch tranh cử chứ không có vai trò tiến hành bầu cử. Tại Hoa Kỳ, tiến trình đăng ký cử tri, bỏ phiếu và đếm số phiếu là trách nhiệm của các cơ quan bầu cử bang và địa phương.

Sam Aiona, thủ lĩnh đảng Cộng hòa bang Hawaii, thuyết phục ủy ban bầu cử liên bang theo đuổi các vấn đề về giám sát và tài chính của các chiến dịch tranh cử. (© AP Images/Lucy Pemoni)

Có nhiều loại ủy ban chính trị được đăng ký với FEC. Ngoài các ứng cử viên, các đảng chính trị cũng phải đăng ký ủy ban của mình với cơ quan này. Ngoài ra, bất kỳ nhóm công dân xã hội tư nhân nào cũng có thể thành lập một ủy ban chính trị, bao gồm các cá nhân từ các liên đoàn lao động, các tổ chức đoàn thể, hoặc các hiệp hội thương mại. Các ủy ban chính trị này thường có các ủy ban hành động chính trị (gọi tắt là PAC) và cũng được đăng ký với FEC.

Sau khi đã đăng ký, các ủy ban chính trị có thể bắt đầu tìm kiếm nguồn vốn cho chiến dịch tranh cử. Tất cả các nguồn vốn này và các khoản chi cho chiến dịch đều phải được công bố công khai trong các báo cáo được gửi tới FEC mỗi tháng hoặc mỗi quý một lần. Dân chúng cũng có thể truy cập các báo cáo này trên trang web của FEC [http://www.fec.gov]. Nhiều tổ chức tư nhân cũng có trang web để giám sát số tiền đóng góp và chi tiêu của các ứng cử viên, của các đảng chính trị và của các PAC.

Những nguồn đóng góp hợp pháp

Tất cả tiền tài trợ cho ứng cử viên liên bang hoặc cho các ủy ban chính trị đều phải từ các cá nhân hoặc các ủy ban đã đăng ký với FEC. Các đóng góp trực tiếp từ các tổ chức đoàn thể hoặc các liên đoàn lao động đều bị ngăn cấm, mặc dù các đơn vị này có thể tài trợ cho các ủy ban hành động chính trị (PAC) trong việc tìm kiếm nguồn tài trợ từ các cá nhân. Đóng góp bằng tiền mặt lớn hơn 100 đô-la cho các PAC được coi là bất hợp pháp, cũng như vậy đối với các khoản đóng góp của cá nhân đang ở nước ngoài, ví dụ như từ những người không được coi là công dân Mỹ do không được công nhận là đang thường trú trên lãnh thổ Mỹ. Tuy nhiên, các công dân nước ngoài được công nhận là đang thường trú tại Mỹ lại có thể đóng góp mặc dù họ không có quyền bỏ phiếu trong cuộc bầu cử.

Hạn mức đóng góp

Số tiền mà một cá nhân hoặc ủy ban chính trị có thể đóng góp được ràng buộc bởi các hạn mức khác nhau. Ví dụ như, một cá nhân không được đóng góp nhiều hơn 2.300 đô-la cho bất kỳ chiến dịch tranh cử nào của ứng viên. Hạn chế này được tính theo "cuộc bầu cử". Như vậy, một cá nhân có thể đóng góp nhiều nhất là 2.300 đô-la cho chiến dịch tranh cử phổ thông và nhiều nhất 2.300 đô-la nữa cho chiến dịch tranh cử tổng tuyển cử của ứng viên đó. Vợ chồng được coi là các cá nhân riêng rẽ, vì vậy, đối với một cặp vợ chồng thì giới hạn này tăng gấp đôi, có nghĩa là tối đa 4.600 đô-la cho một cuộc bầu cử.

Mike Gordon, ứng viên vào Hạ viện của khu vực bầu cử số 53, bang California, tranh luận về chiến lược với các tình nguyện viên trong chiến dịch tranh cử.(© AP Images/Damian Dovarganes)

Ngoài hạn chế về số lượng tiền có thể được đóng góp cho các ứng viên (và các loại hình ủy ban khác), các cá nhân cũng là đối tượng phải tuân thủ quy định về giới hạn tổng thể. Một cá nhân không được đóng góp nhiều hơn 108.200 đô-la cho tất cả các ứng viên liên bang và các ủy ban chính trị trong hai năm diễn ra vòng bầu cử. (Hạn chế này được điều chỉnh hai năm một lần sao cho phù hợp với tỷ lệ lạm phát).

Các PAC là đối tượng điều chỉnh của quy định đóng góp tối đa 5.000 đô-la cho chiến dịch tranh cử của ứng viên trong mỗi cuộc bầu cử. Tổng số tiền do các đảng chính trị tài trợ cũng bị hạn chế song ở mức rộng rãi hơn so với số tiền tài trợ của PAC cho một ứng viên.

Như vậy, một ứng viên chức tổng thống mong muốn có 23 triệu đô-la cho chiến dịch tranh cử của mình - một số tiền tương đối nhỏ cho chiến dịch tranh cử tổng thống - và phải làm thế nào để thu hút được những nhà tài trợ cá nhân - những người này có thể tài trợ không quá 2.300 đô-la, và các PAC - không quá 5.000 đô-la. Để có được 23 triệu đô-la cho chiến dịch tranh cử, ứng viên này ít nhất phải có 1000 người tài trợ. Thông thường, trên thực tế, ứng viên phải nỗ lực tìm kiếm hàng nghìn nhà tài trợ, vì phần lớn trong số họ đều không đóng góp ở mức tối đa mà pháp luật cho phép.

Chi tiêu cho chiến dịch tranh cử

Để tiến hành các chiến dịch tranh cử, ứng viên phải thuê đội ngũ, tìm địa điểm để đặt văn phòng, đi lại, tiến hành nghiên cứu, phát hành tài liệu chiến dịch tranh cử, quảng cáo trên đài phát thanh và truyền hình, trên các xuất bản phẩm, trên Internet, tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc với cử tri và các sự kiện huy động tài trợ. Ứng cử viên Hạ viện cũng tiến hành các hoạt động tương tự tại các địa hạt nghị viện cụ thể, trong khi đó, ứng viên thượng viện cũng tổ chức tiếp xúc với cử tri ở khu vực bầu cử - là toàn thể bang của họ.

Các ứng viên cho chức tổng thống có một nhiệm vụ nặng nề là tổ chức các chiến dịch tranh cử tại từng bang, và sau đó, nếu được bổ nhiệm, phải tổ chức chiến dịch tranh cử trên toàn quốc. Kế hoạch ban đầu của chiến dịch tranh cử tổng thống - để giành được sự bổ nhiệm của đảng - sẽ tập trung vào các bang đầu tiên. Như vậy, các ứng viên sẽ tổ chức chiến dịch tranh cử ở các bang Iowa, New Hampshire, Nam Carolina, Nevada và Florida, tất cả các bang này đều tổ chức họp kín hoặc bầu cử phổ thông vào tháng 1/2008. Trong quá khứ, các bang khác đã tổ chức bầu phiếu phổ thông trong vòng bầu cử tháng 6. Tuy nhiên, trong năm 2008, đa số các bang bao gồm cả các bang lớn như California, New York và Texas đều tổ chức bầu cử phổ thông vào ngày 5 tháng 2. Điều này đã rút ngắn đáng kể lịch trình bầu cử và đặt ra rất nhiều đòi hỏi đối với các chiến dịch tranh cử tổng thống, đặc biệt trong hoạt động tìm kiếm nguồn tài trợ ước tính ít nhất là 100 triệu đô-la - nhằm tài trợ cho các hoạt động trong cuộc bầu phiếu phổ thông này. Huy động bao nhiêu vốn tài trợ và chi tiêu nó như thế nào là vấn đề mà công chúng rất quan tâm, mặc dù các ủy ban tổ chức chiến dịch đã phải báo cáo công khai chi tiêu tài chính cho FEC. Các báo cáo này, đặc biệt là trong năm 2007 và vào tháng 1/2008 được coi là "số tiền ban đầu" vì chúng là phong vũ biểu đo lường tổng số tiền tài trợ mà một ứng cử viên có thể huy động được trước khi bắt đầu vòng bỏ phiếu cuối cùng.

Kinh phí nhà nước dành cho các chiến dịch tranh cử

Từ năm 1976, các ứng viên cho chức tổng thống được cho phép tham gia vào hệ thống tài trợ bằng kinh phí nhà nước, trong đó Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ cho các chiến dịch tranh cử có chất lượng. Trước cuộc bầu cử năm 2000, tất cả các ứng viên được bổ nhiệm tranh cử vào chiếc ghế tổng thống đều phải tham gia vào hệ thống này, thông qua chấp nhận nguồn tài trợ của chính phủ nhưng để đổi lại, họ phải hứa rằng sẽ không chi tiêu vượt quá một mức cụ thể nào đó. Tuy nhiên, hệ thống này ngày càng trở nên không hấp dẫn đối với các ứng viên vì mức hạn chế chi tiêu thường quá thấp và ít hơn số tiền mà phần lớn các ứng viên đều có thể dễ dàng huy động được từ các nguồn vốn tư nhân. Kết quả là, vào năm 2000 - là năm Thống đốc George W. Bush trở thành ứng viên lớn đầu tiên từ bỏ các nguồn vốn tài trợ của nhà nước ngay từ vòng tranh cử đầu tiên. Bốn năm sau, Tổng thống Bush, một đảng viên Cộng hòa và hai ứng cử viên Dân chủ là Thượng nghị sĩ John Kerry và Thống đốc Howard Dean đã lựa chọn không sử dụng vốn nhà nước cho các vòng bầu cử đầu tiên. Năm 2008, dự báo là lần đầu tiên trong lịch sử, tất cả các ứng viên lớn của cả đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ, trừ ứng viên đảng Dân chủ John Edwards, sẽ không sử dụng vốn nhà nước ngay từ vòng tranh cử này. Có vẻ như các ứng viên được bổ nhiệm tranh cử tổng thống của cả hai đảng cũng đều sẽ dựa vào nguồn vốn tư nhân trong các chiến dịch tranh cử cho vòng tổng tuyển cử.

Các chiến dịch tranh cử tiêu tốn mất bao nhiêu tiền?

Khó có thể dự báo trước được tổng số tiền mà các chiến dịch tranh cử sẽ tiêu tốn trong năm 2008, nhưng cũng có thể có một nhận định tương đối chắc chắn: cuộc bầu cử năm 2008 sẽ tiêu tốn nhiều tiền hơn bất kỳ cuộc bầu cử nào trước đó. Vào năm 2004, Tổng thống Bush đã huy động được 270 triệu đô-la cho vòng đua đầu tiên và nhận được 75 triệu đô-la từ nguồn vốn nhà nước cho cuộc đua cuối cùng. Thượng nghị sĩ Kerry, ứng viên đối lập, đã huy động được 235 triệu đô-la cho vòng đua đầu tiên và cũng nhận 75 triệu đô-la cho cuộc chạy đua tổng tuyển cử. Vào năm 2008, số ứng viên và hạn mức tài trợ tối đa cho một cá nhân đã tăng lên (từ 2.000 đô-la năm 2004 lên 2.300 đô-la cho năm 2008). Số lượng người dân Mỹ đóng góp cho các chiến dịch tranh cử cũng đã tăng lên đáng kể do việc đóng góp này đã trở nên dễ dàng và tiện ích hơn thông qua trang web và Internet.

Ngoài các khoản chi tiêu của ứng viên, các đảng chính trị, các ủy ban hành động chính trị và các nhóm lợi ích khác cũng có các khoản chi của mình. Vào năm 2004, Trung tâm Hỗ trợ Chính trị đã ước tính khoảng 3,9 tỷ đô-la đã được chi ra bởi các ứng cử viên liên bang, các đảng chính trị và các thể chế khác cho các chiến dịch tranh cử trong năm này. Con số này đã cao hơn số tiền chi cho các chiến dịch tranh cử trong năm 2000. Tỷ lệ này còn tiếp tục tăng lên vào đợt tổng tuyển cử năm 2008.

Các nhận định bày tỏ trong cuộc phỏng vấn này không phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

LIỆU CỬ TRI ĐOÀN CÓ CÒN TỎ RA HỮU DỤNG HAY KHÔNG?

Đoàn đại biểu Cử tri đoàn của bang Ohio đang chứng thực các lá phiếu của họ trong lễ bỏ phiếu tại tòa nhà quốc hội bang ở Columbus, tháng 12 năm 2004. (© AP Images/Will Shilling)

Hai học giả tranh luận về các ý kiến tán thành và phản đối Cử tri đoàn - một hệ thống qua đó, mỗi bang bổ nhiệm những người đi dự đại biểu đại hội cử tri để bầu ra Tổng thống Mỹ sau khi cuộc bầu phiếu phổ thông đã kết thúc. Ross K. Baker nêu ra trường hợp duy trì hình thức Cử tri đoàn như Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787 đã quy định. Baker là giáo sư khoa học chính trị ở Đại học Rutgers, New Brunswick, New Jersey. Jamie Raskin thì không ủng hộ việc áp dụng hệ thống Cử tri đoàn vì hệ thống này không bảo đảm các kết quả bầu cử phản ánh được lá phiếu của dân chúng trên toàn quốc. Raskin là Thượng nghị sĩ bang Maryland và là Giáo sư về luật hiến pháp tại Đại học American Washington, D.C. Ông đã đề nghị áp dụng điều luật cho phép Maryland trở thành bang đầu tiên trên lãnh thổ Hoa Kỳ tham gia vào Hiệp ước Tiểu bang bầu phiếu phổ thông quốc gia.

NHỮNG Ý KIẾN TÁN THÀNH

Cử tri đoàn: Vẫn còn hữu dụng trong thế kỷ XXI
Ross K. Baker

Vào một buổi tối ngày 7/11/2000, thượng nghị sĩ mới đắc cử của Đảng Dân chủ từ bang New York, Hillary Rodham Clinton, đã phát biểu trước đám đông cuồng nhiệt những người ủng hộ bà tại Manhattan và tuyên thệ rằng bà sẽ tới Washington và làm việc hết mình nhằm xóa bỏ hình thức Cử tri đoàn "cổ xưa và phi dân chủ" - một hình thức đã thất bại trong việc chọn ra được người thắng cuộc rõ ràng trong cuộc bầu cử tổng thống.

Không một ai nghĩ tới việc chỉ ra cho bà thấy rằng thể chế thông qua đó bà vừa mới đắc cử - Thượng viện Hoa Kỳ - chính là một thể chế vừa cổ xưa (được thành lập từ năm 1789) vừa phi dân chủ (mỗi bang, bất kể dân số của bang đó là bao nhiêu, được đại diện bởi hai thượng nghị sĩ). Nếu chúng ta áp dụng cho Hiến pháp Hoa Kỳ tiêu chuẩn để tất cả các điều khoản trong đó phải hiện đại và dân chủ thì hẳn là trên thực tế, Hiến pháp này đã không thể tồn tại lâu dài và thành công đến như vậy trong các chương trình của chính phủ.

Hiến pháp Hoa Kỳ chứa nhiều nội dung mà một vài lời chỉ trích cho rằng đã lỗi thời, bao gồm cả hệ thống liên bang, trong đó, chính quyền trung ương chia sẻ quyền lực với 50 bang. Có thể sẽ hiệu quả hơn nếu nước Mỹ chỉ vận hành nhờ bộ máy trung ương ở Washington, D.C., nhưng những người đã soạn thảo Hiến pháp thì lại không nghĩ rằng tính hiệu suất này là một ưu tiên. Họ nhấn mạnh giá trị của tự do và cảm thấy an toàn hơn nếu phân tách quyền lực chính trị. Một đặc tính của chế độ phân quyền này là việc chính quyền quốc gia hay chính quyền liên bang chia sẻ quyền lực với các bang.

Một nội dung quan trọng khác của chế độ liên bang Hoa Kỳ là sự tham gia của cả 50 bang, với cương vị là các bang riêng rẽ, vào việc lựa chọn tổng thống. Hệ thống này - Cử tri đoàn - mang lại cho mỗi bang một số phiếu đại cử tri tương ứng với số thành viên của bang này trong Thượng viện và Hạ viện Hoa Kỳ (số đại biểu của các bang tại hai viện này lại tương ứng với số dân của từng bang). Ứng viên tổng thống nào chiếm được đa số phiếu tại một số bang có số phiếu đại cử tri chiếm đa số trong tất cả các phiếu đại cử tri (hiện nay là 270 trên 538) sẽ trở thành tổng thống.

Các quan điểm chỉ trích hệ thống này biện hộ cho tính đơn giản của hình thức bầu cử trực tiếp. Bạn chỉ cần tính số phiếu bầu trên toàn quốc, không cần biết tổng số phiếu bầu của mỗi bang và tuyên bố người đắc cử. Nếu Hoa Kỳ áp dụng hệ thống này, các ứng viên sẽ chỉ có động cơ tổ chức chiến dịch tranh cử tại các bang đông dân nhất và tìm cách có được số phiếu lớn nhất từ các bang này mà không cần quan tâm đến các bang có quy mô dân số nhỏ hơn.

Ở Arizona, các thùng phiếu đại cử tri đang được các quan chức bang niêm phong tại tòa nhà quốc hội bang ở Phoenix. (© AP Images/Paul Connors)

Cử tri đoàn buộc các ứng viên phải tìm sự ủng hộ không chỉ tại các bang đông dân và tổ chức chiến dịch tranh cử tại những nơi mà có thể sẽ bị bỏ qua trong hình thức bầu cử trực tiếp. Ít nhất là trên lý thuyết, các ứng viên có thể chỉ tổ chức chiến dịch tranh cử tại 12 bang đông dân nhất và sẽ đắc cử tổng thống. Điều đó có nghĩa là các ứng viên có thể có mọi lý do để không lưu tâm tới 38 bang còn lại. Ngược lại, trong hệ thống Cử tri đoàn, gần như chắc chắn là không một ứng viên nào có thể chiến thắng nếu chỉ tổ chức chiến dịch tranh cử tại 12 bang đông dân nhất. Một ứng viên tổng thống thuộc đảng Dân chủ có thể sẽ thắng cử ở New York, California và Massachusetts. Và một ứng viên tổng thống thuộc đảng Cộng hòa có thể sẽ thắng cử ở các bang Texas, Bắc Carolina và Georgia. Để có ít nhất 270 phiếu đại cử tri trước khi tới Nhà Trắng, mỗi ứng viên không chỉ phải dẫn đầu tại các bang lớn - ví dụ như Ohio và Florida - mà còn phải chiếm ưu thế tại các bang có số dân ít hơn. Vì tất cả các bang đều được phép có ít nhất ba phiếu đại cử tri nên các ứng viên không thể không chú trọng đến các bang này.

Cử tri đoàn cũng đảm bảo để không một ứng viên nào được lựa chọn bởi một khu vực riêng rẽ (tránh hiện tượng một số khu vực chỉ bỏ phiếu cho ứng viên của mình) vì không một vùng riêng biệt nào trên lãnh thổ Hoa Kỳ lại có đủ số phiếu đại cử tri cho phép chọn ra vị tổng thống mới. Các quan điểm chỉ trích hệ thống Cử tri đoàn nhấn mạnh vào số lượng cử tri; còn những quan điểm ủng hộ hệ thống này lại chỉ ra sự phân bổ lá phiếu theo khu vực tại các bang và các vùng trên toàn quốc.

Trong lịch sử Hoa Kỳ, hệ thống Cử tri đoàn đã gây khó khăn cho các đảng nhỏ và ứng viên của đảng thứ ba trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng. Một số quan điểm chỉ trích hệ thống này coi đây là điểm tiêu cực của hệ thống chính trị Mỹ nhưng hệ thống hai đảng cũng đã phục vụ nước Mỹ một cách tốt đẹp. Nhờ áp đặt một mức độ hòa hợp vừa phải trong chính trị Mỹ, chế độ hai đảng là nhân tố quyết định sự bình ổn chính trị của đất nước. Nó làm nản lòng các phong trào cực đoan, nhưng đồng thời, nếu một đảng nhỏ hoặc một ứng viên đề xuất ý tưởng gần gũi với cử tri thì một trong hai đảng lớn vẫn có thể sẽ thông qua các ý tưởng ấy. Một ứng viên cực đoan có thể giành nhiều phiếu bầu phổ thông và phiếu đại cử tri tại một số ít bang - là điều đã xảy ra với Strom Thurmond và Đảng Quyền lợi các bang, một đảng có chủ trương phân biệt chủng tộc, của ông ta trong cuộc bầu cử năm 1948 - nhưng không thể thắng trong cuộc bầu cử tổng thống. Vẫn còn nhiều vấn đề để có thể chỉ trích chính trị Mỹ trong hệ thống Cử tri đoàn, song điều quan trọng là hệ thống này đã làm nản lòng những phần tử theo chủ nghĩa cực đoan.

Ngoài ra, mặc dù hệ thống Cử tri đoàn đã làm nản lòng những phần tử theo chủ nghĩa cực đoan chính trị nhưng nó lại trao quyền cho các nhóm sắc tộc và dân tộc thiểu số. Ví dụ như người Mỹ gốc Tây Ban Nha chỉ chiếm khoảng 12% dân số Mỹ và thậm chí còn chiếm tỷ lệ nhỏ hơn trong tổng số cử tri. Trong hệ thống bầu cử trực tiếp, ảnh hưởng của họ sẽ bị giảm đi rất nhiều nhưng số phiếu đại cử tri của họ lại đủ lớn để có thể có những ảnh hưởng đáng kể tại một vài bang. Ở bang Arizona - một bang có ảnh hưởng chính trị quan trọng - tỷ lệ người Mỹ gốc Tây Ban Nha là khoảng 25% - có nghĩa là gấp đôi tỷ lệ trung bình trên toàn quốc - điều này khiến nhóm thiểu số này có ảnh hưởng chính trị lớn hơn trong hệ thống Cử tri đoàn. Tương tự như vậy với các bang như Virginia, người Mỹ gốc Phi chiếm gần 20% dân số và vì vậy ảnh hưởng chính trị của bang này có tính cạnh tranh hơn.

Cuối cùng, có một nghi vấn lớn hơn về tiềm lực của hệ thống liên bang. Những nhà soạn thảo ra Hiến Pháp thấy rằng việc phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền các bang là hình thức bảo vệ quan trọng cho quyền tự do cá nhân. Trong những năm gần đây, qua quan sát ta thấy rằng chính quyền trung ương ngày càng có nhiều quyền lực hơn trong các lĩnh vực theo truyền thống vẫn thuộc trách nhiệm của chính quyền các bang. Giảm bớt ảnh hưởng của các bang, thậm chí thông qua việc xóa bỏ hệ thống Cử tri đoàn, có nghĩa là đã cắt bỏ một trong các trụ cột chính của một hệ thống chính trị đã đứng vững trước những thách thức mà lịch sử Hoa Kỳ đã phải đối mặt trong suốt hơn 220 năm qua.

Các ý kiến bày tỏ trong cuộc phỏng vấn này không phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

NHỮNG Ý KIẾN PHẢN ĐỐI

Hãy sử dụng Cử tri đoàn để mang lại cho nước Mỹ một cuộc bầu cử phổ thông toàn quốc nhằm lựa chọn tổng thống.

Jamie Raskin

Là công dân Mỹ, đặc tính của chúng ta là thúc đẩy dân chủ và có ảnh hưởng sâu rộng tới các cải cách

chính trị trên toàn thế giới.

Trong khi đó, tại chính nước Mỹ, chúng ta lại trở nên trầm lặng hơn. Chúng ta coi các tập quán bầu cử của mình là "dân chủ" mà không cần xem xem chúng có đúng với các nguyên tắc dân chủ của chúng ta hay không, thậm chí chúng còn kém dân chủ hơn rất nhiều so với các tập quán mới được xây dựng tại những quốc gia khác trên thế giới.

Tính tự mãn này thật đáng hổ thẹn vì một số tập quán bầu cử hiện nay của chúng ta đang bắt đầu xa rời nền tảng dân chủ của nước Mỹ.

Ví dụ điển hình nhất là việc chúng ta làm thế nào để chọn ra vị tổng thống Hoa Kỳ. Đây là một tiến trình rối rắm trộn lẫn tất cả các nguyên tắc dân chủ. Chúng ta hãy cùng xem xét các nguyên tắc dân chủ cơ bản này được thể hiện trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ như thế nào:

Nguyên tắc đa số - nhưng lại không có trong các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ. Nguyên tắc đa số là trung tâm của nền dân chủ chính trị, nhưng ở Hoa Kỳ, ứng viên có đa số phiếu bầu của dân chúng lại không phải là người sẽ trở thành tổng thống. Người thắng cuộc là người được đa số phiếu bầu đại cử tri - thông qua hệ thống Cử tri đoàn, một hệ thống trong đó, mỗi bang chỉ định một số "đại cử tri" là những người sẽ đứng ra lựa chọn tổng thống. Trong cuộc bầu cử rầm rộ năm 2000, Phó Tổng thống Al Gore đã đánh bại Thống đốc George W. Bush với hơn 500.000 phiếu trong cuộc tuyển cử phổ thông nhưng vẫn là người thua cuộc trong cuộc bầu cử Cử tri đoàn do vào phút cuối cùng, ông đã thua Bush 537 phiếu ở bang Florida. Những người thua cuộc trong bầu phiếu phổ thông đã đảo ngược tình thế trong ba cuộc bầu cử Cử tri đoàn khác và có nhiều người nằm trên ranh giới mong manh này khi có một chút thay đổi trong số phiếu đại cử tri mà họ giành được trước khi bước chân vào Nhà Trắng.

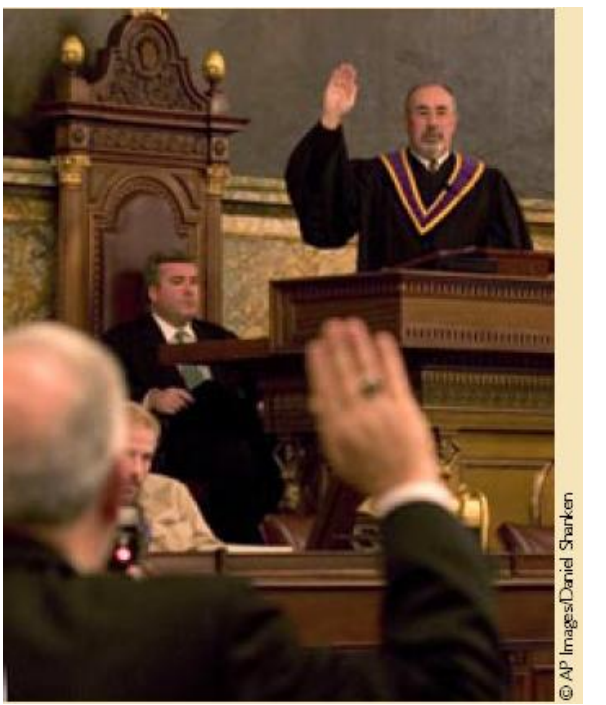

Chánh án Tòa án tối cao bang Pennsylvania - J. Michael Eakin - đang tuyên thệ tại nghi thức Cử tri đoàn tại tòa nhà quốc hội bang ở Harrisburg, tháng 12 năm 2004. (© AP Images/Daniel Shanken)

Dân chúng bỏ phiếu lựa chọn tổng thống của mình - nhưng điều này không đúng trong trường hợp nước Mỹ. Ở đây, dân chúng chỉ bỏ phiếu bầu các đại cử tri và đại cử tri là người bầu ra tổng thống. Tất nhiên là phần lớn dân chúng đều tin rằng họ đang tham gia vào việc bỏ phiếu để chọn ra vị tổng thống mới của mình.

Tất cả các lá phiếu đều có giá trị ngang nhau - nhưng điều này không đúng trong hệ thống Cử tri đoàn,

khi mà lá phiếu của dân chúng ở bang Delaware hoặc Bắc Dakota được coi là có giá trị toán học (đo lường bằng tỷ lệ giữa số lượng cử tri với số đại cử tri của bang) hơn một lá phiếu đơn lẻ tại các bang lớn hơn như California hoặc Texas hay New York. Nhưng nếu bạn đo đếm lá phiếu sao cho các cử tri có khả năng ảnh hưởng tới việc quyết định cuối cùng ai là người được chọn làm đại cử tri của bang thì mức độ độc đoán sẽ thay đổi và sự chênh lệch này còn lớn hơn, thậm chí trở nên quá lộ liễu. Ví dụ như, trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, có sự chênh lệch 365 phiếu ở bang New Mexico nhưng có tới 312.043 phiếu chênh tại bang Utah. Điều này có nghĩa là cử tri ở bang New Mexico có thể ảnh hưởng lớn gấp hàng trăm lần tới việc bổ nhiệm đại cử tri so với cử tri ở Utah.

Tất cả các cử tri đều có động cơ như nhau trong việc bỏ phiếu - nhưng ở Hoa Kỳ thì không như vậy. Phần lớn dân chúng sống tại các bang được coi là "an toàn" đối với đảng Cộng hòa hoặc đảng Dân chủ đều có cơ sở để tin cậy vào các đại cử tri của bang mình trong việc lựa chọn tổng thống. Hai phần ba các bang còn lại đã trở thành nơi để các ứng viên lao vào tìm mọi cách để thu hẹp biên độ "dao động". Trong hai cuộc bầu cử gần đây, hai đảng đã tiêu 99% nguồn lực dành cho các chiến dịch tranh cử chỉ trong 16 bang và trong đó, đáng kinh ngạc là họ đã tiêu tới 70% ngân sách chỉ trong 5 bang. Phần lớn chúng ta - bao gồm cả người dân ở Texas, New York và California - 3 trong số 4 bang lớn nhất nước Mỹ - đều chỉ là khán giả cho các chiến dịch tranh cử thực sự diễn ra ở các bang Florida, Ohio hoặc ở một số nơi khác. Chuyến "lưu diễn" trên hầu như khắp đất nước đã làm giảm sự chú ý của dân chúng tại các bang bị bỏ quên. Mức độ chú ý của cử tri trong các cuộc tuyển cử phổ thông chiếm 70% tại các bang có chiến dịch tranh cử song lại thấp hơn 50% ở các bang quan sát từ xa. Điều này đã kéo tỷ lệ quan tâm của dân chúng tới cuộc bầu cử nói chung trên khắp quốc gia xuống thấp hơn cả mức thấp nhất trên thế giới.

Chúng ta có thể làm gì để thay đổi cách bầu cử tổng thống của nước Mỹ? Các cuộc điều tra công luận lâu nay đã chỉ ra rằng hơn 65% dân chúng Mỹ ủng hộ hình thức bầu cử phổ thông trực tiếp để lựa chọn tổng thống, trong đó, tất cả các phiếu bầu của chúng ta đều có giá trị ngang nhau giữa các vùng địa lý. Dân chúng muốn tổng thống phải là người đại diện cho tất cả người dân Mỹ chứ không chỉ là đại diện cho một nhóm các bang có sự vận động hành lang đối với các đại cử tri. Câu hỏi khó trả lời là làm sao có thể điều hòa được mong muốn bản năng về một cuộc bầu cử phổ thông toàn quốc với một cơ chế cổ xưa của hệ thống Cử tri đoàn, một thể chế mà Thomas Jefferson đã gọi là "nhược điểm nguy hại nhất trong Hiến pháp của chúng ta".

Hiện nay bang Maryland đã thực hiện một bước đi lịch sử để chỉ ra cho chúng ta thấy chúng ta có thể sử dụng Cử tri đoàn để giúp ứng viên chiến thắng trong bầu phiếu phổ thông giành được chiếc ghế tổng thống như thế nào. Vào ngày 10/4/2007, Thống đốc Martin O'Malley đã đưa vào luật một kế hoạch để bang này tham gia hiệp ước tiểu bang, trong đó, tất cả các bang thành viên thống nhất bỏ phiếu đại cử tri cho ứng viên thắng cuộc trong cuộc bầu phiếu phổ thông toàn quốc. Hiệp định này sẽ có ảnh hưởng rất lớn khi nó được một số bang đại diện cho đa số phiếu đại cử tri (270) ban hành. Kế hoạch này, đã được Hạ viện và Thượng viện bang Maryland thông qua với số phiếu áp đảo, được thông qua tại cơ quan lập pháp của khoảng 12 bang khác và tại cả hai viện ở California, Hawaii và Illinois. Đây quả thực là dấu hiệu chứng tỏ rằng các cuộc bầu cử tổng thống của chúng ta bắt đầu thực sự bắt nguồn từ một "chính phủ của dân, do dân và vì dân".

Kế hoạch bầu cử phổ thông quốc gia vẫn cho phép các bang thành lập hiệp ước tiểu bang có quyền chỉ định các đại cử tri. Điều II, Phần I trong Hiến pháp Hoa Kỳ đã nêu rõ: "Mỗi bang phải chỉ định một

cách hợp pháp các đại cử tri". Quyền này đã được phát triển theo nhiều cách khác nhau bởi các cơ quan lập pháp. Khi nước Mỹ mới thành lập, các cơ quan lập pháp đã trực tiếp chỉ định đại cử tri. Cử tri đoàn hoạt động như một cơ quan tự do và mỗi đại cử tri bỏ phiếu theo lương tâm của họ. Ví dụ như, trong năm 1800 Maryland đã thấy 7 đại cử tri của họ bầu cho Adams và 4 đại cử tri bầu cho Jefferson. Khi các bang bắt đầu chỉ định đại cử tri dựa trên quy mô dân số thì các bang có ít dân số hơn đã phàn nàn rằng hình thức bầu phiếu này làm giảm quyền lực của các bang nhỏ (và họ hoàn toàn có lý). Họ đã kiện ra tòa án và họ đã thua. Trong vụ Delaware kiện New York (1966), Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã bác bỏ đơn kiện vì Tòa cho rằng quyền chỉ định đại cử tri của các bang có thể được tiến hành dưới bất kỳ hình thức nào mà họ cho là hợp lý. Nói chung, quyền lực của các bang là "không có giới hạn".

Như vậy là từ California đến New Jersey, từ Texas đến Utah, các cơ quan lập pháp của chúng ta - dẫn đầu là các bang bị lãng quên trong các chiến dịch tranh cử - nay đã có thể hợp nhất và sử dụng quyền hợp pháp của họ để tặng cho nước Mỹ điều mà chúng ta ủng hộ tại phần còn lại của thế giới nhưng chúng ta lại chưa bao giờ đạt được ở chính đất nước mình: một cuộc bầu cử quốc gia thực sự để lựa chọn tổng thống, dựa trên các nguyên tắc đa số, mỗi người một lá phiếu và tất cả các lá phiếu đều có giá trị ngang nhau. Một cuộc bầu cử như vậy sẽ đánh thức mối quan tâm đang tắt lịm của dân chúng đối với nền dân chủ, tạo động lực cho mười triệu người hiện đang bị đẩy vào vị trí của những cử tri vô dụng. Điều này cũng sẽ khiến cho nước Mỹ tiến gần với các nguyên tắc dân chủ đang được áp dụng để bầu cử tổng thống tại các quốc gia khác trên thế giới hiện nay.

Các ý kiến bày tỏ trong cuộc phỏng vấn này không phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO
Các tài liệu đọc thêm về bầu cử ở Mỹ

CÁC NGUỒN TÀI LIỆU TRÊN INTERNET
Các nguồn thông tin trực tuyến về tiến trình bầu cử ở Hoa Kỳ
Tập hợp các đường link về bầu cử
Các băng ghi hình
Các ứng viên
Các cử tri trẻ tuổi
Các cuộc điều tra dư luận
Các trang blog truyền thông về bầu cử
Hoạt động tài chính của các chiến dịch tranh cử
Các luật về bầu cử
Cử tri đoàn
Công nghệ bỏ phiếu

Bộ Ngoại giao Mỹ không chịu trách nhiệm về nội dung và khả năng truy cập các nguồn thông tin đã nêu ở trên. Tất cả các đường link Internet này đều đang hoạt động vào thời điểm tháng 10/2007.

Trung tâm Hoa Kỳ
Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội
Tel: (04) 3850-5000; Fax: (04) 3850-5048; Email: HanoiAC@state.gov
http://vietnam.usembassy.gov